

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi Quý cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty, nội dung cụ thể như sau:

- Thời gian tổ chức đại hội:** 08h00, ngày 25 tháng 04 năm 2026.
- Địa điểm họp:** 1017 Hồng Bàng, Phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thành phần:**
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và khách mời;
 - Tất cả cổ đông của Công ty theo danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày **24/3/2026** hoặc người được ủy quyền hợp lệ.
- Nội dung đại hội:**

Thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông như đề cập trong tài liệu họp.
- Tài liệu họp:**

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được đăng tải trên website của Công ty www.opcpharma.com/quan-he-co-dong hoặc quét mã QR bên dưới.
- Ủy quyền tham dự Đại hội:**

Trường hợp Quý cổ đông không tham dự Đại hội và ủy quyền cho cá nhân/tổ chức khác, vui lòng gửi Giấy ủy quyền hợp lệ (trong đó ghi đầy đủ thông tin bên ủy quyền, bên nhận ủy quyền, nội dung, phạm vi ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền) về Công ty trước **10 giờ 00 ngày 24/4/2026**.
- Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:**

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

 - Địa chỉ: 1017 Hồng Bàng, Phường Phú Lâm, Tp.HCM
 - Điện thoại: 028.37517111 Fax: (028) 3875 2048
 - Liên hệ: Ông Bùi Quang Trí – Phòng Hành chính Nhân sự
- Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:**
 - Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền).
 - Thẻ CCCD/Hộ chiếu/Định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID hoặc bản sao hợp lệ Giấy CNĐKDN của tổ chức.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
Trân trọng !



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

- Thời gian: 08 giờ 30 phút, Thứ bảy - ngày 25 tháng 04 năm 2026
- Địa điểm: 1017 Hồng Bàng, Phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Thời gian	Nội dung
08:00 – 08:30	Đón tiếp đại biểu/cổ đông: <ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu/cổ đông;- Kiểm tra tư cách đại biểu;- Ổn định tổ chức.
08:30 – 09:00	Khai mạc Đại hội: <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu;- Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự;- Thông qua Quy chế làm việc, Chương trình Đại hội, Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031;- Giới thiệu Đoàn Chủ tọa, Thư ký, Ban Kiểm phiếu;- Thông qua nhân sự Đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm phiếu.
09:00 – 09:45	Trình bày các báo cáo: <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của Hội đồng quản trị;- Báo cáo của Ban Điều hành;- Báo cáo của Ban Kiểm soát.
09:45 – 10:30	Trình bày các Tờ trình: <ul style="list-style-type: none">- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 (hợp nhất và riêng) đã kiểm toán;- Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026;- Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;- Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025;- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026;- Tờ trình thay đổi mô hình tổ chức quản lý;

Thời gian	Nội dung
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; - Tờ trình danh sách ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031; - Nội dung khác (nếu có).
10:30 – 11:15	<p>Thảo luận & biểu quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận các nội dung đã trình bày; - Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình; - Công bố kết quả biểu quyết.
11:15 – 11:30	<p>Tiến hành bầu cử Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn bỏ phiếu bầu cử; - Tiến hành bỏ phiếu bầu cử.
11:30 – 11:45	Nghỉ giải lao & kiểm phiếu
11:45 – 12:00	Công bố kết quả bầu cử HĐQT
12:00 – 12:10	<p>Thông qua Biên bản & Nghị quyết Đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thư ký đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết - Đại hội biểu quyết thông qua.
12:10	Tuyên bố bế mạc Đại hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

Trụ sở chính: 1017 Hồng Bàng, Phường Phú Lâm, Tp.HCM

Điện thoại: 028.37517111 Fax: (028) 3875 2048

Website: www.opcpharma.com

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025);
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng áp dụng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
- Bỏ phiếu điện tử : là việc Đại biểu sử dụng các thiết bị có kết nối Internet và thực hiện việc biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Hệ thống bỏ phiếu điện tử : là cơ sở hạ tầng được Công ty sử dụng và cung cấp cho Đại biểu để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự Đại hội.

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty thì Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty thì được triệu tập lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày **24/03/2026**

đều có quyền tham dự Đại hội; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức đương nhiên có quyền đại diện cho tổ chức đó hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật.

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội, trừ trường hợp được Chủ tọa mời hoặc được Chủ tọa chấp thuận theo đề nghị của BTC; trường hợp cần thiết, khách mời có trách nhiệm tham gia giải trình, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Chủ tọa.

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân theo yêu cầu của BTC Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký tham dự; hiệu lực của các đợt biểu quyết/bầu cử đã tiến hành trước khi Đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của BTC, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có Đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất Đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn chủ tọa gồm Chủ tọa và các Thành viên.
- Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập;

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:
 - Điều khiển các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình, các thể lệ quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, BKS Công ty trình dự thảo, kết luận, kết quả kiểm phiếu những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết/bầu cử;
 - Hướng dẫn đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết/bầu cử các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình đại hội;
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết/bầu cử;
 - Trả lời những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Đại hội

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
 - Tổng hợp các ý kiến của Đại biểu trong quá trình diễn ra Đại hội và gửi cho Đoàn chủ tọa;
 - Ghi chép trung thực diễn biến của Đại hội vào nội dung Biên bản họp và Nghị quyết

cuộc họp để Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi kết thúc Đại hội;

- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tọa.

4.7 Ban Kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - Hướng dẫn cho Đại biểu cách thức biểu quyết/bầu cử tại Đại hội;
 - Xem xét và báo cáo Đoàn chủ tọa những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết/bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết/bầu cử;
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết/bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.

4.8 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm từ 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên do Ban tổ chức Đại hội quyết định, chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Phối hợp với Đoàn chủ tọa và Ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết/bầu cử.
 - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình Đại biểu dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

4.9 Phát biểu tại Đại hội

4.9.1 Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;

- Trong thời gian thảo luận, Đại biểu muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Đoàn chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi. Mỗi ý kiến phát biểu tối đa 03 phút.
- Đại biểu có ý kiến có thể đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:
 - Đại biểu có thể đặt câu hỏi tại mục Thảo luận trong giao diện tham dự Đại hội thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử tại đường link www.ezgsm.fpts.com.vn hoặc gửi email về địa chỉ: info@opcpharma.com (trước giờ thảo luận). (Các câu hỏi là hợp lệ khi được gửi từ email đã đăng ký trong danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc từ email do Cổ đông đã đăng ký thông tin trong Giấy đăng ký dự họp/ ủy quyền đã được gửi bản cứng về Công ty, hoặc được gửi từ hệ thống bỏ phiếu điện tử).
 - Ban Thư ký sẽ tổng hợp, sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

4.9.2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở câu hỏi của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng các hình thức khác.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- Đại biểu thực hiện đăng ký tham dự tại địa điểm họp được ghi trong Thư mời họp đã gửi đến tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt cổ đông ngày 24/03/2026 do VSDC cung cấp. Sau khi thực hiện đăng ký tham dự với BTC Đại hội, Đại biểu được cấp tài khoản và mật khẩu và/hoặc Mã QR Code để tiến hành đăng nhập và thực hiện biểu quyết tất cả các nội dung được đưa ra biểu quyết tại Đại hội theo hình thức bỏ phiếu điện tử tại đường link: www.ezgsm.fpts.com.vn.
- Khi phát hiện thấy tên đăng nhập, mật khẩu và/hoặc yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ, Đại biểu phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro xảy ra do lỗi của Đại biểu.

4.10.2 Bỏ phiếu biểu quyết

- Hình thức biểu quyết tại đại hội:

● **Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ:** áp dụng đối với các nội dung mang tính thủ tục của Đại hội, bao gồm: thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, Ban Kiểm phiếu; Quy chế làm việc; Chương trình Đại hội; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031; Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác theo điều hành của Chủ tọa.

● **Biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử:** áp dụng đối với các báo cáo, tờ trình và các nội dung khác thuộc chương trình Đại hội đồng cổ đông đã được Đại hội thông qua.

- Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ để biểu quyết, mặt trước của Thẻ phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp Đại biểu không giơ Thẻ để biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết “*Tán thành*”, “*Không tán thành*” hoặc “*Không có ý kiến*” của một vấn đề thì được xem là không tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ. Trường hợp Đại biểu giơ cao Thẻ để biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết “*Tán thành*”, “*Không tán thành*” hoặc “*Không có ý kiến*” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức giơ Thẻ để biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng Đại biểu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử, Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “*Tán thành*”, “*Không tán thành*” hoặc “*Không có ý kiến*” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề phát sinh đó.
- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết); bao gồm cả kết quả biểu quyết bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của Đại hội.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử cho các vấn đề cần được biểu quyết tại Đại hội: Đại biểu thực hiện biểu quyết từ lúc hoàn tất thủ tục đăng ký dự họp đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu điện tử cho các nội dung biểu quyết.

Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

- Trường hợp hệ thống bỏ phiếu điện tử gặp sự cố, Chủ tọa quyết định áp dụng phương thức biểu quyết thay thế. Kết quả biểu quyết được ghi nhận từ hệ thống và/hoặc phương thức thay thế là căn cứ pháp lý chính thức của Đại hội.

4.10.3 Thể lệ biểu quyết

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một phiếu biểu quyết. Mỗi Đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 24/03/2026) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 64.050.892 cổ phần tương đương với 64.050.892 phiếu biểu quyết.
- Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- Lưu ý: Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).

4.10.4 Ghi nhận kết quả biểu quyết/bầu cử

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

4.11 Bầu cử Hội đồng quản trị

Việc bầu cử thành viên HĐQT phải được thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031 và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại Đại hội.

4.12 . Biên bản họp, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký đại hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

5. Thực hiện

- Tất cả các Đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại Quy chế này thì thông nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước .

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

HOÀNG LÊ SƠN

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ**DỰ THẢO****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2026 – 2031
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC****Căn cứ:**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính Phủ;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2031 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt:

- Công ty : Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- UBKT : Ủy Ban kiểm toán
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại Đại hội:

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT:

- Số lượng thành viên HĐQT cần bầu : 05 người
- Nhiệm kỳ : 2026 – 2031
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa : Không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: (Theo Khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị: *Ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều 01 Nghị định 245/2025/NĐ-CP)*

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

IV. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

V. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (*theo Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp*): theo đó mỗi Đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của HĐQT.
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên.
- Mỗi Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và tiến hành việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc).
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn: Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện lại việc bầu của của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời

gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc).

VI. Phiếu bầu cử:

Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu bầu cử được Công ty cung cấp cho Đại biểu thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Cách ghi Phiếu bầu cử:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu;
- Đại biểu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một ứng viên cần bầu, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

- Trong trường hợp có sự sai sót, Đại biểu có thể thay đổi kết quả bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả bầu cử). Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc tại Đại hội.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, hệ thống sẽ tự ghi nhận kết thúc kiểm phiếu.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Đoàn chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của Đại biểu (nếu có).

VII. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

VIII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu bổ sung vào HĐQT:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu bổ sung vào HĐQT bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT (*theo mẫu*).
- Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu*).
- Bản sao các giấy tờ sau: CCCD/Hộ chiếu.
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

Người đề cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ vui lòng gửi về Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC trước **10 giờ 00 ngày 14 tháng 04 năm 2026** theo địa chỉ sau:

- Văn phòng Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
- Địa chỉ: 1017 Hồng Bàng, Phường Phú Lâm, Tp.HCM
- Điện thoại: 028.37517111 Fax: (028) 3875 2048

Trên đây là toàn bộ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2031 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Quy chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, Ban TGD,;
- Lưu: VT, Thư ký.

HOÀNG LÊ SƠN

Số: /BC – HĐQT

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 - 2026
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị (HĐQT) theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC và các quy định pháp luật liên quan, HĐQT Công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2026 - 2031 như sau:

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**I. TỔNG QUAN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG DƯỢC PHẨM GIAI ĐOẠN 2021 – 2026**

Nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động sâu rộng, đan xen giữa thách thức ngắn hạn và cơ hội phát triển dài hạn.

Giai đoạn đầu nhiệm kỳ chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, gây gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và làm thay đổi hành vi tiêu dùng. Bước sang giai đoạn hậu Covid, nền kinh tế tiếp tục đối mặt với các yếu tố bất định như xung đột địa chính trị, áp lực lạm phát, biến động tỷ giá và chi phí đầu vào gia tăng, đặc biệt là đối với nguyên vật liệu, dược liệu và tá dược nhập khẩu.

Trong nước, mặc dù Chính phủ đã triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ phục hồi kinh tế, thị trường vẫn tồn tại những thách thức nhất định như sức mua có thời điểm suy giảm, cơ chế đấu thầu thuốc ngày càng chặt chẽ và mức độ cạnh tranh trong ngành dược ngày càng gia tăng, đặc biệt tại kênh điều trị (ETC). Những yếu tố này đã tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp dược trong nước.

Tuy nhiên, ngành dược phẩm Việt Nam vẫn duy trì tiềm năng tăng trưởng tích cực trong trung và dài hạn, nhờ các yếu tố nền tảng như quy mô dân số lớn, xu hướng già hóa dân số, nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng gia tăng và xu hướng sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên. Năm 2025, ngành Dược Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong bối cảnh nền kinh tế mở rộng và khung thể chế ngày càng hoàn thiện theo hướng minh bạch, chuẩn hóa. Theo IQVIA, giai đoạn 2023–2025, thị trường duy trì tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng ~8%, với doanh số ước đạt ~9 tỷ USD. Tăng trưởng của thị trường không chỉ đến từ mở rộng quy mô tiêu thụ mà còn phản ánh sự dịch chuyển sang các sản phẩm có giá trị cao hơn.

Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp được trong nước, trong đó có OPC, vừa đối diện với áp lực từ biến động thị trường và chi phí đầu vào, vừa đứng trước cơ hội phát triển nhờ nhu cầu thị trường gia tăng và dư địa tăng trưởng còn lớn.

Trên cơ sở đánh giá toàn diện các yếu tố vĩ mô và ngành, Hội đồng quản trị xác định nhiệm kỳ 2021 – 2026 là giai đoạn củng cố nền tảng phát triển dài hạn, tập trung nâng cao năng lực quản trị, đầu tư vào chuỗi giá trị dược liệu, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm và từng bước thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành, tạo tiền đề cho tăng trưởng bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025, NHIỆM KỲ 2021 – 2026

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã bầu 9 thành viên Hội đồng quản trị. Trong quá trình hoạt động, nhằm phù hợp với yêu cầu quản trị và tình hình thực tế của Công ty, cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị đã được điều chỉnh theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Sau các thay đổi trong nhiệm kỳ, đến nay Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, cụ thể như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Hoàng Lê Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	23/4/2023
2	Bà Phương Thanh Nhung	PCT. Hội đồng quản trị	22/10/2021
3	Ông Trịnh Xuân Vương	TV. Hội đồng quản trị	09/4/2021
4	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	TV. Hội đồng quản trị	22/10/2021
5	Bà Phạm Thị Xuân Hương	TV. Hội đồng quản trị	23/4/2023

Việc tinh gọn số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng ra quyết định, phù hợp với thông lệ quản trị hiện đại. Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ rõ ràng, bảo đảm tách bạch giữa chức năng quản trị và điều hành; đồng thời tăng cường tính khách quan, minh bạch thông qua vai trò của các thành viên độc lập và không điều hành.

III. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng quản trị, định hướng và giám sát theo quy định; tổ chức 04 cuộc họp định kỳ với sự tham gia đầy đủ của các thành viên để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã ban hành 20 Nghị quyết/Quyết định nhằm kịp thời chỉ đạo hoạt động của Công ty. Nội dung các nghị quyết tập trung vào các vấn đề trọng yếu

như: công tác nhân sự; hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ; công tác tài chính và phân phối lợi nhuận; hoạt động đầu tư, phát triển; quản lý vốn tại các đơn vị thành viên và các vấn đề quan trọng khác thuộc thẩm quyền.

Chi tiết các nghị quyết, quyết định đã được thể hiện trong Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

2. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và Thành viên HĐQT độc lập

2.1 Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro

Trong năm 2025, Ủy ban đã chỉ đạo Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện 02 cuộc kiểm toán tại Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương và Văn phòng Công ty, tập trung rà soát tuân thủ, đánh giá hiệu quả quản lý chi phí, dòng tiền và quy trình thanh toán, công nợ nhà cung cấp. Qua đó, đã đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình, tăng cường kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Về nhân sự, Bộ phận Kiểm toán nội bộ được kiện toàn với việc thay đổi Người phụ trách từ ngày 01/6/2025 và bổ sung thêm 01 nhân sự nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2.2 Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã tham gia đầy đủ các hoạt động của Hội đồng quản trị, đồng thời thực hiện vai trò giám sát độc lập đối với các vấn đề liên quan đến quản trị, tài chính và kiểm soát rủi ro. Thành viên độc lập đã góp phần nâng cao tính khách quan, minh bạch trong quá trình xem xét, đánh giá và đưa ra các khuyến nghị đối với các vấn đề quan trọng của Công ty.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025

TT	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện
1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025		
1.1	Báo cáo tài chính công ty mẹ Doanh thu: 1.150 tỷ đồng Lợi nhuận trước thuế: 168 tỷ đồng	Doanh thu tại công ty mẹ năm 2025 đạt 1.045,63 tỷ đồng đạt 90,9 % so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 139,42 tỷ đồng đạt 83% so với kế hoạch.
1.2	Báo cáo tài chính hợp nhất Doanh thu : 1.240 tỷ đồng Lợi nhuận trước thuế: 177 tỷ đồng	Doanh thu hợp nhất năm 2025 đạt 1.124,55 tỷ đồng đạt 90,7 % so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 148,04 tỷ đồng , đạt 83,6% so với kế hoạch.

TT	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện
<p>Mặc dù một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra do tác động của chi phí đầu vào và yếu tố thị trường trong ngắn hạn, Công ty vẫn duy trì quy mô doanh thu trên 1.000 tỷ đồng và ghi nhận mức tăng trưởng tích cực so với năm 2024 (18%) qua đó tiếp tục khẳng định vị thế trong Top 10 công ty sản xuất dược uy tín tại Việt Nam.</p>		
<p>2. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024</p>		
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển 10%	Đã thực hiện trích quỹ theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
2.2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 12%	
3	<p>Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2025.</p>	<p>Ngày 23/07/2024, Công ty đã kí hợp đồng với Công ty TNHH Ernst & Young để thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.</p>
4	<p>Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.</p>	<p>Điều 42 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC quy định thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí kinh doanh với mức chi không quá 5% lợi nhuận sau thuế.</p> <p>Năm 2025 việc chi trả thù lao HĐQT, BKS thực hiện đúng theo quy định tại điều lệ công ty với tổng số tiền là 3,095 tỷ đồng tương đương 2,8% lợi nhuận sau thuế.</p> <p>Chi tiết thù lao và các khoản lương thưởng, lợi ích khác của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành trong năm 2025 được trình bày cụ thể tại trang 36 Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2025.</p>
5	<p>Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty trong năm 2025</p>	<p>Các giao dịch giữa OPC với các bên liên quan được xem xét, phê duyệt theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật. Chi tiết các giao dịch được trình bày cụ thể trong Báo cáo tình hình quản trị và Báo cáo Tài chính đã kiểm toán công ty năm 2025</p>

TT	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện
		đồng thời thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo quy định pháp luật.

4. **Đánh giá HĐQT về hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành**

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc thông qua các báo cáo định kỳ, các cuộc họp và việc theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét, cho ý kiến đối với các đề xuất, tờ trình của Ban Tổng Giám đốc; đồng thời giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đảm bảo hoạt động của Công ty bám sát định hướng và kế hoạch đề ra.

Công tác giám sát tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu như tài chính, quản trị rủi ro, lao động tiền lương và việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin, nhằm đảm bảo tính minh bạch, kịp thời và tuân thủ quy định.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành, chủ động triển khai các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, góp phần duy trì ổn định hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025.

5. **Đánh giá của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp, tích cực đóng góp ý kiến khách quan đối với các vấn đề chiến lược, hoạt động đầu tư, quản trị rủi ro và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Các ý kiến đóng góp đã được Hội đồng quản trị ghi nhận, góp phần nâng cao chất lượng quyết định và đảm bảo cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan.

Qua quá trình tham gia và theo dõi hoạt động quản trị trong năm, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đánh giá:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò định hướng chiến lược và giám sát hoạt động của Công ty, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định về quản trị công ty áp dụng đối với doanh nghiệp niêm yết.
- Các thành viên Hội đồng quản trị tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp định kỳ cũng như thông qua các lần lấy ý kiến bằng văn bản, góp phần nâng cao chất lượng các quyết định quản trị.
- Các vấn đề quan trọng của Công ty đều được thảo luận công khai, dân chủ và thận trọng trước khi Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết; Ban Điều hành đã triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến giao dịch với người nội bộ và người có liên quan, đảm bảo việc phê duyệt, giám sát và công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.
- Công tác giám sát, quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2021 - 2026

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2021 – 2025 (ĐVT: Tỷ đồng)

❖ Công ty mẹ:

TT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	BQ 2021-2025	BQ 2016- 2020	% tăng trưởng
1	Doanh thu	933,5	1.110,4	944,0	887,5	1.045,6	984,2	826,0	+19,15%
2	Doanh thu thuần	931,0	1.088,5	940,3	886,6	1.044,5	978,2	824,1	+18,71%
3	Lợi nhuận TT	165,5	177,0	148,4	124,1	139,4	150,9	118,5	+27,30%
4	Lợi nhuận ST	130,6	140,1	117,0	99,2	111,1	119,6	93,2	+28,37%
5	Cổ tức (%)	10%	15%	15%	-	(*)			

(*) Cổ tức 2025 chính thức sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua

❖ Báo cáo hợp nhất:

TT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	BQ 2021-2025	BQ 2016-2020	% tăng trưởng
1	Doanh thu	1.126,4	1.194,0	1.008,9	969,6	1.124,6	1.084,7	941,2	+15,2%
2	Doanh thu thuần	1.123,7	1.171,6	1.004,9	968,6	1.123,0	1078,4	938,5	+14,9%
3	Lợi nhuận TT	159,2	179,9	155,3	137,1	148,0	155,9	121,6	+28,2%
4	Lợi nhuận ST	123,4	142,4	122,3	109,4	116,4	122,8	94,2	+30,4%

Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận (30,4%) cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng trưởng doanh thu (14,9%), qua đó cho thấy hiệu quả hoạt động được cải thiện, đặc biệt trong công tác kiểm soát chi phí và tối ưu cơ cấu vận hành. Việc tối ưu hóa giá vốn, tinh gọn bộ máy vận hành và từng

bước ứng dụng chuyên đổi số trong quản trị đã góp phần duy trì biên lợi nhuận ổn định trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

2. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ số tài chính cơ bản giai đoạn 2021 - 2025:

Chỉ số	2021	2022	2023	2024	2025	Ý nghĩa/Đánh giá
ROS (%) (Lợi nhuận ròng/DTT)	11,0%	12,2%	12,2%	11,3%	10,4%	Biên lợi nhuận ổn định
ROA (%) (Tỷ suất sinh lời tài sản)	10,6%	11,4%	9,8%	8,6%	8,9%	Hiệu quả sử dụng tài sản tốt
ROE (%) (Tỷ suất sinh lời vốn CSH)	19,0%	19,1%	15,0%	13,1%	13,5%	Hiệu quả sử dụng vốn cao
Hệ số tự tài trợ (%)	60,0%	70,0%	70,1%	71,8%	71,1%	Độc lập tài chính rất cao
Vòng quay HTK (lần)	1,29	1,47	1,50	1,53	1,66	Quản lý hàng tồn kho cải thiện rõ rệt
Tồn kho/ tài sản ngắn hạn (%)	59%	45%	39%	42%	39%	

Hệ số tự tài trợ luôn duy trì trên mức 60%, phản ánh mức độ độc lập tài chính cao và rủi ro nợ vay thấp. Đặc biệt, công tác quản trị hàng tồn kho đã có sự cải thiện tích cực: Vòng quay hàng tồn kho tăng từ mức bình quân 1,39 vòng (giai đoạn 2016-2020) lên 1,49 vòng (giai đoạn 2021-2025), đồng thời tỷ trọng hàng tồn kho trên tài sản ngắn hạn giảm từ 62% xuống còn khoảng 45%. Điều này cho thấy công tác quản trị hàng tồn kho đã được cải thiện rõ rệt, với sự hỗ trợ của hệ thống ERP trong việc nâng cao chất lượng dự báo và lập kế hoạch sản xuất.

3. Quy mô vốn và năng lực tài chính (ĐVT: Tỷ đồng)

Nội dung	2021	2022	2023	2024	2025	Đánh giá
Vốn chủ sở hữu	743,02	871,96	884,16	876,82	975,51	Tăng mạnh trong năm 2022 và duy trì mức trên 800 tỷ
Vốn điều lệ	265,77	640,51	640,51	640,51	640,51	Tăng vốn từ năm 2022 khi phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1.41

Trong giai đoạn 2021–2025, quy mô vốn của Công ty tiếp tục được duy trì và từng bước gia tăng. Vốn chủ sở hữu tăng từ 743,02 tỷ đồng năm 2021 lên 975,51 tỷ đồng năm 2025.

Về quy mô vốn, vốn điều lệ đã tăng từ 265,77 tỷ đồng (năm 2021) lên 640,51 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông, giúp nâng cao năng lực tài chính và tính thanh khoản của cổ phiếu OPC trên thị trường chứng khoán.

Nhìn chung, quy mô và chất lượng nguồn vốn của Công ty trong giai đoạn 2021–2025 được cải thiện, góp phần nâng cao năng lực tài chính và tạo nền tảng cho các kế hoạch đầu tư và phát triển trong giai đoạn tới.

4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chiến lược tái cấu trúc mô hình kinh doanh và hiện đại hóa hệ thống

4.1 Tái cấu trúc hệ thống phân phối và phát triển thị trường

Trong nhiệm kỳ 2021 – 2025, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo triển khai tái cấu trúc hệ thống phân phối theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng (tối ưu cơ cấu kênh phân phối, kiểm soát giá và hiệu quả kinh doanh), kiểm soát thị trường và củng cố thương hiệu.

Chiến lược được triển khai theo các định hướng trọng tâm: (i) gia tăng hiện diện tại kênh điều trị (ETC), (ii) nâng cao hiệu quả hợp tác với các đối tác phân phối, và (iii) mở rộng các kênh bán lẻ hiện đại, đặc biệt là hệ thống chuỗi nhà thuốc và thương mại điện tử.

Kết quả, tỷ trọng doanh thu từ kênh ETC đã được cải thiện rõ rệt, chiếm khoảng 30% tổng doanh thu vào năm 2025, với mức tăng trưởng tích cực so với năm trước. Đồng thời, kênh bán lẻ hiện đại tiếp tục ghi nhận tăng trưởng, trong đó kênh chuỗi nhà thuốc tăng 16% trong năm 2024 so với cùng kì và tiếp tục tăng trưởng 7,7% trong năm 2025, từng bước trở thành một trong những kênh phân phối quan trọng của Công ty.

Hệ thống phân phối được củng cố theo hướng minh bạch, ổn định và hiệu quả hơn, góp phần nâng cao chất lượng doanh thu và tăng cường kiểm soát thị trường.

Nhìn chung, việc tái cấu trúc hệ thống phân phối đã tạo nền tảng quan trọng cho tăng trưởng bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

4.2 Chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản trị

Xác định công nghệ là nền tảng nâng cao năng lực quản trị, Hội đồng quản trị đã phê duyệt và chỉ đạo triển khai hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP trong nhiệm kỳ 2021 – 2025, thay thế các hệ thống rời rạc trước đây.

Hệ thống được triển khai đồng bộ trên toàn Công ty, góp phần:

- Tích hợp và chuẩn hóa dữ liệu quản trị theo hướng tập trung;
- Nâng cao tính minh bạch và kịp thời trong công tác điều hành;
- Chuẩn hóa các quy trình vận hành, giảm thiểu sai sót và tối ưu nguồn lực;
- Từng bước hình thành hệ sinh thái số kết nối các hoạt động kinh doanh, tài chính và nhân sự.

Quá trình chuyển đổi số không chỉ dừng ở việc ứng dụng công nghệ mà còn góp phần thay đổi phương thức quản trị theo hướng hiện đại, tạo nền tảng cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng thích ứng trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

5. Đánh giá kết quả triển khai chủ trương đầu tư hoạt động R&D và Phát triển chuỗi giá trị dược liệu bền vững

5.1 Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển (R&D)

Trong nhiệm kỳ 2021 – 2025, Hội đồng quản trị đã phê duyệt đầu tư Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển (R&D) tại TP.HCM theo định hướng Pharma 4.0, tạo bước chuyển quan trọng trong chiến lược phát triển sản phẩm từ dược liệu.

Đến năm 2025, Công ty đã xây dựng và số hóa hệ thống dữ liệu nghiên cứu với quy mô lớn (hơn 14.000 loài dược liệu và 150.000 hợp chất), phục vụ công tác sàng lọc, phát triển sản phẩm. Dự án Trung tâm R&D đã được cơ quan quản lý Nhà nước ghi nhận và hỗ trợ trong khuôn khổ chương trình khoa học công nghệ.

Việc đầu tư R&D không chỉ nâng cao năng lực nghiên cứu nội bộ mà còn tạo nền tảng để OPC từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị dược liệu, hướng tới phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học và giá trị gia tăng cao.

5.2 Phát triển vùng nguyên liệu đạt chuẩn

Trong nhiệm kỳ, OPC tiếp tục mở rộng và chuẩn hóa hệ thống vùng trồng dược liệu, với 12 vùng trồng đạt GACP tạo lợi thế khi đấu thầu vào kênh ETC.

Các vùng trồng được phân bổ theo khu vực, tập trung vào các nhóm dược liệu chủ lực, đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, đạt chuẩn cho sản xuất. Việc chủ động vùng nguyên liệu giúp Công ty kiểm soát chất lượng đầu vào, đồng thời tạo lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh giá nguyên liệu biến động.

Bên cạnh phục vụ sản xuất nội bộ, OPC từng bước tham gia cung ứng dược liệu và sản phẩm chiết xuất cho các đối tác, qua đó mở rộng giá trị khai thác từ chuỗi dược liệu.

5.3 Công nghệ chiết xuất và phát triển sản phẩm

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng công nghệ chiết xuất nhằm nâng cao giá trị gia tăng của dược liệu. Đến năm 2025, Công ty đã được cấp **04 số đăng ký nguyên liệu làm thuốc dưới dạng cao chiết**, tạo nền tảng cho việc tiêu chuẩn hóa và phát triển sản phẩm.

Song song đó, OPC tiếp tục mở rộng danh mục sản phẩm sang lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Doanh thu nhóm sản phẩm này đạt **50,8 tỷ đồng năm 2025**, tăng đáng kể so với giai đoạn trước, cho thấy hiệu quả bước đầu của chiến lược đa dạng hóa. Đặc biệt, việc ra mắt sản phẩm nước uống thảo mộc Gen V vào dịp cuối năm 2025 đã nhận được tín hiệu tích cực từ thị trường, mở ra hướng đi mới cho việc ứng dụng thảo dược vào đời sống hằng ngày.

6. Công tác đầu tư nhiệm kỳ 2021 – 2025

Trong nhiệm kỳ 2021 – 2025, Hội đồng quản trị đã phê duyệt và chỉ đạo triển khai các chương trình đầu tư trọng điểm nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tăng cường hoạt động nghiên cứu phát triển và đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị.

Tổng giá trị đầu tư thực hiện đạt **51,79 tỷ đồng**, tập trung vào ba trụ cột chính: (i) đầu tư máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất và chuẩn hóa chất lượng; (ii) đầu tư xây dựng cơ bản, tiêu biểu là Kho GSP Bình Dương và Trung tâm R&D tại TP.HCM; và (iii) đầu tư hệ thống công nghệ thông tin, bao gồm ERP, AI, DMS và các giải pháp số, tạo nền tảng cho mô hình vận hành tập trung và nâng cao hiệu quả quản trị.

(ĐVT: tỷ đồng)

Danh mục đầu tư	2021	2022	2023	2024	2025	TỔNG CỘNG
Máy móc thiết bị	-	-	3,20	-	5,92	9,12
Xây dựng cơ bản	1,58	-	4,37	9,01	2,29	15,67
Hệ thống số và giải pháp quản trị (ERP, AI, DMS, Bizzi)	-	2,55	3,01	2,80	17,06	25,42
Tổng giá trị	1,58	2,55	10,58	11,81	25,27	51,79

Các hoạt động đầu tư trong nhiệm kỳ đã góp phần cải thiện năng lực sản xuất, hoàn thiện hạ tầng nghiên cứu phát triển và từng bước hiện đại hóa hệ thống quản trị, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị đã phê duyệt chủ trương nghiên cứu đầu tư nhà máy sơ chế, chế biến và chiết xuất dược liệu đồng thời sẽ giao Ban Điều hành tập trung triển khai trong năm 2026. Đây là định hướng chiến lược nhằm hoàn thiện chuỗi giá trị dược liệu tại vùng nguyên liệu, tối ưu chi phí và nâng cao khả năng kiểm soát chất lượng đầu vào.

7. Hiệu quả hoạt động của các Công ty con

- **Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương:** Trong nhiệm kỳ, đơn vị duy trì hoạt động ổn định và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu lợi nhuận; năm 2024 đạt 11,9 tỷ đồng (119% kế hoạch), năm 2025 đạt 14,4 tỷ đồng (107,3% kế hoạch), góp phần tích cực vào kết quả chung của Công ty.
- **Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 (TW25):** Sau quá trình tái cơ cấu, hoạt động của TW25 đã có chuyển biến tích cực. Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế 2,6 tỷ đồng trong năm 2024 và duy trì ổn định trong năm 2025. Hội đồng quản trị tiếp tục theo dõi, đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tối ưu giá trị đầu tư tại đơn vị trong thời gian tới.

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu	166.15	158.13	140.43	130.58	113.35
Doanh thu thuần	166.14	150.24	140.14	130.58	112.96
Lợi nhuận TT	-7.26	2	2.21	2.62	2.92
Lợi nhuận ST	-7.24	2.08	2.21	3.07	2.26

Bên cạnh các kết quả về tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh nêu trên, trong nhiệm kỳ 2021 – 2025, Công ty cũng ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực trên các phương diện nền tảng. Công tác phát triển nguồn nhân lực được chú trọng theo hướng nâng cao chất lượng và chuẩn hóa năng lực đội ngũ; hệ thống quản trị rủi ro từng bước được hoàn thiện gắn với mô hình quản trị hiện đại. Thương hiệu OPC tiếp tục được củng cố trên thị trường, mạng lưới phân phối được tái cấu trúc theo hướng hiệu quả và bền vững. Đồng thời, văn hóa doanh nghiệp được duy trì và phát triển theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và gắn kết, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và dài hạn của Công ty.

PHẦN II PHƯƠNG HƯỚNG HÀNH ĐỘNG NHIỆM KỲ 2026 - 2031

I. DỰ BÁO KINH TẾ VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN

Bước sang năm 2026, thị trường dược phẩm Việt Nam được dự báo tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng gia tăng, thu nhập người dân được cải thiện và quá trình già hóa dân số diễn ra nhanh chóng. Quy mô thị trường được dự kiến tiếp tục tăng trưởng khoảng 8–10%, đưa Việt Nam tiếp tục nằm trong nhóm các thị trường được có tốc độ phát triển cao trong khu vực Đông Nam Á.

Cơ cấu thị trường vẫn duy trì đặc điểm với thuốc generic chiếm tỷ trọng lớn, trong khi thị trường còn phụ thuộc đáng kể vào nguồn thuốc và nguyên liệu nhập khẩu. Tuy nhiên, các chính sách của Chính phủ nhằm thúc đẩy phát triển ngành dược trong nước, đặc biệt là ưu tiên thuốc sản xuất trong nước trong đấu thầu tại các cơ sở y tế, cùng với việc nâng cao tiêu chuẩn sản xuất theo các chuẩn quốc tế như GMP, PIC/S-GMP, được kỳ vọng sẽ tạo thêm cơ hội cho các doanh nghiệp dược nội địa mở rộng thị phần trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, thị trường cũng ghi nhận một số xu hướng nổi bật như gia tăng nhu cầu đối với các sản phẩm điều trị bệnh mạn tính, sự phát triển của kênh bán lẻ dược phẩm và hệ thống nhà thuốc, cũng như xu hướng sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc dược liệu và chăm sóc sức khỏe tự nhiên. Đây là những xu hướng phù hợp với định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, doanh nghiệp có thế mạnh trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm dược liệu và thuốc đông dược, đồng thời sở hữu hệ thống phân phối rộng khắp trên toàn quốc.

Trong bối cảnh đó, năm 2026 được đánh giá tiếp tục mở ra nhiều cơ hội cho OPC trong việc phát huy lợi thế về danh mục sản phẩm từ dược liệu, năng lực sản xuất và hệ thống phân phối, qua đó mở rộng thị trường, gia tăng doanh thu và từng bước nâng cao vị thế của Công ty trong ngành dược Việt Nam.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ 2026 – 2031

1. Mục tiêu chiến lược “trở thành người dẫn đầu”

Trên nền tảng đã được xây dựng trong nhiệm kỳ 2021 – 2025, Hội đồng quản trị xác định mục tiêu cho giai đoạn 2026 – 2031 là đưa OPC trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất và phát triển các sản phẩm chăm sóc sức khỏe có nguồn gốc dược

liệu tại Việt Nam, đồng thời từng bước mở rộng hợp tác và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường khu vực.

Chiến lược phát triển được định hướng trên hai trụ cột chính:

- **Thứ nhất, tăng trưởng từ nội lực:** Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận bình quân trên 10%/năm; đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm theo hướng tiêu chuẩn hóa, gia tăng hàm lượng khoa học và đẩy mạnh đóng góp của các sản phẩm mới từ hoạt động nghiên cứu – phát triển.
- **Thứ hai, mở rộng quy mô thông qua đầu tư:** Chủ động tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phù hợp nhằm bổ sung năng lực sản xuất, sản phẩm và thị trường, qua đó gia tăng quy mô hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh trên cơ sở đảm bảo lợi ích lâu dài cho cổ đông.

2. Kế hoạch kinh doanh cụ thể năm 2026

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch kinh doanh năm 2026 với mục tiêu tăng trưởng tích cực trên các chỉ tiêu chủ yếu:

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tăng trưởng
Doanh thu Công ty mẹ	1.045,63	1.150,00	+10,0%
Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ	139,42	165,00	+18,3%
Doanh thu hợp nhất	1.124,55	1.250,00	+11,2%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	148,04	175,00	+18,2%

Để thực hiện kế hoạch trên, Công ty tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm:

- Tiếp tục hoàn thiện và phát triển hệ thống phân phối theo hướng hiệu quả, phù hợp xu hướng thị trường;
- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ trong phát triển sản phẩm;
- Tăng cường đầu tư vào chuỗi giá trị dược liệu, nâng cao năng lực sản xuất và chế biến;
- Tối ưu hệ thống tổ chức và kênh bán hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động trên toàn hệ thống

3. Tận dụng cơ hội từ chính sách và thị trường

Hội đồng quản trị nhận định các chính sách mới của Nhà nước đối với ngành dược, đặc biệt trong lĩnh vực dược liệu, đang tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước phát triển.

Trên cơ sở đó, Công ty định hướng chủ động tận dụng các cơ chế hỗ trợ, nâng cao năng lực sản phẩm, mở rộng thị phần và tăng cường hiện diện tại các kênh phân phối trọng yếu, qua đó củng cố vị thế cạnh tranh và tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tới.

III. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, ESG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Hội đồng quản trị xác định phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt trong chiến lược phát triển giai đoạn 2026 – 2031. Trên nền tảng các kết quả đã đạt được trong nhiệm kỳ trước, Công ty tiếp tục hoàn thiện và nâng cao việc triển khai các nguyên tắc quản trị theo tiêu chuẩn ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị), hướng tới phát triển hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

Trong năm 2026 và các năm tiếp theo, Hội đồng quản trị định hướng tập trung vào các nội dung trọng tâm sau:

- **Về môi trường:** Tiếp tục đầu tư, vận hành nhà máy sản xuất theo hướng thân thiện môi trường; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu và từng bước giảm thiểu tác động môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- **Về xã hội:** Phát triển vùng được liệu theo hướng bền vững, gắn với việc tạo sinh kế ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân tại các khu vực triển khai; đồng thời tăng cường các hoạt động đóng góp cho cộng đồng.
- **Về quản trị và người lao động:** Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch; đảm bảo quyền lợi, thu nhập và phúc lợi cho người lao động, đồng thời chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Hội đồng quản trị cam kết tiếp tục giám sát và thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, góp phần nâng cao uy tín, giá trị thương hiệu và năng lực cạnh tranh của Công ty trong dài hạn.

Nhiệm kỳ 2021 – 2025 khép lại với nhiều kết quả tích cực. Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, OPC không chỉ duy trì ổn định hoạt động và bảo toàn vốn mà còn đạt được những bước tiến quan trọng trong chuyển đổi số, tái cấu trúc hệ thống phân phối và phát triển nền tảng được liệu. Vị thế “Thương hiệu Quốc gia” được duy trì liên tục cùng các giải thưởng uy tín là minh chứng cho định hướng đúng đắn và nỗ lực của toàn hệ thống.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên đã luôn tin tưởng, đồng hành và đóng góp vào sự phát triển của Công ty trong suốt nhiệm kỳ vừa qua.

Bước sang nhiệm kỳ 2026 – 2031, với nền tảng đã được củng cố, Hội đồng quản trị tin tưởng OPC sẽ tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững và từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực được liệu.

Hội đồng quản trị cam kết tiếp tục quản trị Công ty theo nguyên tắc minh bạch, hiệu quả và đổi mới, hướng tới mục tiêu gia tăng giá trị cho cổ đông và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /BC - BDH

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

DƯ THẢO

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2025, NHIỆM KỲ 2021 – 2026**

I. BỐI CẢNH NGÀNH DƯỢC VÀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

1. Tổng quan thị trường ngành

Giai đoạn 2021 – 2025 là giai đoạn ngành dược toàn cầu và trong nước có nhiều biến động lớn do tác động của đại dịch Covid-19 đặc biệt là sự thay đổi trong chuỗi cung ứng dược phẩm và xu hướng chuyển đổi công nghệ trong lĩnh vực y tế.

Trước hết, **đại dịch Covid-19 bùng phát trên phạm vi toàn cầu** đã tạo ra những thách thức đối với ngành dược. Hoạt động sản xuất và lưu thông hàng hóa bị gián đoạn, chuỗi cung ứng nguyên liệu dược phẩm toàn cầu bị đứt gãy, đặc biệt đối với các hoạt chất (API) và tá dược phụ thuộc nhiều vào nguồn cung từ Trung Quốc và Ấn Độ. Điều này buộc các doanh nghiệp dược phải chủ động hơn trong việc đa dạng hóa nguồn cung và tăng cường năng lực dự trữ nguyên liệu.

Bên cạnh đó, **nhu cầu đối với các sản phẩm dược phẩm và chăm sóc sức khỏe gia tăng mạnh mẽ**, đặc biệt là các sản phẩm liên quan đến điều trị bệnh truyền nhiễm, tăng cường miễn dịch, vaccine và thuốc sinh học. Xu hướng này thúc đẩy nhiều quốc gia tăng cường đầu tư vào nghiên cứu phát triển dược phẩm, công nghệ sinh học và năng lực sản xuất trong nước nhằm đảm bảo an ninh y tế.

Song song với đó, **quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế và dược phẩm diễn ra nhanh chóng**, với việc ứng dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), tự động hóa trong nghiên cứu phát triển thuốc, quản lý sản xuất và tối ưu hóa hệ thống phân phối dược phẩm.

Tại Việt Nam: Năm 2025, ngành Dược Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong bối cảnh nền kinh tế mở rộng và khung thể chế ngày càng hoàn thiện theo hướng minh bạch, chuẩn hóa. Theo IQVIA, giai đoạn 2023–2025, thị trường duy trì tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng ~8%, với doanh số ước đạt ~9 tỷ USD. Tăng trưởng của thị trường không chỉ đến từ mở rộng quy mô tiêu thụ mà còn phản ánh sự dịch chuyển sang các sản phẩm có giá trị cao hơn.

Các tiêu chuẩn về chất lượng, quản lý sản xuất và lưu hành thuốc ngày càng được siết chặt và tiệm cận với các thông lệ quốc tế. Các yêu cầu về tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP, GDP và quy định trong đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế ngày càng khắt khe hơn, đặt ra yêu cầu các doanh nghiệp dược phải liên tục đầu tư nâng cấp công nghệ, hệ thống quản trị chất lượng và năng lực nghiên cứu phát triển.

Mô hình chuỗi nhà thuốc hiện đại phát triển mạnh mẽ, với sự mở rộng nhanh của các hệ thống bán lẻ dược phẩm quy mô lớn. Xu hướng này đang từng bước thay đổi cấu trúc hệ

thống phân phối truyền thống, nâng cao tính chuyên nghiệp, minh bạch và khả năng tiếp cận sản phẩm của người tiêu dùng.

Trong bối cảnh đó, ngành dược trong nước vừa có nhiều cơ hội phát triển, vừa đối mặt với **áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước** điều này đòi hỏi các doanh nghiệp dược phải không ngừng nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới công nghệ, mở rộng hệ thống phân phối và xây dựng thương hiệu bền vững trên thị trường.

2. Sự thích ứng của OPC

Trong bối cảnh thị trường có nhiều thay đổi, Ban Điều hành xác định trọng tâm của nhiệm kỳ 2021 – 2025 là **đuy trì sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời từng bước nâng cao năng lực quản trị và xây dựng nền tảng phát triển bền vững cho Công ty trong dài hạn**. Để thực hiện được nhiệm vụ trên Ban Điều hành đã tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm từng bước chuẩn hóa hệ thống quản trị, hiện đại hóa mô hình vận hành và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Thứ nhất rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xác định rõ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, đồng thời chuẩn hóa hệ thống quy trình quản trị và vận hành trong toàn hệ thống. Đây là nền tảng quan trọng để triển khai các chương trình hiện đại hóa hệ thống quản trị và nâng cao hiệu quả điều hành của doanh nghiệp.

Thứ hai, triển khai chuyển đổi số trong quản trị doanh nghiệp. Trên cơ sở hệ thống quy trình và dữ liệu đã được chuẩn hóa, Công ty từng bước xây dựng nền tảng quản trị số nhằm tích hợp dữ liệu và chuẩn hóa các hoạt động quản lý trong toàn hệ thống. Qua đó, nâng cao tính minh bạch trong quản lý, tăng cường khả năng kiểm soát hoạt động và hỗ trợ hiệu quả cho công tác điều hành, ra quyết định của Ban lãnh đạo.

Thứ ba, chuyển đổi mô hình vận hành theo hướng quản lý tập trung. Từ nền tảng quản trị và dữ liệu được thiết lập thông qua quá trình chuyển đổi số, Công ty từng bước triển khai mô hình vận hành tập trung (Centralized). Mô hình này giúp nâng cao hiệu quả điều hành, tăng cường khả năng kiểm soát hoạt động và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực trong toàn hệ thống.

Thứ tư, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ chiết xuất và nâng cao năng lực R&D: Công ty tập trung đầu tư công nghệ chiết xuất tiên tiến nhằm chuẩn hóa nguyên liệu, tối ưu hàm lượng hoạt chất và gia tăng giá trị dược liệu. Trên cơ sở đó, hoạt động nghiên cứu phát triển tiếp tục được đẩy mạnh nhằm cải tiến danh mục sản phẩm hiện hữu và tạo nền tảng cho phát triển sản phẩm mới trong dài hạn.

Thứ năm, nâng cao hiệu quả vận hành sản xuất và quản lý chuỗi cung ứng. Công ty chú trọng tối ưu hóa hoạt động sản xuất, quản lý tồn kho và chuỗi cung ứng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, đồng thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Thứ sáu, củng cố hệ thống phân phối và phát triển chuỗi giá trị dược liệu. Trên nền tảng năng lực quản trị và vận hành được nâng cao, Công ty tiếp tục củng cố hệ thống phân phối trên thị trường, đồng thời từng bước phát triển chuỗi giá trị dược liệu phục vụ sản xuất, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Các chương trình trọng tâm nêu trên đã được Ban Điều hành triển khai xuyên suốt trong nhiệm kỳ, từng bước hình thành nền tảng quản trị hiện đại, mô hình vận hành hiệu quả và năng lực phát triển dài hạn cho Công ty.



II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả công ty mẹ năm 2025 (ĐVT: Tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2025	THỰC HIỆN 2025	THỰC HIỆN 2024	SỐ VỚI KẾ HOẠCH	SỐ CÙNG KÌ
Doanh thu	1.150	1.045,63	887,51	90,9%	117,8%
Doanh thu thuần	1.150	1.044,53	886,55	90,8%	117,8%
LN trước thuế	168	139,42	124,07	83,0%	112,4%

b) Kết quả hợp nhất năm 2025 (ĐVT: Tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2025	THỰC HIỆN 2025	THỰC HIỆN 2024	SỐ VỚI KẾ HOẠCH	SỐ CÙNG KÌ
Doanh thu	1.240	1.124,55	969,55	90,7%	116,0%
Doanh thu thuần	1.240	1.122,99	968,58	90,6%	116,0%
LN trước thuế	177	148,04	137,13	83,6%	108,0%

Kế hoạch năm 2025 được Ban Điều hành xây dựng với mục tiêu tăng trưởng cao nhằm tạo động lực và tối ưu hóa nguồn lực của hệ thống. Vì vậy, mặc dù kết quả thực hiện chưa đạt kế hoạch đề ra, Công ty vẫn ghi nhận mức tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ và cao hơn mức tăng trưởng chung của ngành dược (khoảng 5%). Cụ thể, doanh thu công ty mẹ tăng 17,8% và lợi nhuận trước thuế tăng 12,4% so với năm 2024; ở cấp độ hợp nhất, doanh thu tăng 16,0% và lợi nhuận trước thuế tăng 8,0%.

c) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021 – 2025 (ĐVT: Tỷ đồng)

TT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	BQ		Tăng trưởng
							2021–2025	2016–2020	
1	Doanh thu	1.126,4	1.194,0	1.008,9	969,6	1.124,6	1.084,7	941,2	+15,2%
2	Doanh thu thuần	1.123,7	1.171,6	1.004,9	968,6	1.123,0	1.078,4	938,5	+14,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	159,2	179,9	155,3	137,1	148,0	155,9	121,6	+28,2%
4	Lợi nhuận sau thuế	123,4	142,4	122,3	109,5	116,4	122,8	94,2	+30,4%

Ghi chú: Số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán.

Nhìn chung trong nhiệm kỳ 2021 – 2025, mặc dù bối cảnh thị trường có nhiều biến động do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và sự thay đổi của chuỗi cung ứng toàn cầu, OPC vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tích cực doanh thu và lợi nhuận so với năm 2016 -2020, cho thấy các hoạt động tái cấu trúc hệ thống quản trị, chuyển đổi số, củng cố hệ thống phân phối và phát triển chuỗi giá trị dược liệu đã bước đầu phát huy hiệu quả.

Kết quả này tạo nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục triển khai các chương trình đầu tư cho nghiên cứu phát triển, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

2. Tái cấu trúc mô hình kinh doanh

❖ Đối với thị trường trong nước

Trước đây, hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu vào hai kênh phân phối truyền thống là OTC và ETC, trong đó tỷ trọng doanh thu từ kênh OTC chiếm ưu thế và còn phụ thuộc nhất định vào kênh bán sỉ. Điều này phần nào ảnh hưởng đến khả năng kiểm soát thị trường và tính ổn định của hệ thống phân phối.

Trong giai đoạn vừa qua, Công ty đã triển khai tái cấu trúc hệ thống phân phối theo hướng **giảm dần sự phụ thuộc vào kênh bán sỉ, đồng thời tăng cường phát triển kênh bệnh viện (ETC) và hệ thống nhà phân phối**, qua đó từng bước hình thành mạng lưới phân phối có tổ chức và bền vững hơn.

Sau quá trình tái cấu trúc, cơ cấu kênh phân phối đã chuyển dịch theo hướng cân bằng hơn.

Những điều chỉnh này đã góp phần chuyển đổi mô hình kinh doanh từ phụ thuộc vào các kênh phân phối ngắn hạn sang **mô hình phân phối đa kênh**, qua đó nâng cao khả năng kiểm soát thị trường, ổn định chính sách giá và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.

❖ Đối với thị trường quốc tế

Trước đây, hoạt động kinh doanh quốc tế của Công ty chủ yếu tập trung vào xuất khẩu một số sản phẩm truyền thống. Tuy nhiên, trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng và yêu cầu tiêu chuẩn quốc tế ngày càng khắt khe, Công ty đã từng bước định hướng lại hoạt động kinh doanh quốc tế theo hướng **mở rộng thị trường, nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm và đa dạng hóa mô hình hợp tác**.

Đến nay, sản phẩm của Công ty đã hiện diện tại nhiều thị trường như Hoa Kỳ, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Trung Quốc và một số quốc gia khác, qua đó từng bước khẳng định năng lực sản xuất và hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Song song đó, Công ty đã mở rộng các hình thức hợp tác với đối tác nước ngoài, không chỉ dừng lại ở xuất khẩu sản phẩm mà còn hướng tới hợp tác phát triển thị trường và sản phẩm. Một số sản phẩm đã đủ điều kiện tiếp cận các hệ thống phân phối hiện đại tại thị trường quốc tế, tạo tiền đề cho việc mở rộng quy mô trong thời gian tới.

Đặc biệt, việc được phép xuất khẩu dược liệu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc là bước tiến quan trọng, mở ra hướng phát triển mới cho hoạt động thương mại dược liệu.

Trên cơ sở nền tảng đã thiết lập, trong giai đoạn tới Công ty định hướng **tối ưu hóa các điều kiện xuất khẩu hiện có, đồng thời từng bước mở rộng danh mục dược liệu và tập trung vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao**, qua đó nâng cao hiệu quả khai thác vùng trồng và gia tăng giá trị trong chuỗi phát triển dược liệu.

3. Hoạt động chuyển đổi số.

Trước đây, hệ thống quản trị của Công ty chủ yếu vận hành trên nền tảng phần mềm kế toán, với mức độ tích hợp và khả năng khai thác dữ liệu còn hạn chế, dẫn đến việc tổng hợp thông tin từ các đơn vị còn chậm và ảnh hưởng đến hiệu quả điều hành.

Trong bối cảnh yêu cầu quản trị ngày càng cao, Công ty đã xác định **chuyển đổi số là một trong những chương trình trọng tâm**, với mục tiêu xây dựng hệ thống quản trị tích hợp, chuẩn hóa quy trình và nâng cao chất lượng dữ liệu phục vụ công tác điều hành.

Năm 2022, Công ty triển khai hệ thống **ERP – SAP**, đánh dấu bước chuyển quan trọng trong việc tích hợp dữ liệu và chuẩn hóa các quy trình quản trị cốt lõi. Trên nền tảng này, các hệ thống quản trị chuyên sâu như **DMS, quản lý chi phí – hóa đơn điện tử (Bizzi) và các ứng dụng nhân sự** tiếp tục được triển khai đồng bộ, từng bước hình thành hệ thống quản trị số thống nhất trong toàn Công ty.

Trên cơ sở đó, từ **01/7/2025**, Công ty triển khai mô hình **vận hành tập trung (Centralized)**, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành, tăng cường kiểm soát hoạt động và tối ưu hóa nguồn lực trên toàn hệ thống.

Thực tế triển khai cho thấy mô hình Centralized gắn với chuyển đổi số đã mang lại những cải thiện rõ rệt trong công tác quản trị, đặc biệt trong quản lý chi phí và hiệu quả vận hành:

Chỉ tiêu	Trước	Sau	Kết quả
	Centralized	Centralized	
Chi phí vận chuyển, giao hàng (% doanh thu)	1,00%	0,71%	Giảm 0,29%
Vòng quay hàng tồn kho khâu phân phối	3,58 vòng	5,88 vòng	Tăng 2,3 vòng
Hàng tồn kho / Tổng tài sản ngắn hạn	31%	29%	Giảm 2%
Hệ thống báo cáo quản trị	Tổng hợp thủ công	Dữ liệu tích hợp	realtime

Bên cạnh hiệu quả về chi phí và tồn kho, hệ thống dữ liệu tập trung còn giúp **chuẩn hóa và tự động hóa báo cáo quản trị**, cho phép Ban Điều hành theo dõi tình hình hoạt động gần như theo thời gian thực, qua đó nâng cao tốc độ phản hồi thông tin và chất lượng ra quyết định.

Việc triển khai đồng bộ ERP – SAP, các hệ thống số và mô hình Centralized đã góp phần hình thành nền tảng quản trị hiện đại, tạo tiền đề quan trọng để Công ty nâng cao hiệu quả vận hành và phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

4. Hoạt động nghiên cứu phát triển

Nhận thức rõ vai trò then chốt của hoạt động nghiên cứu và phát triển đối với doanh nghiệp dược, trong nhiệm kỳ vừa qua Công ty tiếp tục chú trọng đầu tư nâng cao năng lực R&D nhằm củng cố danh mục sản phẩm hiện hữu và tạo nền tảng cho chiến lược phát triển sản phẩm trong dài hạn.

4.1 Xây dựng Trung tâm R&D

Trên cơ sở định hướng nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển sản phẩm từ dược liệu, Công ty đã đầu tư xây dựng Trung tâm R&D theo định hướng Pharma 4.0, kết hợp giữa nghiên cứu dược liệu truyền thống và các công nghệ dữ liệu hiện đại.

Trung tâm được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế và từng bước hình thành hệ thống dữ liệu nghiên cứu quy mô lớn, tạo nền tảng để ứng dụng các phương pháp hiện đại như Big Data và mô phỏng trong nghiên cứu dược liệu. Qua đó, OPC từng bước tạo dựng lợi thế tiên phong trong lĩnh vực này tại Việt Nam.

Với định hướng phát triển mang tính dẫn đầu, tháng 12/2025, dự án Trung tâm R&D của OPC đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt hỗ trợ kinh phí, thể hiện sự ghi nhận đối với năng lực nghiên cứu và định hướng công nghệ của Công ty.

Trong giai đoạn tới, Trung tâm R&D được định hướng phát triển theo mô hình CRO/CDMO, từng bước thương mại hóa hoạt động nghiên cứu qua đó hình thành động lực tăng trưởng mới cho Công ty trong dài hạn.

Song song với việc đầu tư hạ tầng nghiên cứu, Công ty đã thiết lập hợp tác với **Trường Đại học Y Dược TP.HCM và các chuyên gia Hàn Quốc**, nhằm tiếp cận các phương pháp nghiên cứu tiên tiến và từng bước nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ nghiên cứu.

Trong bối cảnh Nhà nước đang định hướng tăng cường **kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong hoạt động khám chữa bệnh**, đặc biệt trong điều trị các bệnh mạn tính, việc đầu tư Trung tâm R&D có ý nghĩa quan trọng trong việc **chuẩn hóa và định lượng các bài thuốc, dược liệu theo các tiêu chuẩn khoa học hiện đại**. Qua đó tạo điều kiện để các sản phẩm của OPC từng bước đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, hiệu quả và cơ sở khoa học trong chăm sóc sức khỏe, phù hợp với xu hướng phát triển của ngành dược trong giai đoạn mới.

4.2 Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ chiết xuất trong phát triển dược liệu

Trong giai đoạn vừa qua, **Công ty đã tập trung đầu tư và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ chiết xuất hiện đại trong nghiên cứu, phát triển và sản xuất các sản phẩm từ dược liệu**. Định hướng này nhằm chuẩn hóa nguồn nguyên liệu, định danh và kiểm soát các hoạt chất chính, đồng thời nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm có nguồn gốc dược liệu. Bên cạnh việc phục vụ hoạt động sản xuất nội bộ, các nguyên liệu cao chiết dược liệu do OPC phát triển còn được cung cấp cho nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước để sản xuất dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thực phẩm.

Tính đến nay, **OPC đã được Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế cấp 04 số đăng ký nguyên liệu làm thuốc dưới dạng cao chiết từ dược liệu**. Cùng với việc được cấp phép xuất khẩu dược liệu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc như đã đề cập, đây là nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục đầu tư phát triển các vùng trồng dược liệu quy mô lớn theo định hướng chiến lược. Qua đó, OPC từng bước xây dựng chuỗi giá trị dược liệu khép kín, bao gồm phát triển vùng nguyên liệu, nghiên cứu – chiết xuất, đến phát triển và thương mại hóa sản phẩm, tạo động lực tăng trưởng bền vững cho Công ty trong dài hạn.

Song song với việc phát triển các nguyên liệu dược liệu chuẩn hóa, **Công ty cũng triển khai nhiều hoạt động nhằm chuẩn hóa và nâng cao chất lượng của các sản phẩm hiện hữu**. Các dự án cải tiến tập trung vào việc cải tiến công thức, quy trình sản xuất sản phẩm, cập nhật và nâng cao hệ thống tiêu chuẩn chất lượng, đồng thời cải thiện chất lượng hồ sơ đăng ký sản phẩm để đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu của cơ quan quản lý và thị trường. Những hoạt động này góp phần củng cố năng lực cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực của Công ty.

4.3 Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.

Bên cạnh các sản phẩm thuốc truyền thống, Công ty cũng **đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ dược liệu**, đặc biệt là thực phẩm bảo vệ sức khỏe nhằm đáp ứng xu hướng sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên đang ngày càng gia tăng trên thị trường.

Doanh thu nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe có sự tăng trưởng tích cực trong những năm gần đây. Bình quân trong giai đoạn 2016 – 2020 đạt khoảng 22 tỷ đồng (chủ yếu từ sản phẩm Multi); đến năm 2021 doanh thu của nhóm sản phẩm này đã tăng lên 43 tỷ đồng và đạt 50,8 tỷ đồng vào năm 2025. Kết quả này cho thấy tiềm năng phát triển của phân khúc

sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ dược liệu, đồng thời mở ra cơ hội tăng trưởng mới cho Công ty bên cạnh các sản phẩm thuốc truyền thống.

Trên nền tảng năng lực nghiên cứu dược liệu và công nghệ chiết xuất thảo dược, **Công ty từng bước mở rộng sang phân khúc hàng tiêu dùng nhanh (FMCG)**. Sau quá trình nghiên cứu và phát triển, sản phẩm nước uống thảo mộc Gen V đã được chính thức ra mắt vào dịp Tết Nguyên đán vừa qua. Dù thời gian tiếp cận thị trường chỉ khoảng 03 tuần trước Tết, sản phẩm đã đạt doanh thu khoảng 1,1 tỷ đồng với hơn 80.000 lon tiêu thụ, bước đầu cho thấy những tín hiệu tích cực từ thị trường.

Kết quả này khẳng định hướng phát triển các sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ dược liệu trên nền tảng công nghệ chiết xuất và chuỗi giá trị dược liệu của OPC là phù hợp với nhu cầu của thị trường, đồng thời tạo cơ sở để Công ty tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và mở rộng danh mục sản phẩm trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và tiêu dùng từ dược liệu trong thời gian tới.

Trong năm 2026, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển sản phẩm Gen V thông qua việc tăng cường hoạt động truyền thông gắn với tư vấn chuyên môn của các chuyên gia, đồng thời xây dựng chiến lược thị trường và mô hình phân phối phù hợp nhằm duy trì đà tăng trưởng của sản phẩm trong giai đoạn tiếp theo.

5. Vùng nguyên liệu và năng lực sản xuất nhà máy:

Phát triển vùng nguyên liệu: Trong nhiệm kỳ, Công ty tiếp tục củng cố và phát triển vùng nguyên liệu trên cơ sở hệ thống **12 vùng trồng hiện có**, tập trung đầu tư nâng cao chất lượng giống, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong canh tác và từng bước nhân rộng vùng trồng. Qua đó góp phần đảm bảo nguồn dược liệu ổn định phục vụ sản xuất, đồng thời tạo tiền đề cho việc mở rộng và phát triển vùng nguyên liệu trong giai đoạn tiếp theo.

Năng lực sản xuất và vận hành nhà máy: Nhà máy của Công ty được đầu tư xây dựng hơn 10 năm với nhiều dây chuyền đã khai thác tối đa công suất thiết kế. Trong nhiệm kỳ, Công ty tập trung **rà soát, cải tiến và tối ưu hóa quy trình sản xuất** nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và khai thác tốt hơn công suất hiện có.

Đồng thời, Công ty tiếp tục **đầu tư nâng cấp thiết bị và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng**, qua đó đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường và các tiêu chuẩn trong sản xuất dược phẩm (**GMP, Halal và các yêu cầu của các hệ thống phân phối quốc tế Costo**).

6. Phát triển nguồn nhân lực

Mọi chiến lược phát triển của doanh nghiệp đều được vận hành bởi con người. Vì vậy, bên cạnh việc đầu tư cho hệ thống quản trị và các nền tảng công nghệ OPC từng bước chuẩn hóa và hoàn thiện hệ thống quản trị nguồn nhân lực, bao gồm cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, mô tả công việc và tiêu chuẩn năng lực cho từng vị trí. Đây là nền tảng để triển khai các chính sách nhân sự, cũng như công tác đào tạo, phát triển và đánh giá đội ngũ một cách bài bản.

- Hệ thống chính sách tiền lương, phúc lợi và đãi ngộ được hoàn thiện theo hướng gắn với vị trí công việc và năng lực của người lao động, góp phần nâng cao sự gắn kết và tính minh bạch trong quản trị nguồn nhân lực.
- Trên nền tảng hệ thống quản trị và chính sách nhân sự được chuẩn hóa, Công ty từng bước nâng cao khả năng thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong nhiệm kỳ vừa qua, OPC đã bổ sung nhiều nhân sự có chuyên môn trong các lĩnh vực nghiên cứu phát triển, quản lý kinh doanh và vận hành.

Song song với việc thu hút nhân sự mới, Công ty cũng chú trọng **đào tạo và phát triển năng lực đội ngũ nhân sự nội bộ** thông qua các chương trình đào tạo chuyên môn và kỹ năng quản lý. Nội dung đào tạo tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như quản trị mục tiêu và lập kế hoạch (AOP), chuyển đổi số, ứng dụng AI trong công việc, tư duy hệ thống, kỹ năng quản lý và quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế như GMP-EU.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục xây dựng **môi trường làm việc chuyên nghiệp, hợp tác và đề cao tinh thần trách nhiệm**, thông qua các chương trình phát triển văn hóa doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả quản trị mục tiêu trong tổ chức.

=> **Chất lượng nguồn nhân lực của Công ty ngày càng được nâng cao**, đội ngũ nhân sự từng bước thích ứng với yêu cầu quản trị hiện đại và đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển của OPC trong giai đoạn mới.

7. Phát triển bền vững và thực hành ESG

Trong bối cảnh hiện nay, phát triển bền vững không còn là xu hướng mà đã trở thành yêu cầu tất yếu đối với các doanh nghiệp. Nhận thức rõ điều đó, trong nhiệm kỳ vừa qua OPC đã từng bước triển khai các hoạt động quản trị theo các nguyên tắc ESG (Environmental – Social – Governance), gắn kết mục tiêu tăng trưởng kinh doanh với trách nhiệm bảo vệ môi trường, phát triển xã hội và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp.

Trên cơ sở định hướng này, Công ty tập trung xây dựng mô hình phát triển gắn với chuỗi giá trị được liệu bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm tác động đến môi trường, đồng thời chú trọng các hoạt động trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng tại các địa phương.

Những nỗ lực trong phát triển bền vững của OPC đã được ghi nhận thông qua nhiều giải thưởng và danh hiệu uy tín, tiêu biểu như **Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh năm 2025 trong ngành Dược – Thiết bị Y tế**, cùng các danh hiệu **Doanh nghiệp Xanh TP.HCM** và **Nhà máy thân thiện với môi trường**.

Các kết quả này cho thấy định hướng phát triển bền vững của OPC đang từng bước được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao uy tín doanh nghiệp, tạo lợi thế cạnh tranh và hướng tới mục tiêu phát triển lâu dài trong bối cảnh kinh tế xanh và hội nhập quốc tế.

8. Uy tín thương hiệu và các giải thưởng tiêu biểu

Trong nhiệm kỳ 2021–2025, bên cạnh việc tiếp tục giữ vững các danh hiệu uy tín đã đạt được trong nhiều năm trước, OPC đồng thời ghi nhận nhiều kết quả tích cực trong việc nâng cao vị thế thương hiệu và năng lực quản trị doanh nghiệp.

Công ty tiếp tục giữ vững các danh hiệu tiêu biểu như Hàng Việt Nam Chất lượng cao, trong đó sản phẩm OPC được xếp vào nhóm Hàng Việt Nam Chất lượng cao chuẩn hội nhập chuyển dịch từ tiêu chí bình chọn của người tiêu dùng sang các chuẩn mực đánh giá cao hơn về chất lượng và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn thị trường.

Đồng thời, OPC tiếp tục nằm trong Top 10 Công ty Dược uy tín tại Việt Nam, với thứ hạng được cải thiện từ vị trí thứ 8 lên vị trí thứ 7 (năm 2025), cho thấy sự ghi nhận của thị trường đối với những nỗ lực của Công ty trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư công nghệ và phát triển hệ thống phân phối.

Đặc biệt, trong nhiệm kỳ vừa qua OPC đã được trao tặng **Giải Vàng Chất lượng Quốc gia** do Thủ tướng Chính phủ trao tặng đây là giải thưởng duy nhất về chất lượng được luật hóa trong Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trong đó tiêu chí về năng lực quản trị chiếm tỷ trọng lớn trong hệ thống đánh giá (75%). Danh hiệu này không chỉ khẳng định nền tảng quản trị và hệ thống chất lượng của OPC mà còn là cơ sở quan trọng giúp Công ty nâng cao uy tín khi làm việc với các đối tác trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó, các nỗ lực trong phát triển bền vững và thực hành ESG của Công ty cũng được ghi nhận thông qua các danh hiệu như Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh năm 2025 trong ngành Dược – Thiết bị Y tế, cùng các danh hiệu Doanh nghiệp Xanh TP.HCM và Nhà máy thân thiện với môi trường.

Những kết quả trên tiếp tục khẳng định **uy tín thương hiệu, năng lực quản trị và định hướng phát triển bền vững của OPC**, tạo nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục mở rộng hợp tác và nâng cao vị thế trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

=> Với những nền tảng đã được xây dựng trong nhiệm kỳ vừa qua, OPC đang từng bước chuyển mình từ một doanh nghiệp sản xuất dược phẩm truyền thống sang mô hình doanh nghiệp nghiên cứu sản xuất dược liệu dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và chuỗi giá trị dược liệu bền vững.



III. KẾ HOẠCH NĂM 2026

1. Dự báo thị trường

Nhìn chung, với các yếu tố như tăng trưởng kinh tế, già hóa dân số, mở rộng hệ thống bảo hiểm y tế và xu hướng nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, thị trường dược phẩm Việt Nam vẫn được đánh giá là một trong những thị trường có tiềm năng tăng trưởng tích cực trong khu vực trong những năm tới.

Trong giai đoạn 2026–2030, bên cạnh triển vọng tăng trưởng tích cực về quy mô, ngành Dược Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro có tính hệ thống. Sự phụ thuộc lớn vào nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc và Ấn Độ khiến chi phí sản xuất nhạy cảm với biến động địa chính trị, gián đoạn chuỗi cung ứng và sự gia tăng chi phí vận chuyển quốc tế. Đồng thời, áp lực tỷ giá và mặt bằng lãi suất cao trong nước tiếp tục gây áp lực lên dòng tiền của doanh nghiệp, thu hẹp dư địa cho hoạt động đầu tư, mở rộng sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong bối cảnh đó, mức độ phân hóa trong ngành sẽ ngày càng rõ nét khi các quy định mới về đấu thầu và tiêu chuẩn sản xuất tiếp tục tạo lợi thế cho các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính tốt, năng lực công nghệ, đáp ứng tiêu chuẩn EU-GMP và sở hữu danh mục thuốc chuyên khoa, thuốc giá trị gia tăng cao, trong khi nhóm doanh nghiệp tập trung vào thuốc generic phổ thông sẽ chịu áp lực cạnh tranh lớn hơn do biên lợi nhuận thấp và khả năng chuyển dịch chi phí đầu vào hạn chế.

Trên cơ sở các nền tảng đã được hình thành trong nhiệm kỳ vừa qua, kế hoạch hoạt động năm 2026 của Công ty tập trung vào việc tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản trị và nghiên cứu phát triển nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.

2. Kế hoạch năm 2026

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tăng trưởng
Doanh thu Công ty mẹ	1.045,63	1.150,00	+10,0%
Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ	139,42	165,00	+18,3%
Doanh thu hợp nhất	1.124,55	1.250,00	+11,2%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	148,04	175,00	+18,2%

3. Các nhiệm vụ trọng tâm 2026.

Trên cơ sở kết quả đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua và định hướng phát triển trong giai đoạn tới, năm 2026 Công ty tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, tiếp tục phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị. Công ty tập trung củng cố và phát triển đội ngũ nhân sự, đặc biệt là đội ngũ quản lý cấp trung và đội ngũ chuyên môn, nhằm nâng cao năng lực quản trị, tăng cường tính chuyên nghiệp trong điều hành và khả năng thích ứng với môi trường kinh doanh ngày càng thay đổi.

Thứ hai, đẩy mạnh chuyển đổi số và hiện đại hóa hệ thống quản trị. Trên nền tảng các hệ thống quản trị đã được triển khai trong thời gian qua, Công ty tiếp tục hoàn thiện

và đồng bộ hóa các hệ thống quản trị số, nâng cao hiệu quả quản trị điều hành, từng bước hướng tới mô hình quản trị doanh nghiệp dựa trên dữ liệu.

Thứ ba, tăng cường đầu tư cho nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ. Công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), tập trung phát triển các sản phẩm dược liệu và sản phẩm chăm sóc sức khỏe có nguồn gốc tự nhiên, phù hợp với xu hướng tiêu dùng của thị trường trong nước và quốc tế.

Thứ tư, phát triển chuỗi giá trị dược liệu và mở rộng thị trường. Trên nền tảng thế mạnh về dược liệu, Công ty tiếp tục đầu tư phát triển vùng trồng dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP, từng bước hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín từ vùng trồng – chiết xuất – sản xuất – thương mại hóa sản phẩm, qua đó nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

IV. Kết luận

Thay mặt Ban Điều hành, tôi xin trân trọng cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Quý Cổ đông, các đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã luôn đồng hành, tin tưởng và đóng góp vào sự phát triển của OPC trong suốt thời gian qua.

Bước sang giai đoạn phát triển mới, Ban Điều hành cam kết tiếp tục phát huy những nền tảng đã được xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững, qua đó gia tăng năng lực cạnh tranh và giá trị doanh nghiệp.

Với sự đồng hành của Hội đồng quản trị, Quý Cổ đông, đối tác và toàn thể người lao động, Ban Điều hành tin tưởng rằng OPC sẽ tiếp tục phát triển vững chắc, từng bước nâng cao vị thế của doanh nghiệp trong ngành dược Việt Nam và hướng tới mở rộng hợp tác, hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị dược phẩm trong khu vực và quốc tế.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025 VÀ NHIỆM KỲ 2021-2026****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC***Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;

Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và tổng kết nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025**1. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm****1.1. Thành viên Ban Kiểm soát:**

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	
			Ngày bắt đầu là TV BKS	Ngày không còn là TV BKS
1	Bà Kiều Thị Minh Hồng	Trưởng BKS	22/10/2021	
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên BKS	22/10/2021	
4	Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên BKS	27/04/2023	

1.2. Thống kê các buổi họp

Trong năm cuối nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát đã có 03 cuộc họp.

STT	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ tham dự họp
1	<ul style="list-style-type: none">- Tổng kết công tác hoạt động năm 2024 & Kế hoạch công tác năm 2025.- Rà soát báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 và đánh giá tình hình giám sát tài chính công ty năm 2024.- Thống nhất nội dung Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và Phương hướng hoạt động năm 2025 trình ĐHĐCĐ thường niên.	3/3

	- Ý kiến đóng góp với nội dung họp HĐQT Kỳ 1/2025	
2	- Đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2025. - Xem xét tài liệu họp HĐQT kỳ 3/2025 và đóng góp ý kiến	3/3
3	- Tổng kết công tác hoạt động năm 2025 và nhiệm kỳ 2021-2026 - Rà soát báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 và đánh giá tình hình giám sát tài chính công ty năm 2025. - Thống nhất nội dung dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và nhiệm kỳ 2021-2026.	3/3

Ngoài ra, các thành viên Ban Kiểm soát tham dự 04 cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị (HĐQT) để nắm bắt kịp thời các định hướng, chỉ đạo của HĐQT và về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

1.3. Thù lao và các lợi ích khác của các thành viên

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Thù lao
1	Bà Kiều Thị Minh Hồng	Trưởng BKS	15.000.000 đồng/tháng
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên BKS	5.000.000 đồng/tháng
3	Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên BKS	5.000.000 đồng/tháng

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025

2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	2024	2025	%yoy	2024	2025	%yoy
Tổng tài sản	925.195	1.068.790	115,50%	1.221.572	1.371.695	112,30%
Vốn chủ sở hữu	800.312	894.529	111,80%	876.818	975.508	111,30%
Doanh thu thuần	886.553	1.044.529	117,80%	968.576	1.122.987	115,90%
Lợi nhuận trước thuế	124.066	139.421	112,40%	137.126	148.043	108,00%
Lợi nhuận sau thuế	99.157	111.116	112,10%	109.454	116.420	106,40%

- Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 2025 tăng trưởng 11-12% so với cùng kỳ.
- Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025 gồm doanh thu, lợi nhuận hợp nhất và công ty mẹ đều tăng từ 6,4%÷17,8% so với cùng kỳ.

2.2. Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện kế hoạch kinh doanh

Năm 2025, bối cảnh kinh tế vĩ mô có nhiều thuận lợi, tăng trưởng GDP ở mức cao 8,02%, GDP bình quân đầu người đạt ~ 5.000 USD/người, chỉ số CPI được kiểm soát ổn định < 4%. Ngành dược Việt Nam cũng ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực, đặc biệt là những bước tiến trong công tác hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực cung ứng thuốc. Tuy nhiên, đây cũng là năm nhiều thách thức với thị trường dược phẩm

khi cơ quan quản lý siết chặt các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, kiểm soát hóa đơn, chứng từ,...

Trong bối cảnh thuận lợi và thách thức đan xen, với sự nỗ lực của HĐQT và Ban điều hành, mặc dù không hoàn thành kế hoạch kinh doanh bút phá, song kết quả doanh thu hợp nhất và công ty mẹ đều ghi nhận sự tăng trưởng mạnh ở mức 2 con số, tăng trưởng 16%-17,8%; lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 8 -12,4% so với năm 2024.

Kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất				
	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	% TH/KH	% yoy
Doanh thu	969,55	1.124,55	1.240,00	90,7%	116,0%
Lợi nhuận trước thuế	137,13	148,04	177,00	83,6%	108,0%

Kết quả kinh doanh Công ty mẹ

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ				
	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	% TH/KH	% yoy
Doanh thu	887,51	1.045,63	1.150,00	90,9%	117,8%
Lợi nhuận trước thuế	124,07	139,42	168,00	83,0%	112,4%

Về phân phối lợi nhuận

Công ty đã thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi theo đúng phương án phân phối lợi nhuận được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua, cụ thể là:

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
LNST chưa phân phối cuối năm 2024 công ty mẹ	2.862.191.464
LNST năm 2024 Công ty mẹ	99.157.327.843
Trích Quỹ đầu tư phát triển (10%)	9.915.733.000
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (12%)	11.898.879.000
Chi cổ tức tiền mặt năm 2024	-

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, Công ty đã ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam để soát xét BCTC riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 và kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính 2025.

2.3. Kết quả hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty trong năm 2025

Qua quá trình giám sát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty, Ban kiểm soát đánh giá như sau:

- Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 4 phiên họp trực tiếp và ban hành 20 Nghị quyết;

- Các nghị quyết của HĐQT được ban hành theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định; nội dung của các Nghị quyết này tuân thủ theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật;
- HĐQT và Ban điều hành Công ty đã thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty trong công tác quản lý và điều hành.
- HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý nghiêm túc tuân thủ các quy định về công bố thông tin theo quy định pháp luật.
- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận thấy dấu hiệu bất thường nào trong công tác quản trị và điều hành Công ty. Công ty không phát sinh vấn đề tranh chấp nào liên quan đến công tác quản trị và điều hành.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty

3.1. Về việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2025 được lập theo đúng quy định, tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán, phản ánh đầy đủ và trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm báo cáo. Các báo cáo tài chính cũng được công bố thông tin đến các cổ đông kịp thời và đúng quy định đối với các công ty đại chúng quy mô lớn.

Ban Kiểm soát đồng ý với ý kiến của kiểm toán độc lập về các số liệu trên báo cáo tài chính soát xét và báo cáo tài chính năm 2025.

3.2. Đánh giá tình hình tài chính Công ty

Các chỉ số tài chính cơ bản

- Đối với năm tài chính 2025, Ban Kiểm soát đánh giá tình hình tài chính của Công ty tiếp tục duy trì trạng thái lành mạnh.
- Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán được đảm bảo và củng cố trong năm 2025.
- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động trong năm 2025 ghi nhận sự cải thiện; số ngày tồn kho bình quân giảm từ 247 xuống còn 224 ngày; kỳ thu tiền khách hàng cũng rút ngắn từ 101 xuống còn 99 ngày.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời: mặc dù biên lợi nhuận gộp giảm nhẹ, song điểm tích cực là chỉ tiêu ROA, ROE ghi nhận mức cải thiện (tốc độ tăng lợi nhuận cao hơn tốc độ tăng tổng tài sản và vốn chủ sở hữu), EPS năm 2025 đạt 1.538 đồng/cp, tăng 4,5% yoy.

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,49	1,62
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	2,66	2,72
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Nợ/Tổng tài sản	0,28	0,29
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,39	0,41
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Số ngày tồn kho bình quân (ngày)	247	224
Số ngày phải thu khách hàng bình quân (ngày)	101	99

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận gộp	41,6%	41,4%
Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	11,3%	10,4%
Tỷ suất EBITDA/Doanh thu thuần	16,2%	13,7%
ROA	8,6%	8,9%
ROE	13,1%	13,5%
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) (đồng/CP)	1.474	1.538

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong năm 2025

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty trong năm 2025 được thực hiện thông suốt, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty.
- Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các bộ phận chức năng trong công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động của công ty, thu thập thông tin, tài liệu cho công tác kiểm tra, giám sát.
- Ban Kiểm soát Công ty được mời tham dự và có ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Các báo cáo, tài liệu và thông tin về các cuộc họp cũng như các nghị quyết của HĐQT được cung cấp cho Ban Kiểm soát đầy đủ, kịp thời, tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

5. Đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

- Giao dịch giữa công ty với công ty con, công ty liên kết và cổ đông lớn phát sinh trong năm 2025 được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.
- Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: không phát sinh.

II. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021 – 2026

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026

- Nhân sự thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 có sự biến động trong năm 2021 và 2023 như thống kê trong bảng dưới đây.
- Hiện tại, Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên gồm 1/ Bà Kiều Thị Minh Hồng, 2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung, 3/ Ông Nguyễn Anh Vũ.

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	
			Ngày bắt đầu là TV BKS	Ngày không còn là TV BKS
1	Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Trưởng BKS	09/04/2016	09/04/2021
2	Ông Nguyễn Văn Tấn	TV. BKS	19/03/2002	09/04/2021
3	Ông Lê Vũ Thuật	Trưởng BKS/TV BKS	09/04/2011	22/10/2021
4	Ông Phan Công Cường	TV. BKS	09/04/2021	22/10/2021
5	Ông Nguyễn Văn Khải	TV. BKS	09/04/2021	22/10/2021
6	Bà Kiều Thị Minh Hồng	Trưởng BKS	22/10/2021	
7	Ông Nguyễn Trung Thành	TV. BKS	22/10/2021	27/04/2023
8	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	TV. BKS	22/10/2021	
9	Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên BKS	27/04/2023	

- Hoạt động của Ban Kiểm soát trong nhiệm kỳ 2021-2026 gồm:
 - Giám sát việc tuân thủ Điều lệ và các quy định pháp luật trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - Kiểm soát báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính năm;
 - Đưa ra những kiến nghị với HĐQT và Ban điều hành về công tác quản trị và điều hành kinh doanh, các chính sách liên quan đến sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách thị trường, ..., kế hoạch đầu tư/thoái vốn của Công ty;
 - Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán;
 - Kiểm soát các giao dịch với bên liên quan;
 - Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ trong nhiệm kỳ 2021-2026

2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh 2021-2025

Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2021-2025

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu hợp nhất	1.126,41	1.194,00	1.008,96	969,55	1.124,55
LNTT hợp nhất	159,24	179,92	155,32	137,13	148,04
Doanh thu công ty mẹ	933,54	1.110,39	944,01	887,51	1.045,63
LNTT công ty mẹ	165,51	177,02	148,42	124,07	139,42
Tăng trưởng so với cùng kỳ					
Doanh thu hợp nhất	16,5%	6,0%	-15,5%	-3,9%	16,0%
LNTT hợp nhất	19,9%	13,0%	-13,7%	-11,7%	8,0%
Doanh thu công ty mẹ	24,8%	18,9%	-15,0%	-6,0%	17,8%
LNTT công ty mẹ	21,8%	7,0%	-16,2%	-16,4%	12,4%

% Thực hiện/Kế hoạch					
Doanh thu hợp nhất	115,3%	89,1%	78,5%	75,9%	90,7%
LNTT hợp nhất	114,6%	101,6%	83,1%	73,7%	83,6%
Doanh thu công ty mẹ	112,6%	96,6%	78,7%	74,0%	90,9%
LNTT công ty mẹ	115,7%	101,2%	81,1%	68,9%	83,0%

Đánh giá:

- Kết quả kinh doanh nhìn chung khá biến động trong giai đoạn 2021-2025, sau 02 năm tăng trưởng (2021-2022), doanh thu và lợi nhuận của OPC giảm tương đối mạnh giai đoạn 2023-2024. Tuy nhiên, OPC đã lấy lại đà tăng trưởng mạnh ở mức 2 con số trong năm kết thúc nhiệm kỳ. Năm 2025, doanh thu hợp nhất và công ty mẹ đều vượt mốc 1.000 tỷ đồng, tăng trưởng 16 -17,8% so với cùng kỳ. Sự biến động trong giai đoạn này chủ yếu do:
 - (i) Yếu tố khách quan từ bối cảnh ngành và thị trường giai đoạn hậu covid, sức mua giảm đặc biệt đối với nhóm sản phẩm không phải dòng thuốc đặc trị như của OPC;
 - (ii) Yếu tố chủ quan từ nội tại – quá trình tái cấu trúc mạnh mẽ trong giai đoạn này (tái cấu trúc kênh phân phối, sản phẩm, nhân sự, mô hình tổ chức kinh doanh,...). Mặc dù kết quả kinh doanh bước đầu chịu ảnh hưởng, tuy nhiên, Ban Kiểm soát đánh giá quá trình tái cấu trúc sẽ góp phần cải thiện kết quả kinh doanh trong trung và dài hạn.
- Những thành tựu đáng ghi nhận, đóng góp vào công tác quản trị điều hành và kết quả hoạt động kinh doanh của OPC gồm:
 - Việc áp dụng công nghệ, chuyển đổi số trên nền tảng hệ thống ERP-SAP (tích hợp hệ thống quản lý DMS tập trung, hệ thống báo cáo và dashboard quản trị, Zalo Mini App,...) đã góp phần chuẩn hóa quy trình, rút ngắn thời gian xử lý nghiệp vụ, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả công tác điều hành, quản trị.
 - Đầu tư Trung tâm R&D ứng dụng công nghệ hiện đại (số hóa dữ liệu dược liệu Việt Nam, phát triển nền tảng AI trong R&D), nâng cao năng lực R&D giúp rút ngắn thời gian nghiên cứu sản phẩm mới và các sản phẩm OEM.
 - Tái cấu trúc kênh phân phối: sáp nhập, giảm từ 9 chi nhánh xuống còn 5 chi nhánh; tăng tỷ trọng kênh ETC, mở mới thêm các kênh hiện đại qua chuỗi nhà thuốc, nhà phân phối,...; giảm thiểu mức độ rủi ro tập trung quá lớn vào các kênh truyền thống.
- Bên cạnh những kết quả đạt được, một số điểm hạn chế:
 - 03 năm liên tục 2023-2024-2025, OPC đều không hoàn thành kế hoạch kinh doanh ĐHCĐ giao phó. Đánh giá về nguyên nhân, ngoài lý do khách quan và chủ quan như đã nêu ở phần trên, OPC đặt kế hoạch khá tham vọng trong giai đoạn này với mức tăng trưởng vượt trội so với ngành, trong khi OPC trong quá trình tái cấu trúc, thiếu vắng các động lực tăng trưởng mới. Tuy nhiên, điểm tích cực là mức độ hoàn thành đã được cải thiện đáng kể trong năm 2025, và đạt tốc độ tăng trưởng mức 2 con số, cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành.

2.2. Phân phối lợi nhuận

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025 (*)
% trích quỹ ĐTPT	15%	15%	15%	10%	n/a
% trích quỹ KTPL	10%	10%	10%	12%	n/a
% cổ tức - tiền mặt	10%	15%	15%	0%	n/a

(*) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 chính thức sẽ được trình ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua.

- Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận, trích các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi và chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Công ty duy trì chính sách chi trả cổ tức bằng tiền ổn định trong giai đoạn 2021-2023. Tỷ lệ chi trả cổ tức giai đoạn 2021-2023 về mặt danh nghĩa giảm so với giai đoạn trước do Công ty thực hiện đợt tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông trong năm 2022 với tỷ lệ cao 141%.

2.3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính

Trong nhiệm kỳ 2021-2026, Công ty đã ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam để soát xét BCTC riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm và kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm.

2.4. Sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS

- Trong nhiệm kỳ 2021-2026, Công ty đã thực hiện sửa đổi bổ sung Điều lệ vào Tháng 10/2021; Tháng 7/2025
- Trong nhiệm kỳ 2021-2026, Công ty đã thực hiện sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát vào Tháng 10/2021.

3. Đánh giá tình hình tài chính Công ty nhiệm kỳ 2021-2026

3.1. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Các BCTC trong nhiệm kỳ đều được kiểm toán bởi công ty kiểm toán Big4 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Ban Kiểm soát đã xem xét BCTC soát xét 6 tháng và BCTC năm và đồng ý với các số liệu của kiểm toán độc lập. BCTC của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý, đầy đủ phù hợp với chuẩn mực kế toán.

3.2. Giám sát tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính quan trọng của Công ty giai đoạn 2021-2025

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,68	1,13	1,43	1,49	1,62
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,81	2,47	2,50	2,66	2,72
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Nợ/Tổng tài sản	0,40	0,30	0,30	0,28	0,29
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,67	0,43	0,43	0,39	0,41

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Số ngày tồn kho bình quân (ngày)	285	251	251	247	224
Số ngày phải thu khách hàng bình quân (ngày)	53	55	81	101	99
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Tỷ suất lợi nhuận gộp	39,2%	41,4%	42,5%	41,6%	41,4%
Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	11,0%	12,2%	12,2%	11,3%	10,4%
Tỷ suất EBITDA/Doanh thu thuần	16,8%	17,2%	16,8%	16,2%	13,7%
ROA	10,6%	11,4%	9,8%	8,6%	8,9%
ROE	19,1%	19,1%	15,0%	13,1%	13,5%
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) (đồng/CP)	4.250	2.000	1.617	1.474	1.538

- Ban Kiểm soát đánh giá tình hình tài chính của Công ty duy trì trạng thái lành mạnh trong nhiệm kỳ 2021-2025.
 - Tình trạng khả năng thanh toán của Công ty luôn được đảm bảo và củng cố qua các năm;
 - Hệ số nợ duy trì ở mức thấp so với ngành;
 - Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động: (i) số ngày tồn kho ghi nhận sự cải thiện tích cực qua các năm trong giai đoạn 2021-2025; (ii) kỳ thu tiền bình quân từ khách hàng ghi nhận sự gia tăng đáng kể trong giai đoạn 2023-2025 chủ yếu do định hướng phát triển mở rộng kênh ETC; tuy nhiên, chỉ tiêu này cũng được kiểm soát hiệu quả hơn trong năm 2025. Ban Kiểm soát đánh giá, sự chuyển dịch cơ cấu doanh thu theo kênh hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển của ngành; và đây cũng là kênh có tốc độ tăng trưởng doanh thu tốt, đóng góp chung vào kết quả kinh doanh của Công ty.
 - Hiệu quả sinh lời: biên lợi nhuận gộp được duy trì khá ổn định theo hướng được cải thiện trong giai đoạn đánh giá. Các chỉ số khả năng sinh lời ROA, ROE giảm nhẹ giai đoạn 2022-2024 do giai đoạn này kết quả kinh doanh chịu tác động tiêu cực từ bối cảnh chung của thị trường, khiến doanh thu, lợi nhuận sụt giảm. Mặc dù, các chỉ tiêu này tăng trưởng trở lại trong năm 2025, song vẫn thấp hơn mức năm đầu nhiệm kỳ. Tuy nhiên, các chỉ tiêu sinh lời của OPC vẫn ở mức tốt hơn so với mức bình quân ngành.
- 4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong năm 2025**
- Trong nhiệm kỳ, HĐQT và Ban TGD đã phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ, cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty, các biên bản họp HĐQT, các nghị quyết và các thông tin khác khi có yêu cầu.
 - Các hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của HĐQT. Ban TGD thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo.
 - Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, Ban Kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến và kiến nghị tại các cuộc họp HĐQT. Các ý kiến và kiến nghị của Ban Kiểm soát được ghi nhận và triển khai thực hiện.

- Ban Kiểm soát đánh giá HĐQT và Ban TGD trong nhiệm kỳ vừa qua đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế và phù hợp với các quy định pháp luật; triển khai kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT không có vi phạm nào ảnh hưởng lớn tới hiệu quả hoạt động của Công ty.

III. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban điều hành Công ty trong năm 2025 nói riêng và nhiệm kỳ 2021-2026 tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; tình hình tài chính của Công ty cơ bản ở trạng thái lành mạnh.

Ban Kiểm soát kiến nghị HĐQT và Ban điều hành một số nội dung sau:

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống báo cáo đánh giá chuyên sâu phục vụ công tác quản trị công ty trên nền tảng ERP-SAP.
- Tìm kiếm giải pháp giữ vững và phát triển thị trường đông dược trong bối cảnh môi trường kinh doanh cạnh tranh ngày càng gay gắt, đặc biệt là thị trường OTC.
- Tiếp tục tái cấu trúc danh mục sản phẩm theo hướng đầu tư R&D và công nghệ tiên tiến để nâng chuẩn và nâng cao chất lượng sản phẩm, đưa ra các dòng sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao nhằm duy trì đà tăng trưởng, củng cố vị thế OPC trong lĩnh vực đông dược Việt Nam và phát triển ra thị trường thế giới.
- Phát triển vùng trồng dược liệu quy mô lớn đạt chuẩn GACP nhằm từng bước chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào phù hợp với chiến lược phát triển ngành.

Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 ngoài sự nỗ lực của các thành viên, còn nhờ sự tín nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của HĐQT, Ban điều hành, các phòng ban trong Công ty. Thay mặt Ban Kiểm soát, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm, đồng hành và hỗ trợ của Quý cổ đông, HĐQT và Ban điều hành trong giai đoạn vừa qua đã giúp chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Kiều Thị Minh Hồng

Số: /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 (hợp nhất và riêng) đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 (hợp nhất và riêng) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính năm 2025 (hợp nhất và riêng) của công ty đã được đăng tải trên website của công ty.

Kính trình đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Lê Sơn

Số: /TTr – HĐQT

TP. HCM, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH***V/v Phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026***Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;
 - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
 - Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP;
 - Căn cứ Quy định tại Điều 42 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;
 - Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và dự kiến kế hoạch năm 2026 như sau:

A - Phân phối lợi nhuận :**1. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2025:***Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
I. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 sau kiểm toán		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025	1	192.201.683.236
II. Báo cáo tài chính riêng năm 2025 sau kiểm toán		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2024	2	80.204.907.307
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN năm 2025	3	111.115.674.983
Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025	4	7.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025	5=2+3-4	184.320.582.290
III. Thực hiện phân phối lợi nhuận		
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2025 (10%).	6=3*10%	11.111.567.000

- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi năm 2025 (12%), trong đó:	$7=3*12\%$	13.333.881.000
+ <i>Đã tạm trích</i>	8	7.000.000.000
- Chi trả cổ tức năm 2025 (25%), trong đó:	9	160.127.223.600
+ <i>Cổ tức bằng tiền mặt: 8%/mệnh giá</i>	10	51.240.713.600
+ <i>Cổ tức bằng cổ phiếu: 17%/mệnh giá</i>	11	108.886.510.000
Lợi nhuận năm 2025 còn lại chuyển năm sau tại BCTC riêng	12=5-6-7+8-9	6.747.910.690

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2026:

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2026	10% lợi nhuận sau thuế 2026
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi năm 2026	12% lợi nhuận sau thuế 2026
Trích cổ tức năm 2026	Tối thiểu 12%/vốn điều lệ

B - Phương án sử dụng:

- Việc quản lý và sử dụng các quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và quy chế quản lý tài chính của Công ty.
- Nhằm bảo đảm việc khen thưởng, phúc lợi được thực hiện kịp thời trong năm, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm, trên cơ sở kế hoạch phân phối lợi nhuận đã được thông qua và không vượt mức trích quỹ theo kế hoạch năm.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr – HĐQT

TP. HCM, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH**V/v: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 27/3/2026 về việc thông qua và trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và định hướng phát triển năm 2026, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các nội dung chính như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tăng trưởng %
Doanh thu Công ty mẹ	1.045,63	1.150	+10,0%
Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ	139,42	165	+18,3%
Doanh thu hợp nhất	1.124,55	1.250	+11,2%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	148,04	175	+18,2%

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****HOÀNG LÊ SƠN**

Số: /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

“V/v: Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 115/2025/TT-BTC;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 với nội dung như sau:

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
3. **Mã chứng khoán:** OPC
4. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
5. **Vốn điều lệ hiện tại:** 640.508.920.000 đồng
6. **Tổng số cổ phiếu đã phát hành:** 64.050.892 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 64.050.892 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
7. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 10.888.651 cổ phiếu
 8. **Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:** 108.886.510.000 đồng
 9. **Tổng số cổ phiếu dự kiến sau phát hành:** 74.939.543 cổ phiếu
 10. **Hình thức phát hành:** Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025

11. **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông. Thời điểm chốt danh sách cổ đông được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.
12. **Mục đích phát hành:** Trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, gia tăng vốn điều lệ, nâng cao năng lực tài chính của Công ty
13. **Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành):** 17%.
14. **Tỷ lệ thực hiện quyền:** Tỷ lệ 100:17. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 17 cổ phiếu mới.
15. **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):** Số lượng cổ phiếu phát hành thêm của mỗi cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
*Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 70 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:17, cổ đông A được nhận $(70/100 * 17) = 11,9$ cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 11 cổ phiếu mới. Số phần thập phân là 0,9 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.*
16. **Nguồn vốn phát hành:** Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC.
17. **Thời gian dự kiến thực hiện:** Dự kiến từ Quý II/2026, sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ báo cáo phát hành. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và theo quy định của pháp luật.
18. **Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung:** Sau khi hoàn tất đợt phát hành, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.
19. **Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ:** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty liên quan đến vốn điều lệ và thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành.
20. **Ủy quyền Hội đồng quản trị:**
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:
 - Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ báo cáo phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác trên cơ sở phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025;
- Thực hiện sửa đổi, bổ sung các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh số lượng cổ phiếu phát hành thêm theo kết quả thực tế của đợt phát hành sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên;
- Quyết định các vấn đề phát sinh khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

HOÀNG LÊ SƠN

TỜ TRÌNH**V/v Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020, công ty cổ phần được lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau:

1. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
2. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, trong đó ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.

Hiện nay, nhiều công ty đại chúng lựa chọn mô hình Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị thay cho Ban kiểm soát, nhằm tăng cường hiệu quả giám sát, nâng cao tính minh bạch trong quản trị doanh nghiệp và phù hợp với thông lệ quản trị hiện đại. Việc chuyển đổi sang mô hình này không chỉ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành mà còn góp phần tinh gọn bộ máy quản lý, hạn chế sự chồng chéo trong chức năng giám sát và nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Công ty. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

Mô hình hiện tại	Mô hình đề nghị thay đổi
Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc; trong đó ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

1. Tổ chức triển khai mô hình tổ chức quản lý mới của Công ty bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ có liên quan để phù hợp với mô hình tổ chức quản lý mới;
3. Thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và thực hiện việc bầu, bổ nhiệm nhân sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Số: /TTr - BKS

TP. HCM, ngày tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét việc lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2026 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán

- Là công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính cho các công ty niêm yết;
- Có uy tín, kinh nghiệm và đội ngũ kiểm toán viên có chuyên môn cao;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với phạm vi và tiên độ kiểm toán của Công ty.

2. Đề xuất của Ban Kiểm soát

Căn cứ các tiêu chí nêu trên, Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau để thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một (01) công ty kiểm toán trong số các đơn vị nêu trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Trường hợp không đạt được thỏa thuận với các công ty nêu trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán khác trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Kiều Thị Minh Hồng

Số: /TTr – HĐQT

TP. HCM, ngày tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;
- Nhu cầu hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty từ mô hình: **Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc sang mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, trong đó có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.**

Việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý nêu trên dẫn đến việc cần rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật một số quy định trong hệ thống văn bản quản trị nội bộ của Công ty nhằm bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức mới và quy định pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Chi tiết nội dung sửa đổi đính kèm Phụ lục 1.

2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung các quy chế quản trị nội bộ

- *Chi tiết nội dung sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty Phụ lục 2;*
- *Chi tiết nội dung sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Phụ lục 3.*

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn thiện và ban hành Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời tổ chức triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Lê Sơn

TP. HCM, ngàytháng.....năm 2026

PHỤ LỤC TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Quy ước:

- Bỏ : ~~gạch ngang~~
- Thêm mới: **chữ đỏ, in đậm**

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
1	Điều 1. Định nghĩa	1..... b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;	1..... b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025; c. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số	- Bổ sung thuật ngữ phù hợp theo tinh thần của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. - Cập nhật văn bản pháp luật mới ban hành.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>e. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và một số vị trí quản lý tương đương do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</p>	<p>điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024;</p> <p>d. “Công ty”: Là Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.</p> <p>e. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.</p> <p>f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;</p> <p>.....</p> <p>h. “Người điều hành” doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và một số vị trí quản lý tương đương do Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc tài chính;</p>	
2	Điều 1. Định nghĩa	f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;	i. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;	Dẫn chiếu theo Chứng chứng khoán. Do OPC là công ty đại chúng → Ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành
3	Điều 2. Tên, hình	3.....	3.....	- Cập nhật địa chỉ mới

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và Người đại diện theo pháp luật của Công ty	<ul style="list-style-type: none"> o Địa chỉ: 1017 Hồng Bàng (số cũ 343 Hùng Vương), Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: 	<ul style="list-style-type: none"> o Địa chỉ: 1017 Hồng Bàng (số cũ 343 Hùng Vương), Phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh. 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật được phân định như sau:..... 	- Điều chỉnh văn phong cho rõ nghĩa.
4	Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	a. Ngành nghề của Công ty là:	Cập nhật thêm câu: Doanh nghiệp phải thực hiện phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Theo yêu cầu của Phòng ĐKKD
5		c..... Khi thay đổi mục tiêu và chức năng sản xuất kinh doanh, vốn điều lệ và các nội dung khác trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, Công ty phải thông báo với Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh để cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	c..... Khi thay đổi mục tiêu và chức năng sản xuất kinh doanh, vốn điều lệ và các nội dung khác trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, Công ty phải thông báo với Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh để cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	Điều chỉnh do thay đổi tổ chức của cơ quan nhà nước.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
6	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phầnTổng số vốn điều lệ được chia thành 64.050.892 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.....	Tổng số vốn điều lệ được chia thành 64.050.892 (Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn tám trăm chín mươi hai) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	Cập nhật số cổ phần viết bằng chữ
7	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.	6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.	- Bổ sung thêm văn bản pháp luật dẫn chiếu liên quan đến chào bán cổ phần.
8	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trừ trường hợp quy định tại Điều 6 Điều lệ này.	1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 6 Điều lệ Điều này.	- Điều chỉnh lại dẫn chiếu cho đúng quy định hiện hành.
9	Điều 9. Thu hồi cổ phần	Điều 9. Thu hồi cổ phần 1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.	Đề xuất bỏ Điều 9.	Cơ sở pháp lý: Điều lệ mẫu, Phụ lục I. Thông tư 116/2020/TT-BTC. Việc thu hồi cổ phần chỉ áp dụng đối với trường hợp đăng ký thành lập mới doanh nghiệp.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần</p>		

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p> <p>6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>		
10	Điều 10 Cơ cấu tổ chức và quản lý	<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị, c. Tổng giám đốc điều hành; d. Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; c. Tổng giám đốc điều hành; d. Ban kiểm soát</p>	<p>Cơ sở Pháp lý: Điểm b, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. OPC chuyển đổi sang mô hình Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT.</p>
11	Điều 11. Quyền của cổ đông	<p>Điều 11. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p>	<p>Điều 10..... 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p>	<p>Cơ sở Pháp lý: điểm b, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. OPC chuyển đổi sang mô hình Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>.....</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản;</p> <p>d. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>.....</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>.....</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm</p>	<p>.....</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản;</p> <p>d. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>.....</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>.....</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát . Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.	
12	Điều 12 Nghĩa vụ của Cổ đông	3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;	Điều 11..... 3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và cập nhật lại địa chỉ đã cung cấp khi có sự thay đổi; 6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Bổ sung thêm nghĩa vụ cập nhật địa chỉ của cổ đông nếu có sự thay đổi, để bảo đảm không làm gián đoạn quá trình trao đổi thông tin giữa cổ đông và Công ty. Cơ sở Pháp lý: Khoản 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp. Bổ sung trách nhiệm của cổ đông
13	Điều 13. Đại hội cổ đông	Điều 13..... 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	Điều 12..... 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	Cơ sở Pháp lý: điểm b, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. OPC chuyển đổi sang mô hình Ủy ban kiểm toán → Do đó, cần thiết bỏ

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>.....</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>.....</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra các sự kiện theo quy định tại khoản 3b Điều này hoặc kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội</p>	<p>.....</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>.....</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra các sự kiện theo quy định tại khoản 3b Điều này điểm b khoản 3 Điều này hoặc kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại khoản 3c Điều này điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 3d Điều này điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội</p>	<p>những nội dung liên quan đến Ban Kiểm soát.</p> <p>- Điều chỉnh cách thức dẫn chiếu cơ sở pháp lý theo thông lệ thông thường</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>.....</p>	<p>đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>e. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>.....</p>	
14	Điều 14. Quyền và	Điều 14.....	Điều 13.....	Cơ sở Pháp lý: điểm b, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>.....</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>.....</p> <p>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>1. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>.....</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>.....</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>.....</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>.....</p> <p>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>1. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>.....</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>.....</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán;</p>	<p>OPC chuyển đổi sang mô hình Ủy ban kiểm toán → Do đó, cần thiết bỏ những nội dung liên quan đến Ban Kiểm soát và bổ sung một số nội dung liên quan đến Ủy Ban kiểm toán.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>.....</p> <p>t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;</p>	<p>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>.....</p> <p>t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;</p>	
15	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 14.....</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>.....</p> <p>s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	<p>Điều 13.....</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>.....</p> <p>s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính Phủ;</p>	Cập nhật Văn bản pháp luật mới Nghị định 245/2025/NĐ-CP Ngày 11/9/2025.
16		Điều 16.....	Điều 15.....	Căn cứ Khoản 1 Điều 148 Luật DN

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	Điều 16. Thay đổi các quyền	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp dự họp thông qua tán thành.	
		3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, và Điều 19 Điều lệ này.	3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Điều lệ này.	Đề xuất bổ sung thêm nội dung dẫn chiếu điều khoản.
17	Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng, chương trình họp, và báo cáo Đại hội đồng	Điều 17..... 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 12.4b hoặc Điều 13.4c	Điều 16..... 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 12.4b hoặc Điều 13.4c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.	Cập nhật dẫn chiếu cơ sở pháp lý cho hợp lệ.
		2..... d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;	2..... d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;	Cơ sở Pháp lý: Điểm b, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. OPC chuyển đổi sang mô hình Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT
18	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp	Điều 18..... 4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được	Điều 17..... 4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã	Cập nhật lại điều khoản dẫn chiếu nhằm quy định đầy đủ và rành hơn

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	Đại hội đồng cổ đông	gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 16.3 của Điều lệ này.	được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 , Điều 16.3 của Điều lệ này.	
19	Điều 19. Thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 19.....</p> <p>4.trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông ngay cả khi đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 18.....</p> <p>4. trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;</p>	<p>Cơ sở Pháp lý: điểm b, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. OPC chuyển đổi sang mô hình Ủy ban kiểm toán. Do đó, cần thiết bỏ những nội dung liên quan đến Ban Kiểm soát.</p> <p>CSPL: Khoản 8 điều 146 Luật Doanh nghiệp quy định rõ ràng, cụ thể, chi tiết các trường hợp Chủ tọa hoãn đại hội đồng cổ đông.</p>
20	Điều 19. Thể thức họp và biểu	Điều 19.....	<p>Điều 18.....</p> <p>9. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p>	CSPL: Khoản 7 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.	a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
21	Điều 20 Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 20..... 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: 2. Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Điều 19..... 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, khoản 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: 2. Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Cơ sở Pháp lý: khoản 1,2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp =>> Cập nhật theo sự thay đổi của Luật doanh nghiệp.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			
22	Điều 20 Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 20..... 3. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền hợp lệ nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định.	Điều 19..... 3. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền hợp lệ nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định.	Bỏ nội dung về Ban kiểm soát.
23	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21..... 5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:... 8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 20..... 5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban Kiểm toán Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:... 8. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nêu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.	Cơ sở Pháp lý: điểm b, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. OPC chuyển đổi sang mô hình Ủy ban kiểm toán. Do đó, cần thiết bỏ những nội dung liên quan đến Ban Kiểm soát. Cập nhật rõ nghĩa theo quy định tại Khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
24	Điều 23. Hiệu lực Nghị quyết và Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 23..... 3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội đồng cổ đông,	Điều 22..... Bổ sung thêm Khoản 1, khoản 2: 1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. 2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. 3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội đồng cổ đông...	Cơ sở pháp lý: Khoản 1, khoản 2 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Bổ sung thêm khoản 1, khoản 2 nhằm quy định đầy đủ theo tinh thần của luật doanh nghiệp.
25	Điều 24. Ứng cử, đề cử, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 24..... 2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 (năm) người trong đó Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm 05 (năm); thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.	Điều 23..... 2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 (năm) thành viên, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập và tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm 05 (năm); thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của	1. Cơ sở pháp lý: Khoản 79 Điều 1 NĐ 245/2025/NĐ – CP sửa đổi Khoản 2 Điều 276 Nghị định 155/2020 Quy định về số lượng thành viên HĐQT không điều hành.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>.....</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.</p> <p>3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không</p>	<p>một Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>.....</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.</p> <p>d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p> <p>e. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.</p> <p>.....</p> <p>3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm</p>	<p>Cơ sở pháp lý: Khoản 78 Điều 1 NB 245/2025/NĐ – CP sửa đổi Khoản 3 Điều 275 nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định bổ sung, sửa đổi về tiêu chuẩn của Thành viên HĐQT.</p> <p>Số lượng TV HĐQT độc lập theo quy định Khoản 4 Điều 276 NB 155/2020.</p> <p>Bổ sung tiêu chuẩn Thành viên Độc lập HĐQT theo Khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	
26	Điều 24. Ứng cử, đề cử, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	<p>Điều 24.....</p> <p>3.....</p> <p>b. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. 	<p>Điều 23.....</p> <p>3.....</p> <p>b. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>— Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>— Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p>	Đề xuất bỏ nội dung này do bị trùng
27	Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<p>Điều 25.....</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:</p> <p>.....</p>	<p>Điều 24.....</p> <p>Bổ sung thêm các quyền và nghĩa vụ sau của HĐQT:</p> <p>1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:</p> <p>.....</p> <p>q. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị,</p>	<p>1. Cơ sở pháp lý: Điều 278 nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p><input type="checkbox"/> Bổ sung nhằm quy định đầy đủ hơn quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<p>Tổng giám đốc, và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.</p> <p>r. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty.</p> <p>s. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Ngày 31/12/2020 của Chính Phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP Ngày 11/9/2025 của Chính Phủ.</p>	
28	<p>Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 25.....</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị quyết định:</p> <p>.....</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.</p>	<p>Điều 24.....</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị quyết định:</p> <p>.....</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty trừ những trường hợp không được phép thực hiện và những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của</p>	<p>Bổ sung các trường hợp loại trừ theo quy định tại Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			Chính Phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP Ngày 11/9/2025 của Chính Phủ.	
29	Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 25..... 5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các Cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	Điều 24..... 5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các Cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	Đề xuất Bỏ do công ty phân cấp rõ thẩm quyền HĐQT, Ban điều hành. Do đó HĐQT uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và cán bộ quản lý là không phù hợp về phân cấp thẩm quyền.
30	Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 27..... 7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 (ba) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.	Điều 26..... 7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 (ba) 05 (năm) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, trừ trường hợp khẩn cấp , các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, thư, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông	Đề xuất điều chỉnh nhằm quy định chặt chẽ hơn và tạo điều kiện cho các TV HĐQT có thời gian để xem xét, nghiên cứu tài liệu.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.	
31	Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	<p>Điều 27.....</p> <p>9. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị.....</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 32.4a và Điều 32.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>Điều 26.....</p> <p>9. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b Khoản 9 Điều này Khoản 9b, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d Khoản 9 Khoản 9d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b Khoản 4 Điều 34 Điều 32.4a và Điều 32.4b Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>Điều chỉnh nhằm đồng nhất cách dẫn chiếu văn bản cho phù hợp với quy định</p> <p>Đề xuất điều chỉnh nhằm phù hợp với các cuộc họp trực tuyến HĐQT OPC. Việc thông qua Nghị quyết tại các cuộc họp trực tuyến sẽ</p>
		12. Hợp qua điện thoại hoặc các hình thức khác.	12. Hợp trực tuyến qua điện thoại hoặc các hình thức khác.	

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:</p> <p>a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản</p>	<p>Các Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức họp trực tuyến hoặc hình thức khác sẽ có giá trị và hiệu lực như các Nghị quyết, quyết định được thông qua tại một cuộc họp được tổ chức theo thông lệ thông thường.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>13. Trường hợp cần thiết vì lợi ích của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	<p>tương tự như các cuộc họp được tổ chức theo thông lệ thông thường.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.		
32	Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 27..... Không quy định về Ủy ban kiểm toán	Điều 26..... Bổ sung khoản 15 15. Căn cứ vào cơ cấu tổ chức của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị quyết định thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh Phù hợp với việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty và theo điểm b, khoản 1 Điều 37 Luật Doanh nghiệp. CSPL: Điều 161. Luật Doanh nghiệp, Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định về Ủy ban kiểm toán.
33	Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp và các chức danh khác	Điều 29..... 1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm các chức danh: Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác tương đương.	Điều 28..... 1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm các chức danh: Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính , Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác tương đương.	Cập nhật tại cụm từ “ Người điều hành” cho phù hợp với nội dung ở phần định nghĩa.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
34	Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	<p>Điều 31.....</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.</p> <p>.....</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>.....</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p>	<p>Điều 30.....</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.</p> <p>.....</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>.....</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>.....</p>	<p>Điều chỉnh Phù hợp với việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty và theo điểm b, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Bỏ BKS</p>
35	CHƯƠNG IX	CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	Sửa đổi theo Chương X Phụ lục I. Thông tư 116/2020/TT-BTC
36	Điều 32. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều	<p>Điều 32.....</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty.....</p>	<p>Điều 31.....</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty.....</p>	<p>Điều chỉnh Phù hợp với việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty và theo điểm b, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp → Bỏ BKS</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	hành và Cán bộ quản lý			
37	Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	<p>Điều 33.....</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác không được phép sử dụng thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được được phép sử dụng thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích công ty</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với</p> <p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người quản lý khác và</p>	<p>Điều 32.....</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác không được phép thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác chỉ được được phép sử dụng thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với</p> <p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm</p>	<p>Điều chỉnh Phù hợp với việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty và theo điểm b, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp → Bỏ BKS</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>4. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.</p> <p>b. cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc,</p> <p>c.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác hay người có liên quan của họ</p>	<p>soát, Tổng giám đốc điều hành, người quản lý khác và</p> <p>4. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.</p> <p>b. cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc,</p> <p>c.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác hay người có liên quan của họ</p>	
38		X. BAN KIỂM SOÁT	<p>X. BAN KIỂM SOÁT</p> <p>Bỏ các điều 35 và 36 liên quan đến Ban kiểm soát</p> <p>X. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	Quy định phù hợp với mô hình tổ chức mới của Công ty (điểm b khoản 1 Điều 137 LDN) → Bỏ BKS và thay thế bằng Ủy Ban kiểm toán.
39	Thành phần, ứng cử và đề cử thành viên	Không quy định	<p>Điều 34.....</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội</p>	- Quy định phù hợp với mô hình tổ chức mới của Công ty (điểm b khoản 1 Điều 137 LDN) → Ủy Ban kiểm toán.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	Ủy ban kiểm toán		<p>đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.</p> <p>2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>4. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>5. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.</p>	<p>Cập nhật theo Điều 161 Luật doanh nghiệp, Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
40	Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán.	Không quy định	<p>Điều 35..... Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán. 2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán. 3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết. 4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty. 5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định phù hợp với mô hình tổ chức mới của Công ty (điểm b khoản 1 Điều 137 LDN) → Ủy Ban kiểm toán. - Khoản 2 Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều 283 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.</p>	
41	<p>Cuộc họp của Ủy Ban kiểm toán</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 36.....</p> <p>1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</p> <p>2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p>	<p>Quy định phù hợp với mô hình tổ chức mới của Công ty (điểm b khoản 1 Điều 137 LDN) → Ủy Ban kiểm toán.</p> <p>Áp dụng điều 45 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC về Điều lệ mẫu.</p>
42	<p>Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 37.....</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</p>	<p>- Quy định phù hợp với mô hình tổ chức mới của Công ty (điểm b khoản 1 Điều 137 LDN) → Ủy Ban kiểm toán</p> <p>- Điều 284 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>đồng cổ đồng thường niên</p>		<p>a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;</p> <p>d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty;</p> <p>e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của công ty;</p> <p>g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			h) Các nội dung khác (nếu có).	
43	CHƯƠNG XI	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH	QUYỀN TRA CỨU ĐIỀU TRA SỔ SÁCH	Đề xuất điều chỉnh nhằm quy định phù hợp với chương XI của phụ lục I Thông tư 116/2020/tt-btc
44	Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	<p>Điều 37.....</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.2 và Điều 35.4 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p>Điều 38.....</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.2 và Điều 35.4 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công</p>	CSPL: Khoản 1, khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp. Điều 49 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC quy định về quyền tra cứu sổ sách.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<p>ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông, nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng giấy ủy quyền này.</p>	
45	<p>Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	<p>Điều 37.....</p> <p>4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.</p>	<p>Điều 38.....</p> <p>4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Điều lệ Công ty được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.</p>	<p>CSPL: Khoản 5 Điều 4 Thông tư 96/2020/TT-BTC. Công ty đại chúng phải có trang thông tin điện tử để công bố thông tin.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
46	Điều 38. Công nhân và công đoàn	<p>Điều 38.....</p> <p>Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 39.....</p> <p>1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt các chính sách và kế hoạch liên quan đến quản trị nguồn nhân lực, bao gồm tiền lương, bảo hiểm, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật và các nội dung khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Trên cơ sở kế hoạch đã được Hội đồng quản trị thông qua, Tổng Giám đốc quyết định việc tuyển dụng, ký kết, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng lao động; quyết định tiền lương, tiền thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, phúc lợi; thực hiện khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động, ngoại trừ các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị.</p> <p>Đối với các vị trí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề xuất phương án để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.</p> <p>2. Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này,</p>	<p>Cập nhật theo Điều 50 Điều lệ mẫu TT 116/2020 – TT – BTC và làm rõ cơ chế phân cấp, theo đó Hội đồng quản trị quyết định quỹ tiền lương, Tổng Giám đốc chủ động tổ chức thực hiện, qua đó nâng cao hiệu quả quản trị và phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<p>các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	
47	<p>Điều 39. Cổ tức</p>	<p>Điều 39.....</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (tỷ giá đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông</p>	<p>Điều 40.....</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p>	<p>Cơ sở pháp lý: Điều 51 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC .</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.		
48	Điều 44. Chế độ kế toán	<p>Điều 44.....</p> <p>1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>Điều 45.....</p> <p>1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p>	<p>CSPL: Điều 54 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Điều chỉnh lại tên điều khoản cho phù hợp với thông lệ.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<p>3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>	
49	<p>Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p>	<p>Điều 45.....</p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo tại Điều 46 của Điều lệ này trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p>	<p>Điều 46.....</p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo tại Điều 46 của Điều lệ này trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán</p>	<p>Cập nhật lại theo Điều 55 Phụ lục I thông tư 116/2020/TT-BTC cho đầy đủ và rõ ràng.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<p>chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	
50	Báo Cáo Thường niên	Không quy định	<p>Bổ sung quy định về trách nhiệm lập báo cáo thường niên</p> <p>Điều 47. Báo Cáo Thường niên</p> <p>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	Cập nhật theo điều 56 Phụ lục I thông tư 116/2020/TT-BTC
51	Điều 46. Kiểm toán	<p>Điều 46.....</p> <p>1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy</p>	<p>Điều 48.....</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy</p>	Cập nhật theo điều 57 Phụ lục I thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p> <p>4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</p> <p>5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại</p>	<p>quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	<p>2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p> <p>4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</p> <p>5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	
52	Điều 47. Con dấu	Điều 47..... Công ty có con dấu riêng. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ	Điều 49..... 1. Công ty có con dấu riêng Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu	Bổ sung phù hợp giao dịch điện tử hiện nay và Điều 43 Luật doanh nghiệp.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		sở chính của Công ty. Hình thức và nội dung của con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật.	<p>dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử .</p> <p>Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hình thức và nội dung của con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
53	Điều 48. Chấm dứt hoạt động	<p>Điều 48.....</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>Điều 50.....</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>- Khoản 6 Điều 2, Điều lệ Công ty đang quy định là thời hạn hoạt động của công ty là không xác định</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
54	Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 51..... a. Cổ đông với Công ty; hoặc b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay Cán bộ quản lý cao cấp.	Điều 53..... a. Cổ đông với Công ty; hoặc b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát , Tổng giám đốc điều hành hay Người điều hành khác Cán bộ quản lý cao cấp	- Quy định phù hợp với mô hình tổ chức mới của Công ty (điểm b khoản 1 Điều 137 LDN) → Ủy Ban kiểm toán - Theo định nghĩa tại Điều 1 thì Đang sử dụng thuật ngữ Người điều hành.
55	Điều 53. Ngày hiệu lực	Điều 53.....	Điều 55..... Bản điều lệ này gồm XXI chương 56 điều, được sửa đổi bổ sung ngày 25 tháng 04 năm 2026 trên cơ sở kế thừa Điều lệ ngày 04 tháng 07 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Điều chỉnh lại ngày sửa đổi bổ sung Điều lệ cho phù hợp với thời điểm ban hành.
56	Sửa thứ tự các Điều khoản		Điều chỉnh thứ tự các Điều khoản trong Điều lệ cũ sao cho phù hợp do Điều lệ mới có bổ sung một số Điều khoản liên quan đến Ủy ban kiểm toán.	



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Hồng Bàng – Phường Phú Lâm – Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.28) 37517111 Fax: (84.28) 38752048

Website : <http://www.opcpharma.com>. Email : info@opcpharma.com

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 26, ngày)

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa.....	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	8
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	8
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	9
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý	10
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 10. Quyền của cổ đông	10
Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 14. Các đại diện được ủy quyền.....	14
Điều 15. Thay đổi các quyền.....	15
Điều 16. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.	16
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 22. Hiệu lực Nghị quyết và Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 23. Ứng cử, đề cử, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 24. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 25. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY KIỂM THƯ KÝ CÔNG TY	31
Điều 27. Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp và các chức danh khác	31
Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, tiêu chuẩn và điều kiện, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành.....	31
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty.....	32

CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	33
Điều 31. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Cán bộ quản lý	33
Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	33
Điều 33. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
CHƯƠNG X. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	35
Điều 34. Thành phần, ứng cử và đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	35
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán.	35
Điều 36. Cuộc họp của Ủy Ban kiểm toán	35
Điều 37. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	36
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH	36
Điều 38. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	36
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	37
Điều 39. Công nhân viên và công đoàn.....	37
CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	37
Điều 40. Cổ tức.....	37
Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	38
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	38
Điều 42. Tài khoản ngân hàng.....	38
Điều 43. Trích lập các quỹ.....	38
Điều 44. Năm tài chính.....	39
Điều 45. Chế độ kế toán	39
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	39
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	39
Điều 47. Báo cáo thường niên	39
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	39
Điều 48. Kiểm toán.....	39
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	40
Điều 49. Con dấu	40
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	40
Điều 50. Chấm dứt hoạt động.....	40
Điều 51. Thanh lý	40
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	41
Điều 52. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	41
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	41
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	41
Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	41
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	42
Điều 55. Ngày hiệu lực.....	42
Điều 56. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật	42

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 26 ngày tháng năm 2026 này thay thế cho Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 25 ngày 04 tháng 07 năm 2023.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 5 Điều lệ này;

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

c. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024;

d. "Công ty": Là Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

e. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

g. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc;

h. "Người điều hành" doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính;

i. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;

j. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;

k. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

l. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC
- Tên tiếng Anh: OPC PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY
- Logo của công ty:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: 1017 Hồng Bàng (số cũ 343 Hùng Vương), **Phường Phú Lâm**, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (+84) 28 37517111 – (+84) 28 38754525
- Fax: (+84) 28 38752048
- E-mail: info@opcpharma.com
- Website: <http://www.opcpharma.com>

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của **từng** người đại diện theo pháp luật **được phân định như sau:**

4.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Đại diện cho công ty trong việc ký các giấy tờ, hợp đồng, giao dịch liên quan trực tiếp đến quyền lợi của các cổ đông, thành viên góp vốn như: Tiếp nhận, quản lý vốn góp, chuyển nhượng vốn của các cổ đông, thành viên công ty; Đại diện cho công ty trong việc ký các giấy tờ, hợp đồng, giao dịch liên quan đến thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4.2 Tổng Giám đốc:

Đại diện cho công ty trong việc ký các giấy tờ, hợp đồng, giao dịch liên quan đến các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, quản lý nhân sự của công ty; Đại diện cho công ty trong việc ký các giấy tờ, hợp đồng, giao dịch liên quan đến thẩm quyền của Tổng Giám đốc được ủy quyền hoặc phân quyền tại quy chế tài chính, quy chế khác do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ban hành.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50 và Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là không xác định thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

a. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Kinh doanh Dược, Mỹ phẩm, Dược liệu, Vị thuốc y học cổ truyền, Thuốc Đông y, Thuốc từ Dược liệu, Thuốc phiến, Thuốc có nguồn gốc từ thiên nhiên; Xuất nhập khẩu Dược, Mỹ phẩm, Dược liệu, Vị thuốc y học cổ truyền, Thuốc Đông y, Thuốc từ Dược liệu, Thuốc phiến, Thuốc có nguồn gốc từ thiên nhiên.	4649
2	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm, Thực phẩm chức năng, Phụ gia thực phẩm.	1079
3	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm, Bán buôn Thực phẩm chức năng, Phụ gia thực phẩm.	4632
4	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh.	4772
5	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng	4722
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.	4933
7	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất dược, vị thuốc y học cổ truyền, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu, thuốc phiến, thuốc có nguồn gốc từ thiên nhiên	2100 (chính)
8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: nhà nghỉ (không hoạt động tại trụ sở)	5510
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước uống có cồn, nước uống có gas (không sản xuất tại trụ sở)	1104
10	Trồng cây gia vị và cây dược liệu	0128

	Chi tiết: Trồng và chế biến dược liệu, vị thuốc y học cổ truyền, thuốc Đông y, thuốc từ Dược liệu, thuốc phiện, thuốc có nguồn gốc từ thiên nhiên	
11	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: sản xuất trang thiết bị y tế (không: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở).	3250
12	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất hóa chất	2029
13	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: sản xuất rượu (không hoạt động tại trụ sở)	1101
14	Bán buôn đồ uống Chi tiết: mua bán: rượu, nước uống có cồn, nước uống có gas	4633
15	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: kinh doanh trang thiết bị y tế	4659
16	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: sản xuất mỹ phẩm	2023
17	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh) Bán buôn cao su	4669
18	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: kinh doanh bất động sản	6810
19	Sản xuất điện	3511
20	Truyền tải và phân phối điện - Bán điện cho người sử dụng	3512
21	Doanh nghiệp phải thực hiện phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành nghề chưa khớp với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

- Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

b. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép. Đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu thu tối đa các khoản lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

Ngoài ra, Công ty có thể mở rộng, thu hẹp hoặc thay đổi phạm vi hoạt động do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

c. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được Pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

Khi thay đổi mục tiêu và chức năng sản xuất kinh doanh, vốn điều lệ và các nội dung khác trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, Công ty phải thông báo với **Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh** để cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 640.508.920.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi tỷ năm trăm linh tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Tổng số vốn điều lệ được chia thành 64.050.892 (*Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn tám trăm chín mươi hai*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần

2. Công ty có thể điều chỉnh vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Mỗi khi có sự thay đổi về vốn điều lệ thì Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị cập nhật sự thay đổi vốn điều lệ mới này vào Điều lệ công ty và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp kế tiếp gần nhất.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 10, Điều 11 của Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, **Luật Doanh nghiệp**, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trừ trường hợp quy định tại **Khoản 6 Điều** này.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

6. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc điều hành;

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;

b. Nhận cổ tức;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng của các đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho Người lao động được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Yêu cầu kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ

thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị, Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị **đương nhiệm** đề cử. **Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.**

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần **và cập nhật lại địa chỉ đã cung cấp khi có sự thay đổi;**

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại Hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra các sự kiện theo quy định tại **điểm b khoản 3 Điều này** hoặc kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại **điểm c khoản 3 Điều này hoặc** nhận được yêu cầu quy định tại **điểm d khoản 3 Điều này**.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

c. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán;

- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính riêng gần nhất của Công ty;
 - q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất;
 - s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính Phủ;
 - t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Các đại diện được ủy quyền

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên

cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện

có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, **Điều 18** và Điều 19 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại **Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này**.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

e. Xác định thời gian và địa điểm họp;

f. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định;

g. Công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Phiếu biểu quyết;

c. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2, Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại **Khoản 3 Điều 16** của Điều lệ này.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, **Chủ tịch Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị** điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

9. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác..

11. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với qui định của Luật Doanh nghiệp, **Luật Chứng khoán và những quy định khác liên quan.**

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các **khoản 3 Điều này, khoản 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp**:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành** trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền hợp lệ nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định.

Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo quy chế bầu cử của Công ty.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp các nội dung bắt buộc phải thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp theo quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông để gửi phiếu lấy ý kiến, Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của-cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết **của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết** tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 150 Luật doanh nghiệp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 22. Hiệu lực Nghị quyết và yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử, đề cử, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 thành viên, trong đó **trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập và tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành**. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- c. **Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 (năm) công ty khác.**
- d. **Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.**

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.

c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điểm a và điểm b khoản này.

d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;

e. Trừ 2 trường hợp quy định tại điểm d khoản 6 Điều này, Đại Hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 24. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại người quản lý đó;

f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền khác;

h. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

i. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

l. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp và hợp đồng, giao dịch với người có liên quan theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

m. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

n. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

p. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

q. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.

r. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty.

s. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Ngày 31/12/2020 của Chính Phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP Ngày 11/9/2025 của Chính Phủ.

t. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị quyết định:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều này, Điều 153 của Luật Doanh nghiệp, điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp và hợp đồng, giao dịch với người có liên quan theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty trừ những trường hợp không được phép thực hiện và những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Ngày 31/12/2020 của Chính Phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP Ngày 11/9/2025 của Chính Phủ.

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc góp vốn, mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

- i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
- j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những Cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

6. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc điều hành.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) **Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;**
- b) **Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;**
- c) **Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;**
- d) **Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;**
- đ) **Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;**
- e) **Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.**

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành

vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 26. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất **05 (năm) ngày làm việc** trước khi tổ chức họp, **trừ trường hợp khẩn cấp**.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, thư, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

Thông báo họp Hội đồng **quản trị** phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng **quản trị**.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại **điểm b Khoản 9 Điều này**, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại **điểm d Khoản 9 Điều này**, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại **điểm a và điểm b Khoản 4 Điều 34** Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%).

Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Hợp **trực tuyến** hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức họp trực tuyến sẽ có giá trị và hiệu lực như các Nghị quyết, quyết định được thông qua tại một cuộc họp được tổ chức theo thông lệ thông thường.

13. Trường hợp cần thiết vì lợi ích của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

15. Căn cứ vào cơ cấu tổ chức của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị quyết định thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

16. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban khác trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

17. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu

ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY KIỂM THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 27. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Bộ máy quản lý Công ty gồm có một Tổng giám đốc điều hành, một số Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và một số vị trí quản lý tương đương do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp và các chức danh khác

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm các chức danh: Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và **Giám đốc tài chính**.

2. Người có thẩm quyền bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp thì có thẩm quyền xem xét việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, tái bổ nhiệm hoặc chấp thuận đơn xin từ chức của người điều hành đó theo thủ tục do pháp luật về lao động, điều lệ công ty quy định và các thỏa thuận trong hợp đồng lao động với người điều hành đó.

3. Ký hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp: Công ty kí Hợp đồng với người điều hành doanh nghiệp theo quy định về pháp luật lao động. Người có thẩm quyền kí kết hợp đồng lao động có trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo người điều hành doanh nghiệp đã được bổ nhiệm theo đúng cấp có thẩm quyền.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp: Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp doanh nghiệp sẽ thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, tiêu chuẩn và điều kiện, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị **bổ nhiệm** ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 31. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Cán bộ quản lý

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, người quản lý khác và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 33. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cẩn và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cẩn và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Thành phần, ứng cử và đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

4. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

5. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán.

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.

5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 36. Cuộc họp của Ủy Ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy

ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 37. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty;

f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

h) Các nội dung khác (nếu có).

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH

Điều 38. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông, nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

5. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Điều lệ Công ty được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt các chính sách và kế hoạch liên quan đến quản trị nguồn nhân lực, bao gồm tiền lương, bảo hiểm, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật và các nội dung khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trên cơ sở kế hoạch đã được Hội đồng quản trị thông qua, Tổng Giám đốc quyết định việc tuyển dụng, ký kết, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng lao động; quyết định tiền lương, tiền thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, phúc lợi; thực hiện khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động, ngoại trừ các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị.

Đối với các vị trí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề xuất phương án để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

2. Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền, công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một hoặc một số ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Trích lập các quỹ

Hàng năm, căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông quyết định trích lợi nhuận sau thuế để lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và các quỹ khác.

Việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi và các quỹ khác theo quy định tại quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành từng thời điểm.

Chi phí thù lao của Hội đồng quản trị và các chuyên gia được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh của công ty với mức trích hàng năm không quá 5% lợi nhuận sau thuế.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Công ty có con dấu riêng Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử .

2. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hình thức và nội dung của con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo qui định của pháp luật.

3. Con dấu là tài sản của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo qui định của pháp luật.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành hay **Người điều hành khác**.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 56 điều, được sửa đổi bổ sung ngày tháng năm 2026 trên cơ sở kế thừa Điều lệ ngày 04 tháng 07 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

Điều lệ được lập thành 04 bản, có giá trị như nhau và được lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 56. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật

CHỦ TỊCH HĐQT

HOÀNG LÊ SƠN

**PHỤ LỤC. NHỮNG NỘI DUNG THAY ĐỔI TRONG DỰ THẢO
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Quy ước:

- Bỏ: gạch ngang
- Thêm mới: **chữ đỏ, in đậm**

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
1		<p>Gồm 12 chương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I: Những quy định chung - Chương II: Đại Hội đồng cổ đông - Chương III: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử - Chương IV: Hội đồng quản trị - Chương V: Ban kiểm soát - Chương VI: Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý - Chương VII: Phối hợp hoạt động giữa hội đồng quản trị , ban kiểm soát và tổng giám đốc 	<p>Sắp xếp thành 12 chương mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Quy định chung - Chương II. Đại Hội đồng cổ đông - Chương III. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. - Chương IV. Hội đồng quản trị - Chương V. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành công ty - Chương VI. Ủy ban kiểm toán trực thuộc hội đồng quản trị 	<p>Phụ lục II, Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		<p>Chương VIII: Đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, cán bộ quản lý và nhân viên công ty</p> <p>- Chương IX: Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty</p> <p>- Chương X: Báo cáo và công bố thông tin</p> <p>- Chương XI: Bổ sung và sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Công ty</p> <p>- Chương XII: Ngày hiệu lực</p>	<p>- Chương VII. Quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.</p> <p>- Chương VIII. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty</p> <p>- Chương IX. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, người điều hành khác</p> <p>- Chương X. Công ty Mẹ - Con</p> <p>- Chương XI. Báo cáo và Công bố thông tin</p> <p>- Chương XII. Điều khoản thi hành</p>	
2	Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1. Phạm vi điều chỉnh.....	<p>Bổ sung thêm Mục đích vào Điều 1.</p> <p>1.Mục đích: Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (“Quy chế”) quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty nhằm các mục đích:</p> <p>1.1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý và hiệu quả;</p> <p>1.2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông và những người có liên quan;</p> <p>1.3. Thiết lập các chuẩn mực về hành vi và đạo đức nghề nghiệp, đồng thời bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các Người</p>	Đề xuất bổ sung thêm phần mục đích của Quy chế

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>quản lý khác của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;</p> <p>1.4. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.</p> <p>1.5. Đảm bảo Công ty hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Phạm vi điều chỉnh.....</p>	
3	Giải thích thuật ngữ	Chưa quy định về điều khoản giải thích thuật ngữ	<p>Bổ sung thêm quy định về giải thích thuật ngữ</p> <p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;</p> <p>b. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế</p>	<p>Làm rõ khái niệm một số thuật ngữ trong quy chế mới.</p> <p>CSPL: Điều 4 Luật doanh nghiệp, điều 3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024;</p> <p>c. “Công ty”: Là Công ty Cổ phần Được phẩm OPC.</p> <p>d. “Điều lệ”: Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua từ từng thời điểm.</p> <p>e. “Cổ đông”: Là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.</p> <p>f. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội” hay “ĐHĐCĐ”: Là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.</p> <p>g. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;</p> <p>h. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính.</p> <p>i. "Người quản lý Công ty": Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.</p> <p>j. “Người điều hành” Công ty là Tổng</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính.</p> <p>k. “Ban điều hành” gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính.</p> <p>1. "Bỏ phiếu điện tử" là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.</p> <p>m."Bỏ phiếu truyền thống" là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.</p> <p>2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p>	
4	Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 2.</p> <p>.....</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;</p> <p>.....</p> <p>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>.....</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 13 Điều lệ Công ty và khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;</p> <p>.....</p> <p>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	Điều chỉnh theo hướng: dẫn chiếu từ Điều lệ và Luật Doanh nghiệp nhằm tránh quy định trùng lặp và tránh được trường hợp pháp luật có sự thay đổi dẫn đến những quy định trong quy chế không còn phù hợp.

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.	Bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 272 nghị định 155/2020/NĐ-CP
5	Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 3.....</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.</p> <p>Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại Hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Hội đồng quản trị họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p>	<p>CSPL:</p> <p>- Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Bổ sung theo Khoản 3 Điều 12 điều lệ Công ty.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		<p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p>	<p>- Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức từ BKS sang Ủy ban kiểm toán, do đó, bỏ nội dung về BKS.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		<p>2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể</p> <p>3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p> <p>4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này</p>	<p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>e. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi)</p> <p>5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p> <p>4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định</p>	<p>- Bổ sung theo Khoản 4 Điều 12 điều lệ Công ty.</p> <p>- Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức từ BKS sang Ủy ban kiểm toán, do đó, bỏ nội dung về BKS.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định	<p>tại khoản 3 Điều này Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp Luật này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
6	Điều 4. Danh sách cổ đông có quyền dự họp, Thông báo họp ĐHĐCĐ	<p>Điều 4</p> <p>.....</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành</p>	<p>Điều 5. Danh sách cổ đông có quyền dự họp, Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>.....</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p>	Thay đổi Cơ cấu tổ chức → Bỏ BKS

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;		
7	Điều 5. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 5.....</p> <p>3.....</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>.....</p> <p>c. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>.....</p>	<p>Điều 6. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3.....</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>.....</p> <p>c. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2, Điều 115 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>.....</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 5 Điều 16 Điều lệ Công ty - Khoản 3 Điều 142 Luật DN.
8	Điều 6. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 6.....</p> <p>.....</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập</p>	<p>Điều 7. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>.....</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất bổ sung những nội dung cần thiết phải có trong Giấy uỷ quyền.

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		<p>theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.</p> <p>Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>.....</p>	<p>quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>.....</p>	
9	<p>Điều 7. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 7.....</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>.....</p>	<p>Điều 9. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền (nếu có) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.</p>	<p>CSPL: Bổ sung theo Điều 18 Điều lệ Công ty</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>.....</p>	
10	<p>Điều 10: Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>	<p>Điều 10.....</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>.....</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.</p> <p>.....</p>	<p>Điều 11. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>.....</p> <p>2. Ngoại trừ các trường hợp nêu tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều này, các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.</p> <p>.....</p> <p>6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu</p>	<p>CSPL: Khoản 1, Điều 148 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Khoản 2 Điều 148 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Khoản 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	
11	Điều 11. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	Điều 11 5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:.....	Điều 12 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. 5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:.....	Thay đổi Cơ cấu tổ chức → Bỏ BKS, thay thế bằng Ủy Ban kiểm toán
12	Điều 12. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 12..... 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.	Điều 13..... 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.	Đề xuất bổ sung thêm văn bản ủy quyền tham dự họp vào tài liệu lưu trữ, do đây là văn bản quan trọng cần lưu trữ.
13	<i>Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông</i>	Quy chế cũ không quy định	Điều 16. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng.	Đề xuất bổ sung: theo điểm q, khoản 2 điều 2 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
	<i>và công bố ra công chúng</i>		<p>1. Bản sao biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo các quy định hiện hành.</p> <p>2. Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
14	<i>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</i>	Quy chế cũ không quy định	<p>Điều 17. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính; - Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp; - Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; - Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản 	<p>CSPL:</p> <p>1. Điều 46 Phụ lục I Thông tư 116/TT-BTC</p> <p>2. Điểm c Khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (nếu có);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết); - Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị - Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) - Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc; - Kết quả giám sát đối với các Người điều hành khác; - Các kế hoạch trong tương lai. 	
15	<p><i>Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</i></p>	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 18. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>1. Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức từ BKS sang Ủy Ban kiểm toán</p> <p>2. Điểm c Khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp. Điều 46 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;</p> <p>d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;</p> <p>e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty;</p> <p>g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;</p> <p>h) Các nội dung khác (nếu có).</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
16	Điều 17. Điều kiện tiến hành Đại hội	Điều 17..... 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi số cổ đông đăng ký tham dự đại hội đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm lưu ký-cung cấp.	Điều 21..... 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi số cổ đông đăng ký tham dự đại hội đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam Trung tâm lưu ký cung cấp.	Cập nhật lại tên của trung tâm lưu ký
17	Điều 24. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến (Check-in)	Điều 24..... 1. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và xác thực OTP để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Ban tổ chức gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên trang website của OPC (https://www.opcpharma.com). Mỗi lần đăng nhập, cổ đông sẽ được nhận 01 mã OTP khác nhau để thực hiện xác thực.	Điều 28..... 1. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và xác thực mã OTP để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Ban tổ chức gửi đến địa chỉ email thư điện tử hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website của OPC trang thông tin điện tử của Công ty (https://www.opcpharma.com). Mỗi lần đăng nhập, cổ đông sẽ được nhận 01 mã OTP khác nhau để thực hiện xác thực.	Điều chỉnh sử dụng đồng bộ tiếng Việt.
18	Điều 27. Tỷ lệ thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	Điều 27..... 1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp trực tuyến khi được	Điều 31. Tỷ lệ thông qua quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 11 Quy chế này.	CSPL: Điều 11 quy chế nội bộ về quản trị công ty; Điều 19 Điều lệ.

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		<p>số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông đã đăng ký tham dự đại hội chấp thuận;</p> <p>2. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại; Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại giải thể Công ty thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông đã đăng ký tham dự đại hội chấp thuận.</p>	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp trực tuyến khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông đã đăng ký tham dự đại hội chấp thuận;</p> <p>2. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại; Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại giải thể Công ty thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông đã đăng ký tham dự đại hội chấp thuận.</p>	
19	Điều 29. Hội đồng quản trị	Điều 29. Hội đồng quản trị	Điều 33. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
20	Điều 30. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	<p>Điều 30.....</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người;</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm;</p>	<p>Điều 34. Cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người thành viên, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập và tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm.....</p>	CSPL: Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP + Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
21	Điều 31. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	<p>Điều 31.....</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác;</p>	<p>Điều 34. Cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>.....</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>3.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>3.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</p> <p>3.3. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 (năm) công ty khác.</p> <p>e. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác;</p> <p>3.4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</p>	Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP + Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công
22	Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị	Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị	Điều 35. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị	Đề xuất bổ sung

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
23	<i>Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</i>	Chưa quy định chi tiết	<p>Điều 36. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>2. Phiếu bầu do Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.</p> <p>3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.</p> <p>4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.</p> <p>5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:</p>	<p>Bổ sung cách thức bầu thành viên HĐQT theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 148 Luật doanh nghiệp, - Điểm d khoản 2 Điều 3 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;</p> <p>b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;</p> <p>c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;</p> <p>d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;</p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>7. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị theo hình thức bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Quy chế Đề cử, Ứng cử, Bầu cử Hội đồng quản trị đính kèm cùng tài liệu họp tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
24	Điều 33. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	<p>Điều 33.</p> <p>3.....</p> <p>e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>.....</p>	<p>Điều 37.....</p> <p>3.....</p> <p>e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>.....</p>	<p>Đề xuất bổ sung văn bản điều chỉnh.</p>
25	Điều 34. Cuộc họp Hội đồng quản trị	<p>Điều 34.....</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Trường hợp khác được quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>.....</p>	<p>Điều 40 Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có đề nghị bằng văn bản một trong các trường hợp sau đây;</p> <p>a. Có đề nghị của của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Trường hợp khác được quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>.....</p> <p>8. Họp trực tuyến hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p>	<p>- Bỏ những nội dung liên quan đến Ban kiểm soát.</p> <p>Đề xuất điều chỉnh nhằm phù hợp với các cuộc họp trực tuyến HĐQT.</p> <p>- CSPL: Khoản 12, điều 26 Điều lệ Công ty</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>c. Các Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức họp trực tuyến sẽ có giá trị và hiệu lực như các Nghị quyết, quyết định được thông qua tại một cuộc họp được tổ chức theo thông lệ thông thường.</p>	
26	Điều 34. Cuộc họp Hội đồng quản trị	<p>Điều 34.....</p> <p>.....</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày</p>	<p>Điều 41. Thông báo mời họp và chương trình, nội dung họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, trừ các</p>	<p>Cập nhật theo Khoản 7 Điều 26, Điều Lệ Công ty.</p> <p>- Điểm c khoản 4 Điều 3 phụ lục II</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		<p>họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>.....</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>trường họp khẩn cấp. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng phải đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>.....</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>- Bỏ những nội dung liên quan đến Ban kiểm soát.</p>
27	Điều 34. Cuộc họp Hội đồng quản trị	<p>Điều 34.....</p> <p>.....</p> <p>12.Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 42. Biểu quyết và thông qua nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị</p> <p>1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền có một (01) phiếu biểu quyết; Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành (trên 50%); Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>CSPL: + Khoản 12 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</p> <p>Việc kê khai này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa</p>	<p>+ Khoản 9 Điều 26 Điều lệ Công ty</p> <p>+ Điều 164 Luật Doanh nghiệp</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.</p>	
28	<p><i>Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản</i></p>	<p>Chưa quy định chi tiết</p>	<p>Điều 44. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp cần thiết vì lợi ích của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị. 2. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu có liên quan đến nội dung xin ý kiến phải gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày hết hạn trên Phiếu lấy ý kiến, ngoại trừ những trường hợp khẩn. 3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi Phiếu lấy ý kiến đã trả lời đúng 	<p>CSPL. Khoản 13. Điều 26 Điều lệ Công ty. Đề xuất bổ sung vì phù hợp với thực tế tại OPC liên quan đến hoạt động lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>hạn. Phiếu lấy ý kiến không được gửi lại hoặc gửi lại không đúng hạn được coi là không tham gia biểu quyết.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty có trách nhiệm kiểm phiếu và lập Biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị. Biên bản cần nêu rõ các nội dung cần lấy ý kiến, các vấn đề được thông qua, số phiếu đồng ý, không đồng ý và có ý kiến khác hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề, họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan đến các vấn đề xin ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>6. Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến đồng ý của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Trường hợp số tỷ lệ đồng ý và không đồng ý ngang bằng nhau, ý kiến của Chủ tịch sẽ là ý kiến quyết định. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
29	<i>Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</i>	Chưa quy định chi tiết	<p>Điều 45. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	Khoản 3 Điều 3 Thông tư 116/2020/TT-BTC + Điều 163 Luật doanh nghiệp
30	<i>Các tiểu ban của Hội đồng quản trị;</i>	Chưa quy định	<p>Điều 46. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban</p>	CSPL: + Khoản 16, 17 Điều 26 Điều lệ Công ty. + Khoản 6 Điều 3 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC.

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ Công ty, quy định tại Quy chế này.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của tiểu ban theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.</p>	
31	<p><i>Tiêu chuẩn thành viên tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;</i></p>	<p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 47. Tiêu chuẩn thành viên tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Tiêu chuẩn cụ thể của thành viên tiểu ban được quy định chi tiết tại quy chế tổ chức và hoạt động của tiểu ban đó, tuy nhiên cơ bản phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có bằng đại học, có chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng làm việc trong lĩnh vực của tiểu ban phụ trách;</p> <p>b. Có bằng cấp, chứng chỉ trong trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Trưởng tiểu ban ngoài các điều kiện</p>	<p>CSPL: + Khoản 16, 17 Điều 26 Điều lệ Công ty. + Khoản 6 Điều 3 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>nêu tại Khoản 1 Điều này phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p>	
32	<p><i>Nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm của Tiểu ban</i></p>	<p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 48. Nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm của Tiểu ban</p> <p>1. Nguyên tắc hoạt động</p> <p>a. Các quyết định của Tiểu ban được thông qua theo nguyên tắc đa số. Việc biểu quyết có thể thực hiện trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thực hiện qua các phương tiện điện tử phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.</p> <p>b. Các quyết định của Tiểu ban phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty.</p> <p>c. Các hoạt động của Tiểu ban phải bảo vệ, nâng cao tối đa quyền và lợi ích của Công ty</p> <p>2. Trách nhiệm của Tiểu ban</p> <p>a. Tham mưu, tư vấn, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong lĩnh vực được phân công, trong việc xây dựng hệ thống quản trị điều hành Công ty.</p> <p>b. Thực hiện đúng, đầy đủ các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Xây dựng cơ cấu tổ chức, kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ hợp lý giữa các thành viên trong tiểu ban; Phối</p>	<p>CSPL: + Khoản 16, 17 Điều 26 Điều lệ Công ty. + Khoản 6 Điều 3 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>hợp với các tiểu ban, Người điều hành, các Phòng/Trung tâm của Công ty để hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao.</p> <p>d. Kịp thời cập nhật kiến thức, tình hình thực tế trong lĩnh vực phụ trách theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị để thông báo tới Người điều hành, các Phòng/Trung tâm của Công ty nhằm hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng công việc, phòng ngừa rủi ro.</p> <p>e. Báo cáo về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ cụ thể định kỳ và bất thường theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.</p> <p>f. Các trách nhiệm khác quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của tiểu ban.</p>	
33		CHƯƠNG V. BAN KIỂM SOÁT	<p>CHƯƠNG V. BAN KIỂM SOÁT</p> <p>Thay thế bằng Chương VI. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị để phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Công ty.</p>	Công ty Thay đổi cơ cấu tổ chức từ BKS sang Ủy ban kiểm toán theo b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp.
34	CHƯƠNG V.	LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ	<p>TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY</p>	Điều 29 Điều lệ Công ty; Khoản 55 Điều 3 NĐ 155/2020/NĐ-CP sử dụng thật ngữ Người điều hành.

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
35	Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý	<p>Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>1. Bộ máy quản lý Công ty gồm có một Tổng giám đốc điều hành, một số Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và một số vị trí quản lý tương đương do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</p> <p>.....</p>	<p>Điều 49. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>1. Tổ chức bộ máy công ty được mô tả theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty</p> <p>1. Bộ máy quản lý Công ty gồm có một Tổng giám đốc điều hành, một số Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và một số vị trí quản lý tương đương do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</p> <p>2.</p>	<p>Đề xuất quy định ngắn gọn bằng cách dẫn chiếu sang điều lệ Công ty</p>
36	Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành	<p>Điều 46.....</p> <p>1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc điều hành:</p> <p>b. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn</p>	<p>Điều 51. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Tổng Giám đốc</p> <p>1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc</p> <p>a. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>b. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, người</p>	<p>Điểm b khoản 2 Điều 5 Phụ lục II, thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>CSPL: Khoản 2 Điều 162 Luật DN</p> <p>Khoản 5 Điều 162 Luật DN.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		<p>theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>a. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được</p>	<p>đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại Công ty (nếu có);</p> <p>- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.</p> <p>b. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>2. Bổ nhiệm Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty;</p>	<p>Khoản 1 Điều 162 LDN.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		<p>nêu trong báo cáo thường niên của Công ty;</p> <p>c. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch là lá phiếu quyết định.</p>	<p>3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.</p> <p>e. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch là lá phiếu quyết định.</p> <p>4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Công ty phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p> <p>5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc</p> <p>5.1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	<p>Khoản 12 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo điểm 1 khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC</p> <p>Khoản 2 Điều 163 LDN</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			5.2. Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	
37	Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành	Điều 46..... 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành: a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công	Điều 50. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc 1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. 2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 162 Luật doanh nghiệp. Khoản 1 Điều 5 Phụ lục II. Thông tư 116/2020/TT-BTC
38	<i>Tiêu chuẩn lựa chọn Người điều hành</i>	Chưa quy định chi tiết	Điều 52 Tiêu chuẩn lựa chọn Người điều hành 1. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc tuân thủ theo Điều 51 Quy chế này, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng: a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;</p> <p>c) Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 05 năm trở lên;</p> <p>d) Do Tổng giám đốc lựa chọn và giới thiệu với Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Người điều hành khác:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức chấp hành quy định của pháp luật và của Công ty;</p> <p>b) Là người có trình độ chuyên môn, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công. Các tiêu chuẩn cụ thể cho từng vị trí (ngoại trừ vị trí Tổng giám đốc) do Tổng giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	
39	Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp và các chức danh khác	<p>Điều 47.....</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm các chức danh: Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các vị trí người điều hành khác tương đương.</p>	<p>Điều 53. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành</p> <p>1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc: Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo Điều 51 Quy chế này, Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:</p> <p>- Tổng giám đốc có quyền giới thiệu để Hội đồng quản trị bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</p>	- Quy định chi tiết việc bổ nhiệm người điều hành Công ty

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		<p>2. Người có thẩm quyền bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp thì có thẩm quyền xem xét việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, tái bổ nhiệm hoặc chấp thuận đơn xin từ chức của người điều hành đó theo thủ tục do pháp luật về lao động, điều lệ công ty quy định và các thỏa thuận trong hợp đồng lao động với người điều hành đó.</p>	<p>- Hội đồng quản trị tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong Hội đồng quản trị. Trường hợp ứng viên được trên 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị nhất trí thông qua thì Hội đồng quản trị ra Nghị quyết bổ nhiệm vị trí đã biểu quyết.</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm các chức danh: Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các vị trí người điều hành khác tương đương.</p> <p>Điều 54. Bổ nhiệm lại chức vụ của Người điều hành Công ty.</p> <p>1. Khi Người điều hành kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.</p> <p>2. Việc bổ nhiệm lại được thực hiện căn cứ vào hiệu quả công việc của nhiệm kỳ trước của Người điều hành đó.</p> <p>Điều 56. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Người điều hành Công ty.</p> <p>1. Người điều hành xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa</p>	<p>Quy định chi tiết việc tái bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công ty</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì Người điều hành đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người điều hành trong trường hợp sau:</p> <p>a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;</p> <p>b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;</p> <p>c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.</p> <p>d. Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành.</p> <p>Những trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.</p> <p>2. Người có thẩm quyền bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp thì có thẩm quyền xem xét việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, tái bổ nhiệm hoặc chấp thuận đơn xin từ chức của người điều hành đó theo thủ tục do pháp luật về lao động, điều lệ công ty quy định và các thỏa thuận trong hợp đồng lao động với người điều hành đó.</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		<p>3. Ký hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp: Công ty kí Hợp đồng với người điều hành doanh nghiệp theo quy định về pháp luật lao động. Người có thẩm quyền kí kết hợp đồng lao động có trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo người điều hành doanh nghiệp đã được bổ nhiệm theo đúng cấp có thẩm quyền.</p> <p>4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp: Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn</p>	<p>Điều 55. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành Công ty</p> <p>1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm Người điều hành Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) cho Người điều hành Công ty. Tổng giám đốc ký hợp đồng lao động với các Người điều hành khác theo uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn và các nội khác theo quy định của pháp luật lao động.</p> <p>3. Ký hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp: Công ty kí Hợp đồng với người điều hành doanh nghiệp theo quy định về pháp luật lao động. Người có thẩm quyền kí kết hợp đồng lao động có trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo người điều hành doanh nghiệp đã được bổ nhiệm theo đúng cấp có thẩm quyền.</p> <p>4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp: Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp doanh</p>	<p>- Quy định chi tiết việc ký hợp đồng lao động với người điều hành Công ty.</p> <p>- Đề xuất bỏ nội dung này do đã ghi nhận việc công bố thông tin trong</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp doanh nghiệp sẽ thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.	nghiệp sẽ thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.	Chương XI, Điều 76 quy chế này.
40	Điều 48. Công bố thông tin bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi cán bộ quản lý	Trường hợp cán bộ quản lý của công ty là người nội bộ theo quy định Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Đề xuất bỏ Điều 48	Đề xuất bỏ nội dung này do đã ghi nhận việc công bố thông tin trong Chương XI, Điều 76 Quy chế này.
41	<i>Ủy ban kiểm toán</i>	Không quy định	Bổ sung Chương VI. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý từ ban kiểm soát sang Ủy ban kiểm toán.
42	<i>Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ủy ban kiểm toán</i>	Không quy định	Điều 57. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ủy ban kiểm toán 1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Căn cứ vào cơ cấu tổ chức tại Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị quyết định thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. 2. Ủy ban kiểm toán có từ 02 (hai) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm	Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo Điều 18 Quy chế này.</p>	
43	<i>Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ủy ban kiểm toán</i>	Không quy định	<p>Điều 57. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.</p>	Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 42 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC
44	<i>Ứng cử, đề cử và bầu thành viên Ủy ban kiểm toán</i>	Không quy định	<p>Điều 58. Ứng cử, đề cử và bầu thành viên Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các</p>	Điều 42 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.</p> <p>2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p>	
45	<i>Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</i>	Không quy định	<p>Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;</p> <p>2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;</p> <p>3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;</p> <p>5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;</p> <p>6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập,</p>	Điều 283 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;</p> <p>7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.</p> <p>8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.</p> <p>11. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.</p> <p>12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.</p>	
46	<i>Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</i>	Không quy định	<p>Điều 60. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</p> <p>2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p>	CSPL: Điều 45 Phụ lục I, thông tư 116/2020/TT-BTC
47	Điều 49. Mối quan hệ hoạt động giữa các thành viên Hội đồng quản trị	<p>Điều 49.....</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị chủ động thực hiện các nhiệm vụ, đồng thời phải phối hợp, cộng tác tích cực với nhau để giám sát hoạt động điều</p>	<p>Điều 65. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên.</p> <p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi công việc và thông tin, hỗ trợ và tạo</p>	CSPL: Điều h khoản 1 Điều 6 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
		<p>hành Công ty theo đúng luật pháp của Nhà nước, điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>3. Mọi thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị phải được giữ bí mật và chỉ được trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị. Nghiêm cấm phổ biến các thông tin, tài liệu ra ngoài phạm vi Hội đồng quản trị, ngoại trừ trường hợp phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</p>	<p>thuận lợi trong quá trình thực hiện trách nhiệm của mỗi bên theo đúng quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.</p> <p>2. Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi bên.</p> <p>3. Trong trường hợp cần thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và gửi cho Tổng giám đốc trước ít nhất 24 giờ tính từ thời điểm dự kiến sẽ tiếp nhận thông tin, tài liệu.</p> <p>Đối với các thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi đến Tổng giám đốc trước ít nhất 48 giờ tính từ thời điểm dự kiến sẽ tiếp nhận thông tin, tài liệu.</p> <p>Đối với việc sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, Ủy ban kiểm toán phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>4. Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị chủ động thực hiện các nhiệm vụ, đồng thời phải phối hợp, cộng tác tích cực với nhau để giám sát hoạt động điều hành Công ty theo đúng luật pháp của Nhà nước, điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>3. Mọi thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị phải được giữ bí mật và chỉ được trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị. Nghiêm cấm phổ biến các thông tin, tài liệu ra ngoài phạm vi Hội đồng quản trị,</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			ngoại trừ trường hợp phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.	
48	Điều 50. Mọi quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	<p>1. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ.</p> <p>.....</p> <p>5. Ban kiểm soát trong quá trình kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị phải cam kết giữ bí mật không được tiết lộ, cung cấp thông tin, tài liệu của Hội đồng quản trị ra ngoài, trừ khi được sự đồng ý của Hội đồng quản trị.</p>	Đề xuất bỏ Điều 50 do đã bỏ quy định về Ban kiểm soát	Công ty đổi mô hình sang Ủy ban kiểm toán nên bỏ những nội dung về Ban kiểm soát.
49	Điều 51. Mọi quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc		<p>Điều 62. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các</p>	<p>- Đề xuất bổ sung</p> <p>- Khoản 1, Điều 12 Luật Doanh nghiệp</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>quyền lợi, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành hoạt động của Công ty mà chỉ đạo</p> <p>.....</p> <p>6. Tổng Giám đốc có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo qui định phân cấp được Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty đã ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, sự cố) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.</p> <p>7. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị bằng văn bản.</p> <p>Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc huỷ bỏ thi hành các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Đề xuất bổ sung cơ chế bảo lưu ý kiến và từ chối thi hành những quyết định trái pháp luật của TGD và HĐQT</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
50	Điều 52. Mọi quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát với Tổng Giám đốc điều hành	<p>1. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc có được điều kiện làm việc thuận lợi nhất theo đúng chức năng quyền hạn của mình.....</p> <p>.....</p> <p>7. Việc trao đổi và sử dụng thông tin giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, phải đảm bảo tính bảo mật, không được tiết lộ bí mật của Công ty và không được gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động chung của Công ty.</p>	<p>1. Đề xuất bỏ điều 52. Do Bỏ những nội dung liên quan đến Ban kiểm soát.</p> <p>2. Những nội dung liên quan đến mối quan hệ giữa HĐQT và TGD đã được cập nhật trong Điều 62 Quy chế mới.</p>	Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý từ BKS sang uỷ Ban kiểm toán.
51	<i>Mối quan hệ trong thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành</i>	Chưa quy định	<p>Điều 63. Mọi quan hệ trong thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể mời thành viên Ban Điều hành tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thành viên này được quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.</p> <p>2. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho Tổng giám đốc để thực hiện.</p>	Đề xuất bổ sung

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
52	<p><i>Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao</i></p>		<p>Điều 64. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.</p> <p>1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>2. Tổng giám đốc sẽ cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi:</p> <p>2.1. Thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.</p> <p>2.2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị yêu cầu bằng văn bản, thư điện tử (email) đối với các nội dung mà ủy ban đã thông qua rằng Tổng giám đốc phải cung cấp. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc phải thực hiện báo cáo bằng văn bản.</p> <p>3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt, quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty do Tổng giám đốc đề xuất phải được hội đồng quản trị phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ thời</p>	<p>Cập nhật theo điểm đ khoản 1 Điều 6 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			điểm Hội đồng quản trị nhận được đề xuất hoặc một thời điểm khác theo thỏa thuận.	
53	Điều 60. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	Điều 60..... Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Đề xuất bỏ Điều 60 do đã có quy định chung về Công bố thông tin tại Chương XI	Đề xuất bỏ, do trùng với chương XI, Điều 76 quy định về nghĩa vụ Công bố thông tin
54	Điều 53. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Cán bộ quản lý Công ty	Điều 53. 2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát. 3. Tổng giám đốc điều hành chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.	Điều 70. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành. 2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát. 2. Nguyên tắc đánh giá: Khách quan, trung thực, công bằng. Bằng chứng của kết quả đánh giá phải được gửi đến thành viên liên quan. 3. Kết quả đánh giá phải được lưu lại và làm cơ sở cho lần đánh giá kế tiếp. 4. Tiêu chí đánh giá thành viên Hội đồng quản trị: - Số lần tham dự các kỳ họp định kỳ và bất thường;	Công ty chuyển đổi cơ cấu tổ chức quản lý → Bỏ nội dung về ban kiểm soát Phân tích chi tiết thành nguyên tắc, tiêu chí đánh giá để làm cơ sở cho việc đánh giá thay vì quy định chung chung như quy chế cũ.

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ hoàn thành công việc theo phân công; - Số lần vi phạm kỷ luật trong thời gian đánh giá (nếu có). 5. Tiêu chí đánh giá Tổng giám đốc và Người điều hành khác - Kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh; - Hiệu quả điều hành, quản trị; - Việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; - Số lần vi phạm kỷ luật trong thời gian đánh giá (nếu có). <p>3. Tổng giám đốc điều hành chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.</p>	
55	CÔNG TY MẸ - CON	Không quy định	Chương X. CÔNG TY MẸ - CON	Đề xuất bổ sung do thực tế OPC có phát sinh. CSPL: Điều 195, 196, 197 Luật doanh nghiệp
56	Công ty mẹ - Công ty con	Không quy định	Điều 73. Công ty mẹ - Công ty con 1. Công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:	Điều 195 Luật oanh nghiệp

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>a. Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;</p> <p>b. Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó;</p> <p>c. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.</p> <p>2. Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của công ty không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.</p> <p>3. Các công ty con của công ty không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp mới theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	
57	<i>Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công ty đối với công ty con</i>	Không quy định	<p>Điều 74. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công ty đối với công ty con</p> <p>1. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của công ty con, công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Mọi quan hệ giữa công ty với các công ty con dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa công ty và</p>	Điều 196 Luật Doanh nghiệp

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với chủ thể pháp lý độc lập.</p> <p>3. Trường hợp công ty can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông và buộc công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho công ty con thì công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.</p> <p>4. Người quản lý công ty chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều này phải liên đới cùng công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.</p> <p>5. Trường hợp công ty không đền bù cho công ty con theo quy định tại khoản 3 Điều này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 01% vốn điều lệ của công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh công ty con yêu cầu công ty đền bù thiệt hại cho công ty con.</p> <p>6. Trường hợp hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều này do công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho công ty con khác của công ty thì công ty con được</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>hưởng lợi phải liên đới cùng công ty hoàn trả khoản lợi được hưởng cho công ty con bị thiệt hại.</p>	
58	<p><i>Báo cáo tài chính của công ty mẹ, công ty con</i></p>	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 75. Báo cáo tài chính của công ty mẹ, công ty con</p> <p>1. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty mẹ - công ty con phải lập các báo cáo sau đây:</p> <p>a. Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ theo quy định của pháp luật về kế toán;</p> <p>b. Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của công ty mẹ và công ty con;</p> <p>c. Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của công ty mẹ và công ty con.</p> <p>2. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con.</p> <p>3. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo của công ty sử dụng báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con nếu không có nghi ngờ về việc báo cáo do công ty con lập và đệ</p>	<p>Điều 197 Luật Doanh nghiệp</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
			<p>trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo.</p> <p>4. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của công ty con. Trong trường hợp người quản lý công ty đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định từ công ty con thì người quản lý công ty mẹ vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm thông tin từ công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.</p> <p>5. Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của công ty mẹ, công ty con phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty mẹ. Bản sao của báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải được lưu giữ tại chi nhánh của công ty mẹ tại Việt Nam.</p> <p>6. Ngoài báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty con còn phải lập báo cáo tổng hợp về mua, bán và giao dịch khác với công ty mẹ.</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ
59	Điều 60. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Đề xuất bỏ Điều này do đã có quy định chung về công bố thông tin tại Điều 76, chương X Quy chế này. Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Điều 76, chương X Quy chế này
60	Điều 64. Ngày hiệu lực	Điều 64..... Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dược phẩm OPC bao gồm 64 Điều có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 10 năm 2021 và thay thế cho quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành ngày 09/04/2021.	Điều 79. Điều khoản thi hành 1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày tháng 04 năm 2026 và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC được ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC. Các bản trích lục Quy chế này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của ½ số thành viên Hội đồng quản trị. 2. Các cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Người điều hành khác, các Phòng ban và người lao động Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.	Đề xuất bổ sung thêm các nội dung về trích lục và điều khoản thi hành

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính Phủ;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính Phủ;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC sửa đổi, bổ sung lần thứ 26 ngày...../...../2026;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ngày/...../2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đối với Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC. Quy chế nội bộ về quản trị công ty bao gồm những nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Mục đích: Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (“Quy chế”) quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty nhằm các mục đích:

- 1.1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý và hiệu quả;
- 1.2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông và những người có liên quan;
- 1.3. Thiết lập các chuẩn mực về hành vi và đạo đức nghề nghiệp, đồng thời bảo

đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các Người quản lý khác của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;

1.4. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

1.5. Đảm bảo Công ty hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung chủ yếu sau:

2.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

2.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; họp Hội đồng quản trị;

2.3. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

2.4. Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Cổ đông Công ty và các cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

a. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

b. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024;

c. "Công ty": Là Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

d. "Điều lệ": Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua tùy từng thời điểm.

e. "Cổ đông": Là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

f. "Đại hội đồng Cổ đông" hoặc "Đại hội" hay "ĐHĐCĐ": Là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

g. "Người có liên quan": là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;

h. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính.

i. "Người quản lý Công ty": Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

j. "Người điều hành" Công ty là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán

trưởng và Giám đốc tài chính.

k. "Ban điều hành" gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính.

l. "Bỏ phiếu điện tử" là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.

m. "Bỏ phiếu truyền thống" là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 13 Điều lệ Công ty và khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp;

3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục

đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

đ. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 5. Danh sách cổ đông có quyền dự họp, Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường

hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Phiếu biểu quyết;
- c. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

e. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định;

h. Công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 6. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2, Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

d. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 9. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền (nếu có) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

4. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc

và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 11. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Ngoại trừ các trường hợp nêu tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều này, các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thông qua hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 12. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông

qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 14. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét,

hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 15. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 quy chế này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 16. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

1. Bản sao biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo các quy định hiện hành.

2. Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 17. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (nếu có);
- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết);

- Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị
- Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)
- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
- Kết quả giám sát đối với các Người điều hành khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 18. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
- c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
- d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty;
- g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;
- h) Các nội dung khác (nếu có).

Chương III. TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

Điều 19. Một số khái niệm liên quan trong tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Trong một số trường hợp cần thiết Hội đồng Quản trị có thể xem xét việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) của Công ty bằng hình thức Đại hội trực tuyến và quy định về việc biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

1. Đại hội trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

2. Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác.

Trong đó, địa điểm chính là nơi chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống bằng Tài khoản truy cập đã được Công ty cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến.

3. Bỏ phiếu điện tử là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Quy chế này.

4. Phương tiện điện tử là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự.

5. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến là việc cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào Hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Công ty.

6. Tài khoản truy cập bao gồm thông tin tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được Công ty cấp duy nhất cho từng cổ đông.

7. Mật khẩu xác thực 1 lần (OTP – One time password): là mật khẩu/mật mã sử dụng một lần, chỉ có giá trị trong một khoảng thời gian nhất định và được nhắn tin vào số điện thoại di động/email của cổ đông đã cung cấp theo Quy chế này. OTP được sử dụng để cổ đông xác nhận thông tin và đồng ý thực hiện các thao tác trên Hệ thống khi tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các tác vụ khác cần xác thực từ cổ đông.

8. Phiên đăng nhập (Session): là thời gian tính từ thời điểm cổ đông truy cập thành công vào Hệ thống cho đến khi: (i) hoặc là cổ đông thực hiện đăng xuất khỏi Hệ thống; (ii) hoặc cổ đông truy cập trên thiết bị khác; (iii) hoặc thời gian tổ chức Đại hội trực tuyến đã kết thúc; (iv) hoặc cổ đông tắt ngang (close) Hệ thống.

9. Hệ thống là tổng hợp các cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tổ chức, vận hành chương trình Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

10. Thời gian mở cửa Hệ thống là thời điểm bắt đầu để cổ đông có thể truy cập, đọc tài liệu và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến. Hệ thống sẽ đóng truy cập theo thông báo của Chủ tọa hoặc Ban tổ chức đại hội.

Điều 20. Tổ chức Đại hội trực tuyến

1. Căn cứ theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị quyết định triệu tập đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức đại hội truyền thống theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp tổ chức đại hội có hình thức trực tuyến, Ban tổ chức đại hội do Hội đồng Quản trị thành lập có trách nhiệm triển khai các thủ tục, công việc theo Quy chế này để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến.

2. Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, gửi thư mời họp, công bố thông tin, gửi tài liệu họp và các công việc khác như tổ chức đại hội truyền thống được quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm gửi văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông.

4. Cổ đông đăng ký tham dự đại hội theo quy định tại Quy chế này là cơ sở xác

định tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức Đại hội trực tuyến.

5. Hình thức cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như tham dự và biểu quyết tại Đại hội truyền thống, Bỏ phiếu truyền thống.

6. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ban hành các hướng dẫn cần thiết phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

Điều 21. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi số cổ đông đăng ký tham dự đại hội đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a. Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.

b. Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.

c. Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

d. Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

Điều 22. Trình tự, thể thức tiến hành Đại hội trực tuyến

1. Việc triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi thư mời họp và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định về triệu tập đại hội truyền thống.

2. Thể thức tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Quy chế này. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản trị ban hành các hướng dẫn để phù hợp với những thay đổi công nghệ và an toàn bảo mật nhưng không trái với các nguyên tắc của Quy chế này.

3. Trường hợp có sự cố kỹ thuật làm ảnh hưởng việc tham dự liên tục Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, cổ đông liên hệ Ban tổ chức đại hội để được hỗ trợ.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham gia đại hội trực tuyến

1. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết tất cả các vấn đề của đại hội, theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội.

2. Có quyền phát biểu ý kiến, thảo luận trực tiếp tại đại hội theo quy định của Quy chế này.

3. Tuân thủ sự điều hành của Ban chủ tọa; không gây rối hoặc gây mất trật tự trong đại hội.

4. Phải đăng ký thông tin số điện thoại di động, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác và gửi thư phản hồi cho Công ty để Ban tổ chức đại hội gửi thư mời họp và/hoặc tài liệu hướng dẫn thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin đã đăng ký.

5. Cổ đông phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Đại hội trực tuyến.

6. Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông được xem là ý chí của cổ đông. Kết quả bỏ phiếu thông qua phương thức điện tử có giá trị như phương thức Bỏ phiếu truyền thống.

7. Được sử dụng Tài khoản truy cập do Ban tổ chức cấp để đăng nhập vào Hệ thống và thực hiện bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của đại hội. Cổ đông phải chịu trách nhiệm và không được quyền khiếu nại khi cổ đông thoát khỏi Hệ thống vì bất kỳ lý do gì hoặc để người khác sử dụng Tài khoản truy cập của mình truy cập vào Hệ thống trong thời gian diễn ra đại hội tính từ thời điểm Hệ thống mở cho việc đăng ký tham dự, thảo luận, biểu quyết đến lúc đóng Hệ thống.

8. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản truy cập và các yếu tố định danh khác do Công ty cung cấp để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

9. Cổ đông phải đảm bảo việc tham dự trực tuyến liên tục trong suốt thời gian diễn ra Đại hội trực tuyến. Hệ thống sẽ tự động ghi nhận là cổ đông tham dự kể từ thời điểm đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến cho tới khi đại hội kết thúc. Trường hợp cổ đông sau khi đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thể tham dự liên tục đến hết chương trình thì có thể thực hiện biểu quyết đối với các nội dung cần xin ý kiến cổ đông trước khi đăng xuất (logout) Hệ thống.

Điều 24. Ban tổ chức đại hội

1. Ban tổ chức đại hội là cơ quan do Hội đồng Quản trị thành lập. Số lượng và thành phần Ban tổ chức đại hội do Hội đồng Quản trị quyết định.

2. Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện các công việc theo quy định tại Quy chế này.

b. Hướng dẫn, đầu mối giải đáp các thắc mắc của cổ đông về việc đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

c. Chuẩn bị phương tiện điện tử, cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

d. Thực hiện các công việc khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 25. Ban kiểm tra cổ đông

1. Ban kiểm tra cổ đông là bộ phận giúp việc của Ban tổ chức đại hội. Số lượng và thành phần Ban kiểm tra cổ đông do Ban tổ chức đại hội quyết định. Ban tổ chức đại hội có thể phân công nhân sự giúp việc cho Ban kiểm tra cổ đông để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Ban kiểm tra cổ đông có trách nhiệm:

a. Kiểm tra tư cách cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

b. Báo cáo trước Đại hội trực tuyến về tỷ lệ cổ đông tham dự đại hội.

3. Phương thức kiểm tra: Ban kiểm tra cổ đông căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản truy cập của các cổ đông để làm cơ sở xác định số cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến.

Điều 26. Chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu

1. Chủ tọa:

a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa cuộc họp, hỗ trợ Chủ tọa có một số thành viên khác cùng tham gia để điều hành cuộc họp (Ban chủ tọa).

b. Ban chủ tọa điều hành Đại hội trực tuyến theo đúng Quy chế này và nội dung chương trình làm việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c. Quyết định của Ban chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội trực tuyến sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

d. Ban chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội trực tuyến một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

2. Ban thư ký:

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Ban thư ký cuộc họp, Ban thư ký thực hiện các công việc sau:

a. Tổng hợp các ý kiến của cổ đông trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến và gửi cho Ban chủ tọa.

b. Ghi chép trung thực diễn biến của Đại hội trực tuyến vào nội dung biên bản và nghị quyết cuộc họp để đại hội thông qua trước khi kết thúc đại hội.

c. Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Chủ tọa giới thiệu một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua, Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:

(i) Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết tại Đại hội trực tuyến.

(ii) Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết; Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Đại hội đồng cổ đông.

b. Ban tổ chức đại hội có thể phân công nhân sự giúp việc cho Ban kiểm phiếu để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 27. Xác nhận tư cách cổ đông

1. Công ty gửi thư mời tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Cổ đông thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

2. Sau khi đã xác thực tư cách cổ đông hợp lệ, Công ty sẽ cấp Tài khoản truy cập cho cổ đông để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, biểu quyết điện tử trên Hệ thống theo hướng dẫn của Công ty nêu tại Khoản 1 của Điều này.

3. Các trường hợp được xem là cổ đông không tham dự Đại hội trực tuyến:

a. Cổ đông không cung cấp thông tin và gửi thư phản hồi về Công ty để xác thực tư cách cổ đông theo yêu cầu.

b. Cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Điều 28 Quy chế này.

Điều 28. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến (Check-in)

1. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và xác thực mã OTP để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Ban tổ chức gửi đến địa chỉ thư điện tử hoặc hướng dẫn được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty (<https://www.opcpharma.com>). Mỗi lần đăng nhập, cổ đông sẽ được nhận 01 mã OTP khác nhau để thực hiện xác thực.

2. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến.

2. Cổ đông có thể thảo luận tại Đại hội trực tuyến bằng hình thức phát biểu trực tuyến hoặc gửi ý kiến thông qua các phương thức kết nối trực tiếp theo hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội, Ban thư ký có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cổ đông và gửi cho Ban chủ tọa.

Điều 30. Hình thức, cách thức biểu quyết

1. Hình thức biểu quyết:

Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức thức bỏ phiếu điện tử theo khoản 3 điều này.

2. Thời điểm biểu quyết:

a. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.

b. Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập Hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về chương trình đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và nội dung sửa đổi về quy chế tổ chức đại hội (nếu có). Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội dung này trên Hệ thống sẽ được Ban tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến.

c. Các kết quả bỏ phiếu được tính theo tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng.

d. Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Ban chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

3. Bỏ phiếu điện tử:

a. Ban tổ chức sẽ cấp cho Cổ đông Tài khoản truy cập và mã OTP để đăng nhập vào hệ thống nhằm thực hiện biểu quyết.

b. Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

c. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không ý kiến” đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.

d. Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình, ngoại trừ nội dung bỏ phiếu nêu tại khoản 2.b Điều này. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số điện thoại trên thông báo mời họp của Công ty để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

4. Kết quả biểu quyết:

a. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

b. Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại

hội trực tuyến.

Điều 31. Tỷ lệ thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Tỷ lệ thông qua quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 11 Quy chế này.

Điều 32. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ các nội dung theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Chương IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

1. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 34. Cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập và tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

3.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

3.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3.3. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 (năm) công ty khác.

3.4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Điều 35. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị

1. Đề cử vào Hội đồng quản trị:

a. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Trường hợp đã xác định được ứng viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);

g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

h. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 36. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn

hết hoặc một phần tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;

b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;

c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

7. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị theo hình thức bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Quy chế Đề cử, Ứng cử, Bầu cử Hội đồng quản trị đính kèm cùng tài liệu họp tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người điều hành khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh Nghiệp.

Trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 40. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có đề nghị bằng văn bản một trong các trường hợp sau đây;

a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d. Trường hợp khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 7 Điều này.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

6. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

7. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

8. Họp trực tuyến hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

c. Các Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức họp trực tuyến sẽ có giá trị và hiệu lực như các Nghị quyết, quyết định được thông qua tại một cuộc họp được tổ chức theo thông lệ thông thường.

Điều 41. Thông báo mời họp và chương trình, nội dung họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp trừ các trường hợp khẩn cấp. Thông báo họp Hội đồng phải đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Điều 42. Biểu quyết và thông qua nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị

1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền có một (01) phiếu biểu quyết; Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được

đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành (trên 50%); Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

Việc kê khai này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 43. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các vấn đề được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

2. Biên bản và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 44. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Trường hợp cần thiết vì lợi ích của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu có liên quan đến nội dung xin ý kiến phải gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày hết hạn trên Phiếu lấy ý kiến, ngoại trừ những trường hợp khẩn.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi Phiếu lấy ý kiến đã trả lời đúng hạn. Phiếu lấy ý kiến không được gửi lại hoặc gửi lại không đúng hạn được coi là không tham gia biểu quyết.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty có trách nhiệm kiểm phiếu và lập Biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị. Biên bản cần nêu rõ các nội dung cần lấy ý kiến, các vấn đề được thông qua, số phiếu đồng ý, không đồng ý và có ý kiến khác hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề, họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan đến các vấn đề xin ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

6. Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến đồng ý của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Trường hợp số tỷ lệ đồng ý và không đồng ý ngang bằng nhau, ý kiến của Chủ tịch sẽ là ý kiến quyết định. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 45. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 46. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ Công ty, quy định tại Quy chế này.

3. Nhiệm kỳ của tiểu ban theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

Điều 47. Tiêu chuẩn thành viên tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn cụ thể của thành viên tiểu ban được quy định chi tiết tại quy chế tổ chức và hoạt động của tiểu ban đó, tuy nhiên cơ bản phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có bằng đại học, có chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng làm việc trong lĩnh vực của tiểu ban phụ trách;

b. Có bằng cấp, chứng chỉ trong trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật;

c. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của Hội đồng quản trị;

2. Trưởng tiểu ban ngoài các điều kiện nêu tại Khoản 1 Điều này phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Điều 48. Nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm của Tiểu ban

1. Nguyên tắc hoạt động

a. Các quyết định của Tiểu ban được thông qua theo nguyên tắc đa số. Việc biểu quyết có thể thực hiện trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thực hiện qua các phương tiện điện tử phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

b. Các quyết định của Tiểu ban phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty.

c. Các hoạt động của Tiểu ban phải bảo vệ, nâng cao tối đa quyền và lợi ích của Công ty

2. Trách nhiệm của Tiểu ban

a. Tham mưu, tư vấn, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong lĩnh vực được phân công, trong việc xây dựng hệ thống quản trị điều hành Công ty.

b. Thực hiện đúng, đầy đủ các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

c. Xây dựng cơ cấu tổ chức, kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ hợp lý giữa các thành viên trong tiểu ban; Phối hợp với các tiểu ban, Người điều hành, các Phòng/Trung tâm của Công ty để hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao.

d. Kịp thời cập nhật kiến thức, tình hình thực tế trong lĩnh vực phụ trách theo chỉ

đạo của Hội đồng quản trị để thông báo tới Người điều hành, các Phòng/Trung tâm của Công ty nhằm hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng công việc, phòng ngừa rủi ro.

e. Báo cáo về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ cụ thể định kỳ và bất thường theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

f. Các trách nhiệm khác quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của tiểu ban.

Chương V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 49. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Bộ máy quản lý Công ty gồm có một Tổng giám đốc điều hành, một số Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và một số vị trí quản lý tương đương do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mãn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 50. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 51. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

a. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại Công ty (nếu có);

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

2. Bổ nhiệm Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Công ty phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

5.1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

5.2. Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 52. Tiêu chuẩn lựa chọn Người điều hành

1. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc tuân thủ theo Điều 51 Quy chế này, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:

a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;

c) Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 05 năm trở lên;

d) Do Tổng giám đốc lựa chọn và giới thiệu với Hội đồng quản trị.

3. Người điều hành khác:

a) Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức chấp hành quy định của pháp luật và của Công ty;

b) Là người có trình độ chuyên môn, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt

các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công. Các tiêu chuẩn cụ thể cho từng vị trí (ngoại trừ vị trí Tổng giám đốc) do Tổng giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 53. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành

1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc: Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo Điều 51 Quy chế này, Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

- Tổng giám đốc có quyền giới thiệu đề Hội đồng quản trị bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

- Hội đồng quản trị tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong Hội đồng quản trị. Trường hợp ứng viên được trên 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị nhất trí thông qua thì Hội đồng quản trị ra Nghị quyết bổ nhiệm vị trí đã biểu quyết.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm tối đa là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

Điều 54. Bổ nhiệm lại chức vụ của Người điều hành Công ty.

1. Khi Người điều hành kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.

2. Việc bổ nhiệm lại được thực hiện căn cứ vào hiệu quả công việc của nhiệm kỳ trước của Người điều hành đó.

Điều 55. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành Công ty

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm Người điều hành Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) cho Người điều hành Công ty. Tổng giám đốc ký hợp đồng lao động với các Người điều hành khác theo uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn và các nội khác theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 56. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Người điều hành Công ty

1. Người điều hành xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì Người điều hành đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người điều hành trong trường hợp sau:

a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;

b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

d. Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành.

e. Những trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Chương VI. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 57. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Căn cứ vào cơ cấu tổ chức tại Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị quyết định thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

2. Ủy ban kiểm toán có từ 02 (hai) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo Điều 18 Quy chế này.

Điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 59. Ứng cử, đề cử và bầu thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;

2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;

5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;

6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.

8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

11. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.

12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 61. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Chương VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 62. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền lợi, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành hoạt động của Công ty mà chỉ đạo thông qua Tổng giám đốc điều hành trong phần lớn công tác quản trị. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được

yêu cầu.

4. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các đề án hoạt động của công ty để trình Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị theo qui định. Khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu thấy có vấn đề không phù hợp với pháp luật hiện hành thì Tổng giám đốc báo cáo với Chủ tịch Hội đồng quản trị để tổ chức điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định.

5. Sau khi được Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua các đề án, Tổng giám đốc được quyền ký quyết định một số đề án theo quy định phân cấp.

6. Tổng Giám đốc có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo qui định phân cấp được Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty đã ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, sự cố) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

7. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị bằng văn bản.

Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc huỷ bỏ thi hành các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.

8. Khi Hội đồng quản trị có yêu cầu, Tổng Giám đốc báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh và công tác quản lý chi phí của Công ty cho Hội đồng quản trị, kiến nghị những vấn đề cần giải quyết và phương hướng nhiệm vụ trong kỳ tới.

9. Báo cáo đột xuất: Khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ xảy ra biến động bất thường lớn, Tổng Giám đốc phải kịp thời báo cáo đột xuất bằng văn bản hoặc các phương tiện thông tin nhanh nhất với Chủ tịch Hội đồng quản trị để có biện pháp xử lý.

10. Tổng giám đốc được quyền quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với các chức danh thuộc thẩm quyền theo sự phân cấp.

11. Tổng giám đốc được quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với nhân viên dưới quyền, trừ những chức danh do Hội đồng quản trị Công ty quyết định

12. Trên cơ sở kế hoạch sử dụng lao động hàng năm theo tình hình thực tế, Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động, điều động lao động với người lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 63. Mọi quan hệ trong thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

1. Hội đồng quản trị có thể mời thành viên Ban Điều hành tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thành viên này được quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

2. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho Tổng giám đốc để thực hiện.

Điều 64. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, về việc thực hiện

nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

2. Tổng giám đốc sẽ cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi:

2.1. Thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.

2.2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị yêu cầu bằng văn bản, thư điện tử (email) đối với các nội dung mà ủy ban đã thông qua rằng Tổng giám đốc phải cung cấp. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc phải thực hiện báo cáo bằng văn bản.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt, quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty do Tổng giám đốc đề xuất phải được hội đồng quản trị phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ thời điểm Hội đồng quản trị nhận được đề xuất hoặc một thời điểm khác theo thỏa thuận.

Điều 65. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

1. Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi công việc và thông tin, hỗ trợ và tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện trách nhiệm của mỗi bên theo đúng quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi bên.

3. Trong trường hợp cần thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và gửi cho Tổng giám đốc trước ít nhất 24 giờ tính từ thời điểm dự kiến sẽ tiếp nhận thông tin, tài liệu.

Đối với các thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi đến Tổng giám đốc trước ít nhất 48 giờ tính từ thời điểm dự kiến sẽ tiếp nhận thông tin, tài liệu.

Đối với việc sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, Ủy ban kiểm toán phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

4. Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VIII. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 66. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

– Có hiểu biết về pháp luật;

- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 67. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị của công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Điều 68. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 69. Trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm. Người phụ trách quản trị Công ty bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều của Quy chế này và Điều lệ Công ty;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

Chương IX. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 70. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành.

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản

trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc điều hành.

2. Nguyên tắc đánh giá: Khách quan, trung thực, công bằng. Bằng chứng của kết quả đánh giá phải được gửi đến thành viên liên quan.

3. Kết quả đánh giá phải được lưu lại và làm cơ sở cho lần đánh giá kế tiếp.

4. Tiêu chí đánh giá thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lần tham dự các kỳ họp định kỳ và bất thường;
- Mức độ hoàn thành công việc theo phân công;
- Số lần vi phạm kỷ luật trong thời gian đánh giá (nếu có).

5. Tiêu chí đánh giá Tổng giám đốc và Người điều hành khác

- Kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Hiệu quả điều hành, quản trị;
- Việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Số lần vi phạm kỷ luật trong thời gian đánh giá (nếu có).

Điều 71. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá, Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị và đề xuất khen thưởng thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Hình thức khen thưởng

a. Bằng tiền.

b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của Công ty và nguồn khác phù hợp quy định của pháp luật.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 72. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương X. CÔNG TY MẸ - CON

Điều 73. Công ty mẹ - Công ty con

1. Công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
- b. Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó;
- c. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

2. Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của công ty không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.

3. Các công ty con của công ty không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp mới theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 74. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công ty đối với công ty con

1. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của công ty con, công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Mọi quan hệ giữa công ty với các công ty con dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa công ty và công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với chủ thể pháp lý độc lập.

3. Trường hợp công ty can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông và buộc công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho công ty con thì công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

4. Người quản lý công ty chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều này phải liên đới cùng công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

5. Trường hợp công ty không đền bù cho công ty con theo quy định tại khoản 3 Điều này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 01% vốn điều lệ của công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh công ty con yêu cầu công ty đền bù thiệt hại cho công ty con.

6. Trường hợp hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều này do công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho công ty con khác của công ty thì công ty con được hưởng lợi phải liên đới cùng công ty hoàn trả khoản lợi được hưởng cho công ty con bị thiệt hại.

Điều 75. Báo cáo tài chính của công ty mẹ, công ty con

1. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty mẹ - công ty con phải lập các báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ theo quy định của pháp luật về kế toán;
- b. Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của công ty mẹ và công ty con;
- c. Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của công ty mẹ và công ty con.

2. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con.

3. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo của công ty sử dụng báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con nêu không có nghi ngờ về việc báo cáo do công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo.

4. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của công ty con. Trong trường hợp người quản lý công ty đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định từ công ty con thì người quản lý công ty mẹ vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm thông tin từ công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.

5. Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của công ty mẹ, công ty con phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty mẹ. Bản sao của báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải được lưu giữ tại chi nhánh của công ty mẹ tại Việt Nam.

6. Ngoài báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty con còn phải lập báo cáo tổng hợp về mua, bán và giao dịch khác với công ty mẹ.

Chương XI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 76. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 77. Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 78. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này thì áp dụng quy định tại Điều lệ và các quy định pháp luật hiện hành. Trường hợp pháp luật có sự điều chỉnh, thay đổi nội dung liên quan hoặc pháp luật điều chỉnh những nội dung chưa quy định tại Quy chế này thì áp dụng những quy định pháp luật đó.

Điều 79. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngàytháng 04 năm 2026 và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC được ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC. Các bản trích lục Quy chế này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của $\frac{1}{2}$ số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Người điều hành khác, các Phòng ban và người lao động Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Lê Sơn

**PHỤ LỤC NHỮNG NỘI DUNG THAY ĐỔI TRONG
QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Quy ước:

- Bỏ: ~~gạch ngang~~ Thêm mới: **chữ đỏ, in đậm**

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
		Gồm 3 chương: Chương 1 Quy định chung Chương 2 quy định cụ thể Chương 3 Điều khoản thi hành	Sắp xếp lại thành 7 chương: Chương I. Quy định chung Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích thuật ngữ. Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị Chương II. Thành viên Hội Đồng Quản Trị Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	Phù hợp với quy chế mẫu tại Phụ Lục III. ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT – BTC.

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
			<p>Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Chương III. Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</p> <p>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.</p> <p>Điều 15. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>Chương IV. Cuộc họp hội đồng quản trị</p> <p>Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Chương V. Báo cáo, công khai các lợi ích</p>	

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
			<p>Điều 18. Trình báo cáo hằng năm</p> <p>Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>Chương VI. Mối quan hệ của Hội đồng Quản trị</p> <p>Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 23. Mối quan hệ với Tổng giám đốc Công ty</p> <p>Điều 24. Bộ máy giúp việc và việc sử dụng con dấu của Hội đồng Quản trị</p> <p>Điều 25. Một số quy trình làm việc chủ yếu</p> <p>Chương VII. Điều khoản thi hành</p> <p>Điều 26. Hiệu lực thi hành</p>	
1	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh:.....</p> <p>2. Đối tượng áp dụng.....</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh:.....</p> <p>2. Đối tượng áp dụng.....</p> <p>3. Giải thích thuật ngữ:</p> <p>a. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của</p>	<p>Bổ sung Khoản 3 Giải thích thuật ngữ</p>

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
			<p>Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;</p> <p>b. “Luật Chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024;</p> <p>c. “Công ty”: Là Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.</p> <p>d. “Điều lệ”: Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua tùy từng thời điểm.</p> <p>e. “Cổ đông”: Là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.</p> <p>f. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội” hay “ĐHĐCĐ”: Là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.</p> <p>g. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;</p>	

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
			<p>h. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính;</p> <p>i. "Người quản lý Công ty": Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.</p> <p>j. "Người điều hành" Công ty là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính;</p> <p>k. "Ban điều hành" gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính.</p> <p>l. "Bỏ phiếu điện tử" là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.</p> <p>m. "Bỏ phiếu truyền thống" là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.</p> <p>Các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p>	
2	Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách	1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 2, Phụ lục III thông

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
		nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.	trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty. 2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	tu 116/2020/TT-BTC
3	Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 3.....	Điều 11.....	Thay đổi thứ tự điều khoản CSPL: Điều 11 Phụ lục III Thông tư 116/2020/TT-BTC
4	Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	Điều 4.....	Điều 12.....	Thay đổi thứ tự điều khoản CSPL: Điều 12 Phụ lục III Thông tư 116/2020/TT-BTC
5	Điều 5. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	Điều 5..... 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;	Điều 13..... 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc	Dẫn chiếu từ Khoản 3 điều 12 Điều lệ Công ty.

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
		<p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p>	<p>báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông ở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng</p>	<p>Công ty chuyển đổi cơ cấu tổ chức → Bỏ BKS</p>

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
		<p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>.....</p> <p>đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>.....</p>	<p>thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>.....</p> <p>đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>.....</p>	<p>Công ty chuyển đổi cơ cấu tổ chức → Bỏ BKS</p>
6	Điều 6. Trình báo cáo hằng năm	Điều 6.....	Điều 18.....	Đổi thứ tự điều khoản
7	Điều 7. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	Điều 7.....	Điều 14.....	Đổi thứ tự điều khoản
8	Điều 8. Công khai các lợi ích liên quan	Điều 8.....	Điều 20.....	Đổi thứ tự điều khoản

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
9	Điều 9. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Điều 9..... 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.	Điều 5..... 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người thành viên, trong đó tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập và tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành.	CSPL: Khoản 79 Điều 1 NĐ 245/2025/NĐ-CP quy định số lượng TV HĐQT độc lập.
10	Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	Điều 10..... 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.	Điều 6..... 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; c) Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác. d) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp. e) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.	Cơ sở pháp lý: Khoản 78 Điều 1 NĐ 245/2025/NĐ – CP sửa đổi Khoản 3 Điều 275 nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định bổ sung, sửa đổi về tiêu chuẩn của Thành viên HĐQT. Bổ sung tiêu chuẩn Thành viên Độc lập HĐQT theo Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
11	Điều 11. Chủ tịch Hội đồng quản trị	<p>Điều 11.....</p> <p>5. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền:</p> <p>Trong trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên của Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy nhiệm khi Chủ tịch vắng mặt;</p> <p>.....</p>	<p>Điều 7.....</p> <p>5. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền:</p> <p>Trong trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên của Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Văn bản ủy quyền cần quy định rõ các nội dung: Thông tin các bên ủy quyền và nhận ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, quyền và nghĩa vụ của các bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền và không trái với các quy định của pháp luật.</p> <p>Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy nhiệm khi Chủ tịch vắng mặt;</p> <p>.....</p>	Đổi thứ tự điều khoản
12	Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<p>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>.....</p> <p>đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>.....</p> <p>đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.</p>	CSPL: Bổ sung thêm nội dung về thành viên độc lập theo Khoản 80 Điều 1 NB

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
			3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị	245/2025/NĐ-CP
13	Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 13.....	Điều 4.....	Đổi thứ tự điều khoản
14	Điều 14. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	Điều 14.....	Điều 8.....	Đổi thứ tự điều khoản
15	<i>Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị</i>	Không quy định	Điều 15. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị Cơ cấu tổ chức, quyền, nghĩa vụ và những nội dung khác liên quan đến Ủy Ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và theo quy định của pháp luật.	Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức → Bổ sung nội dung về Ủy ban kiểm toán + Điều 161 Luật doanh nghiệp
16	Điều 15. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 15	Điều 9.....	Đổi thứ tự điều khoản

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
17	Điều 16. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 16.....	Điều 10.....	Đổi thứ tự điều khoản
18	Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị	Điều 17..... 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	Điều 16..... 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp khẩn cấp . Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	Đề xuất điều chỉnh nhằm quy định chặt chẽ hơn và tạo điều kiện cho các TV HĐQT có thời gian để xem xét, nghiên cứu tài liệu.
19	Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị	Điều 18.....	Điều 17.....	
20	Điều 20. Mọi quan hệ của Hội đồng quản trị	Điều 20..... 1. Mọi quan hệ giữa các thành viên HĐQT	Điều 21 Mọi quan hệ giữa các thành viên HĐQT. Điều 22. Mọi quan hệ với Ủy ban kiểm toán	Tách thành điều riêng

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
		<p>2. Mọi quan hệ với Ban kiểm soát: Được xây dựng trên cơ sở phối hợp, hỗ trợ nhau để cùng thực hiện nhiệm vụ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT tạo điều kiện giúp cho Ban kiểm soát thực hiện đầy đủ và thuận lợi các nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được ghi trong Điều lệ Công ty đồng thời thường xuyên thông báo cho Ban Kiểm soát về những chủ trương, kế hoạch hoạt động chung của HĐQT và của Công ty.</p> <p>3. Mọi quan hệ với Tổng giám đốc Công ty:</p> <p>6. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với các chức danh thuộc thẩm quyền theo sự phân cấp.</p> <p>7. Quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với nhân viên dưới quyền, trừ những chức danh do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.</p>	<p>trực thuộc Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.</p> <p>2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.</p> <p>Điều 23. Mọi quan hệ với Tổng giám đốc Công ty.</p> <p>7. Tổng giám đốc được quyền quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với các chức danh thuộc thẩm quyền theo sự phân cấp.</p> <p>8. Tổng giám đốc được quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với nhân viên dưới quyền, trừ những chức danh do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.</p> <p>10. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng</p>	<p>Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý → Đòi từ Ban kiểm soát sang Ủy ban kiểm toán</p> <p>Tách thành điều riêng</p> <p>Bổ sung khoản mối quan hệ với ban điều hành theo quy định tại</p>

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
			quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.	Điều 22, Phụ lục III. Thông tư 116/2020/TT-BTC
21	Điều 21: Bộ máy giúp việc và việc sử dụng con dấu của Hội đồng Quản trị	Điều 21.....	Điều 24.....	Đổi thứ tự điều khoản
22	Điều 22. Một số quy trình làm việc chủ yếu	Điều 22.....	Điều 25.....	Đổi thứ tự điều khoản

DỰ THẢO

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026.

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính Phủ;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính Phủ;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC sửa đổi bổ sung lần thứ 26 ngày...../...../2026
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026 Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC số: /NQ-DHĐCĐ ngày... tháng.... năm 2026,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC được sửa đổi, bổ sung ngày tháng 04 năm 2026;

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích thuật ngữ

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Giải thích thuật ngữ:

a. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

b. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024;

c. "Công ty": Là Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

d. "Điều lệ": Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua tùy từng thời điểm.

e. "Cổ đông": Là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

f. "Đại hội đồng Cổ đông" hoặc "Đại hội" hay "ĐHĐCĐ": Là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

g. "Người có liên quan": là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;

h. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính.

i. "Người quản lý Công ty": Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

j. "Người điều hành" Công ty là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính.

k. "Ban điều hành" gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính.

l. "Bỏ phiếu điện tử" là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.

m. "Bỏ phiếu truyền thống" là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

Các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên, trong đó tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập và tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.
- d) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong việc phân công, giao nhiệm vụ và đôn đốc các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý Công ty theo đúng quyền hạn nhiệm vụ của Hội đồng

quản trị đã được quy định tại Điều lệ của Công ty và các quy định tại qui chế này;

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc trình duyệt để thực hiện các hoạt động điều hành trong công ty hoặc gửi cho các cơ quan hữu quan; việc ủy quyền (nếu có) cho các thành viên khác ký thay phải được thể hiện bằng văn bản;

e) Ký giấy chứng nhận vốn góp của các cổ đông, xác nhận chuyển nhượng vốn góp, các văn bản liên quan đến vốn góp, quyền chủ sở hữu;

f) Chuyên trách giám sát việc thực hiện các quy chế, nghị quyết, quyết định và các văn bản;

g) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

h) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

i) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

j) Thực hiện các nhiệm vụ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị;

k) Một số nhiệm vụ khác được Hội đồng quản trị ủy quyền thực hiện.

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền:

Trong trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên của Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Văn bản ủy quyền cần quy định rõ các nội dung: Thông tin các bên ủy quyền và nhận ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, quyền và nghĩa vụ của các bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền và không trái với các quy định của pháp luật.

Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy nhiệm khi Chủ tịch vắng mặt;

b) Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền;

c) Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch ủy quyền;

d) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị và pháp luật về việc được ủy quyền;

e) Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy những điều đó trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước

khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông ở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông

bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị.

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Nhiệm kỳ của tiểu ban theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

Điều 15. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Cơ cấu tổ chức, quyền, nghĩa vụ và những nội dung khác liên quan đến Ủy Ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và theo quy định của pháp luật.

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp khẩn cấp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

11. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số các thành viên chấp thuận. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản.

12. Tùy theo nội dung cuộc họp, thành viên Hội đồng quản trị có thể mời chuyên gia hoặc một số chức danh quan trọng khác trong Công ty dự họp để báo cáo và tham gia ý kiến đóng góp tại cuộc họp Hội đồng quản trị, nhưng không có quyền biểu quyết. Việc mời các đối tượng khác ngoài công ty phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp nhất trí.

13. Những vấn đề cần lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị mà do yêu cầu cấp bách hoặc xét thấy không cần thiết phải họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền gửi nội dung cần lấy ý kiến đến các thành viên bằng văn bản hoặc bằng các phương tiện thông tin, liên lạc hợp pháp khác. Ý kiến phản hồi bằng văn bản hoặc các phương tiện thông tin, liên lạc hợp pháp khác của các thành viên HĐQT được gửi cho thư ký chậm nhất 3 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu hoặc theo thời gian quy định. Nếu sau thời gian yêu cầu trả lời, thành viên nào không trả lời xem như thành viên đó không có ý kiến.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách

nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

2. Báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi

có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên của Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập,

đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 23. Mối quan hệ với Tổng giám đốc Công ty

1. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các đề án hoạt động của công ty để trình Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị theo quy định. Khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu thấy có vấn đề không phù hợp với luật pháp hiện hành thì Tổng giám đốc báo cáo với Chủ tịch Hội đồng quản trị để tổ chức điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định.

2. Sau khi được Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua các đề án, Tổng Giám đốc được quyền ký quyết định một số đề án theo quy định phân cấp.

3. Tổng Giám đốc có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo qui định phân cấp được Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty đã ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, sự cố) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

4. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc huỷ bỏ thi hành các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Định kỳ quý, 6 tháng và hàng năm hoặc khi có yêu cầu, Tổng Giám đốc báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý chi phí của Công ty cho Hội đồng quản trị, kiến nghị những vấn đề cần giải quyết và phương hướng nhiệm vụ trong kỳ tới.

6. Báo cáo đột xuất: Khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ xảy ra biến động bất thường lớn, Tổng Giám đốc phải kịp thời báo cáo đột xuất bằng văn bản hoặc các phương tiện thông tin nhanh nhất với Chủ tịch Hội đồng quản trị để có biện pháp xử lý.

7. Tổng giám đốc được quyền quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với các chức danh thuộc thẩm quyền theo sự phân cấp.

8. Tổng giám đốc được quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với nhân viên dưới quyền, trừ những chức danh do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

9. Trên cơ sở kế hoạch sử dụng lao động hàng năm theo tình hình thực tế, Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động, điều động lao động với người lao động theo quy định của pháp luật.

10. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 24. Bộ máy giúp việc và việc sử dụng con dấu của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng nhân sự và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng

giám sát hoạt động của mình.

2. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định.

3. Hội đồng quản trị có thể mời các chuyên gia có kinh nghiệm bên ngoài tham gia Ban cố vấn để góp ý các mặt hoạt động của Công ty. Thù lao của các chuyên gia do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 25. Một số quy trình làm việc chủ yếu

1. Quy trình chuẩn bị ban hành Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị :

1.1 Chuẩn bị đề án, các văn bản dự thảo :

a) Những văn bản quan trọng phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc cho ý kiến về đề cương nghiên cứu. Những đề án lớn, thời gian nghiên cứu dài thì phải định kỳ báo cáo tiến độ công việc, những vướng mắc và biện pháp xử lý cho Hội đồng quản trị. Dự thảo đề án, các văn bản có thể đưa ra lấy ý kiến của các thành viên ban điều hành, phụ trách các đơn vị. Nếu cần thiết, phải tham khảo ý kiến của luật sư, các chuyên gia ngoài Công ty trước khi trình Hội đồng quản trị ;

b) Những hồ sơ Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị về các vấn đề tài chính, gửi kèm theo tờ trình của Kế toán trưởng lên Tổng Giám đốc và các tài liệu có liên quan, khi họp Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người được phân công sẽ trình bày báo cáo này trước Hội đồng quản trị .

1.2 Báo cáo đề án:

a) Đề án (bao gồm giải trình dự án và các dự thảo Quyết định nếu có) phải được gửi trước tới các thành viên Hội đồng quản trị ;

b) Trong phiên họp, người chủ trì đề án trình bày đề án được chọn và thư ký tổng hợp những ý kiến còn khác nhau.

1.3 Ký nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị :

Thư ký Công ty căn cứ vào kết luận của Chủ tịch Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị thông qua để hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trình Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền ký, ban hành.

2. Các văn bản thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị do Thư ký trình Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền ký, ban hành.

3. Quy trình, quy định khác :

Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị ban hành các quy định riêng về các quy trình sau đây:

a) Xử lý kỷ luật cán bộ quản lý theo Bộ Luật lao động và sự phân cấp của Hội đồng quản trị ;

b) Quy trình chuẩn bị, thẩm định, phê duyệt các hợp đồng kinh tế, dự án đầu tư, dự án góp vốn liên doanh,...;

c) Quy định liên quan đến quản lý tài chính;

d) Và các quy trình, quy định, quy chế cần thiết khác trong quá trình quản lý và điều hành Công ty.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cổ phần Dược phẩm OPC bao gồm 7 chương, 26 điều; có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 04 năm 2026 và thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty ban hành ngày 22/10/2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Lê Sơn

Số: /TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày tháng 04 năm 2026.

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua số lượng, danh sách nhân sự ứng cử, đề cử bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
 - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;
 - Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;
 - Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;
- Theo quy định tại Điều lệ Công ty, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2021–2026 sẽ kết thúc sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 bầu ra Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới.

Vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua số lượng và danh sách ứng cử viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026–2031, cụ thể như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026–2031: 05 (năm) thành viên.

2. Danh sách ứng cử viên

Danh sách các ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và được đề cử, ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026–2031 như sau:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên môn	Địa chỉ cư trú
1				
2				
3				
4				
5				

(Sơ yếu lý lịch các ứng cử viên đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin chân thành cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: OPC.000...

MẪU

Họ và tên Đại biểu: ...

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: ... phiếu biểu quyết

Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: ... phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: ... phiếu biểu quyết

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2026 và phương hướng kế hoạch nhiệm kỳ 2026-2031.			
Nội dung 02: Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 , nhiệm kỳ 2021-2026.			
Nội dung 03: Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025 và nhiệm kỳ 2021-2026.			
Nội dung 04: Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 (hợp nhất và riêng) đã kiểm toán.			
Nội dung 05: Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026.			
Nội dung 06: Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.			
Nội dung 07: Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025.			
Nội dung 08: Tờ trình Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC			
Nội dung 09: Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.			
Nội dung 10: Tờ trình Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.			
Nội dung 11: Tờ trình thông qua số lượng, danh sách nhân sự ứng cử, đề cử bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031.			

Hướng dẫn:

Cô đồng đánh dấu chọn “(X)” hoặc “(√)” vào 1 trong 3 ô: **Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến** đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày ... tháng 04 năm 2026

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)

Số: /NQ – ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2026.

DỰ THẢO**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC
(Theo hình thức trực tiếp)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ngày 25/4/2026;
- Căn cứ kết quả biểu quyết các vấn đề đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và phương hướng kế hoạch nhiệm kỳ 2026 - 2031 (*Báo cáo kèm theo*).

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, nhiệm kỳ 2021 - 2026 (*Báo cáo kèm theo*).

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025 và nhiệm kỳ 2021 - 2026 (*Báo cáo kèm theo*).

Điều 4. Thông qua các Báo cáo tài chính năm 2025 (hợp nhất và riêng) đã kiểm toán.

Điều 5. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận 2025 và kế hoạch năm 2026:

A - Phân phối lợi nhuận:**1. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2025:***Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
I. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 sau kiểm toán		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025	1	192.201.683.236
II. Báo cáo tài chính riêng năm 2025 sau kiểm toán		

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2024	2	80.204.907.307
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN năm 2025	3	111.115.674.983
Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025	4	7.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025	5=2+3-4	184.320.582.290
III. Thực hiện phân phối lợi nhuận		
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2025 (10%).	$6=3*10\%$	11.111.567.000
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi năm 2025 (12%), trong đó:	$7=3*12\%$	13.333.881.000
+ Đã tạm trích	8	7.000.000.000
- Chi trả cổ tức năm 2025 (25%), trong đó:	9	160.127.223.600
+ Cổ tức bằng tiền mặt: 8%/mệnh giá	10	51.240.713.600
+ Cổ tức bằng cổ phiếu: 17%/mệnh giá	11	108.886.510.000
Lợi nhuận năm 2025 còn lại chuyển năm sau tại BCTC riêng	12=5-6-7+8-9	6.747.910.690

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Chỉ tiêu	Kế hoạch
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2026	10% lợi nhuận sau thuế 2026
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi năm 2026	12% lợi nhuận sau thuế 2026
Trích cổ tức năm 2026	Tối thiểu 12%/vốn điều lệ

B - Phương án sử dụng:

- Việc quản lý và sử dụng các quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.
- Nhằm bảo đảm việc khen thưởng, phúc lợi được thực hiện kịp thời trong năm, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm, trên cơ sở kế hoạch phân phối lợi nhuận đã được thông qua và không vượt mức trích quỹ theo kế hoạch năm.

Điều 6: Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các nội dung chính như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tăng trưởng %
Doanh thu Công ty mẹ	1.045,63	1.150	+10,0%
Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ	139,42	165	+18,3%
Doanh thu hợp nhất	1.124,55	1.250	+11,2%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	148,04	175	+18,2%

Điều 7: Thông qua Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mã chứng khoán: OPC
4. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Vốn điều lệ hiện tại: 640.508.920.000 đồng
6. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 64.050.892 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 64.050.892 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 10.888.651 cổ phiếu
 8. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 108.886.510.000 đồng
 9. Tổng số cổ phiếu dự kiến sau phát hành: 74.939.543 cổ phiếu
 10. Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025
 11. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông. Thời điểm chốt danh sách cổ đông được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.
 12. Mục đích phát hành: Trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, gia tăng vốn điều lệ, nâng cao năng lực tài chính của Công ty.
 13. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 17%.
 14. Tỷ lệ thực hiện quyền: Tỷ lệ 100:17. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 17 cổ phiếu mới.

15. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có): Số lượng cổ phiếu phát hành thêm của mỗi cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 70 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:7, cổ đông A được nhận $(70/100 * 17) = 11,9$ cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 11 cổ phiếu mới. Số phần thập phân là 0,9 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.

16. Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC.

17. Thời gian dự kiến thực hiện: Dự kiến từ Quý II/2026, sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ báo cáo phát hành. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và theo quy định của pháp luật.

18. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung: Sau khi hoàn tất đợt phát hành, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

19. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty liên quan đến vốn điều lệ và thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành.

20. Ủy quyền Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ báo cáo phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác trên cơ sở phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025;
- Thực hiện sửa đổi, bổ sung các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;

- Thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh số lượng cổ phiếu phát hành thêm theo kết quả thực tế của đợt phát hành sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên;
- Quyết định các vấn đề phát sinh khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Điều 8: Thông qua Tờ trình thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động

Mô hình hiện tại	Mô hình thay đổi
Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc; trong đó ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

1. Tổ chức triển khai mô hình tổ chức quản lý mới của Công ty bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ có liên quan để phù hợp với mô hình tổ chức quản lý mới;
3. Thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và thực hiện việc bầu, bổ nhiệm nhân sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 9: Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026

1. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán:
 - Là công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính cho các công ty niêm yết;
 - Có uy tín, kinh nghiệm và đội ngũ kiểm toán viên có chuyên môn cao;
 - Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với phạm vi và tiến độ kiểm toán của Công ty.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị trong việc chọn lựa 01 trong số các Công ty kiểm toán sau để kiểm toán cho Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC trong năm tài chính 2026 cụ thể:
 - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
 - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
 - Công ty TNHH KPMG Việt Nam
 - Công ty TNHH PwC Việt Nam

- Công Ty TNHH hãng Kiểm toán AASC

Trường hợp không đạt được thỏa thuận với các công ty nêu trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán khác trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 10: Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 11: Thông qua Tờ trình về số lượng, danh sách nhân sự ứng cử, đề cử bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2026 - 2031 như sau:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ bầu cử
1			
2			
3			
4			
5			

Kết quả trúng cử 05 thành viên Hội đồng quản trị như sau:

1. Ông/Bà ...
2. Ông/Bà ...
3. Ông/Bà ...
4. Ông/Bà ...
5. Ông/Bà ...

Điều 12: Điều khoản thi hành.

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (theo hình thức trực tiếp) thông qua vớicổ phần tương ứng với% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ cho Hội đồng Quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Đại hội này theo đúng Pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Tất cả các cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm thi hành Quyết Nghị này.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**